

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
**THỜI KỲ 2021-2030 HUYỆN THOẠI SƠN**  
**- TỈNH AN GIANG**

Thoại Sơn, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT  
THỜI KỲ 2021-2030 HUYỆN THOẠI SƠN  
- TỈNH AN GIANG**

*An Giang, ngày tháng năm 202*  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH AN GIANG**

*Thoại Sơn, ngày tháng năm 202*  
**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN**

**Thoại Sơn, năm 2024**

MỤC LỤC

TỪ NGỮ VIẾT TẮT .....	iv
DANH SÁCH BẢNG.....	v
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
<b>Phần I .....</b>	<b>5</b>
<b>SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>5</b>
<b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>5</b>
I.1. Căn cứ pháp lý lập Điều chỉnh quy hoạch .....	5
I.2. Cơ sở thực hiện đánh giá, xây dựng Điều chỉnh quy hoạch .....	6
<b>II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>6</b>
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....	6
2.1.1. Điều kiện tự nhiên .....	6
2.1.2. Các nguồn tài nguyên .....	9
2.1.3. Thực trạng môi trường.....	13
2.1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường .....	13
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	14
2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế .....	14
2.2.2. Thực trạng phát triển ngành các kinh tế .....	14
2.2.3. Dân số, lao động và việc làm.....	17
2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	17
2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.....	18
2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất. ....	24
<b>III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH.....</b>	<b>26</b>
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.....	26
3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất. ....	30
<b>IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>41</b>
4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. ....	41

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	48
4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	49
<b>Phần II.....</b>	<b>51</b>
<b>PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030.....</b>	<b>51</b>
<b>I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>51</b>
1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. ....	51
1.2. Quan điểm sử dụng đất. ....	52
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.....	56
<b>II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>58</b>
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	58
2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	58
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.....	60
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....	64
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã.....	64
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	68
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	92
2.2.4. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng. ....	101
<b>III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>105</b>
3.1. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. ....	105
3.2. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực. ....	105
3.3. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. ....	106
3.4. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	106

3.5. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc..	107
3.6. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ. ....	107
<b>Phần III</b> .....	<b>108</b>
<b>GIẢI PHÁP THỰC HIỆN</b> .....	<b>108</b>
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	108
I.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.....	108
I.2. Giải pháp về môi trường .....	108
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	109
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	109
IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC .....	110
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>113</b>
I. KẾT LUẬN .....	113
II. KIẾN NGHỊ .....	113

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BĐKH:	Biến đổi khí hậu
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CT:	Chỉ thị
ĐBSCL:	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐCQHSDĐ:	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất
DTTN:	Diện tích tự nhiên
HĐND:	Hội đồng nhân dân
KCN:	Khu công nghiệp
KHSDĐ:	Kế hoạch sử dụng đất
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ:	Quyết định
QHSDĐ:	Quy hoạch sử dụng đất
QLNN:	Quản lý nhà nước
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT:	Thông tư
TTCN:	Tiểu thủ công nghiệp
TW:	Trung ương
UBND:	Ủy ban nhân dân

**DANH SÁCH BẢNG**

Bảng 1. Các loại đất chính trên địa bàn huyện Thoại Sơn.....	10
Bảng 2. Hiện trạng mạng lưới đường huyện.....	19
Bảng 3. Hiện trạng sử dụng theo từng loại đất năm 2023 huyện Thoại Sơn.....	31
Bảng 4. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2023.....	32
Bảng 5. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2023.....	35
Bảng 6. Tình hình biến động các loại đất giai đoạn 2021 – 2023.....	39
Bảng 7. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp kỳ trước .....	42
Bảng 8. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp kỳ trước....	43
Bảng 9. Các công trình dự án đã thực hiện giai đoạn 2021 – 2023 .....	46
Bảng 10. Sự phù hợp của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thoại Sơn với chỉ tiêu cấp trên phân bổ.....	64
Bảng 11. Danh mục các dự án lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2024-2030 .....	70
Bảng 12. Danh mục công trình đất ở tại nông thôn giai đoạn 2024-2030.....	72
Bảng 13. Danh mục công trình đất ở tại đô thị giai đoạn 2024-2030.....	73
Bảng 14. Danh mục công trình đất trụ sở cơ quan giai đoạn 2024-2030 .....	74
Bảng 15. Danh mục các dự án đất Quốc phòng giai đoạn 2024-2030.....	75
Bảng 16. Danh mục các dự án đất An ninh giai đoạn 2024-2030 .....	76
Bảng 17. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa giai đoạn 2024-2030 .....	76
Bảng 18. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở y tế giai đoạn 2024-2030...	77
Bảng 19. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.....	78
Bảng 20. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giai đoạn 2024-2030.....	79
Bảng 21. Danh mục công trình đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp giai đoạn 2024- 2030 .....	79
Bảng 22. Danh mục công trình, dự án đất cụm công nghiệp giai đoạn 2024-2030 .....	80
Bảng 23. Danh mục công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ.....	80
Bảng 24. Danh mục công trình, dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giai đoạn 2024-2030.....	81
Bảng 25. Danh mục công trình đất giao thông giai đoạn 2024-2030 .....	83

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030**  
**huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

---

Bảng 26. Danh mục công trình thủy lợi giai đoạn 2024-2030.....	88
Bảng 27. Danh mục công trình cấp nước, thoát nước giai đoạn 2024-2030 .....	88
Bảng 28. Danh mục công trình đất di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên giai đoạn 2024-2030 .....	88
Bảng 29. Danh mục công trình đất năng lượng giai đoạn 2024 - 2030 .....	89
Bảng 30. Danh mục công trình đất chợ dân sinh, chợ đầu mối giai đoạn 2024-2030 .....	90
Bảng 31. Danh mục công trình đất sinh hoạt cộng đồng giai đoạn 2024-2030..	90
Bảng 32. Danh mục công trình tôn giáo giai đoạn 2024-2030 .....	91
Bảng 34. Danh mục công trình đất cơ sở tín ngưỡng giai đoạn 2024-2030 .....	92
Bảng 35. Danh mục công trình đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giai đoạn 2024-2030 .....	92
Bảng 36. Phân kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm trong Điều chỉnh QHSDD ...	102



## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Theo quy định của Luật Đất đai, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là một trong những căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (khoản 3 Điều 40) để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (Khoản 1 Điều 52) đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và toàn tỉnh. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất của mỗi địa phương và toàn tỉnh.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về giải thích một điều của Luật quy hoạch, UBND huyện Thoại Sơn đã lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Thoại Sơn, được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021.

Hiện nay, quy hoạch cấp quốc gia đã được phê duyệt tại quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ “Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025” và Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023.

Tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất tỉnh đến năm 2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, chỉ tiêu phân bổ cho huyện Thoại Sơn làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất, không còn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Ngoài ra, sau hơn 02 năm triển khai thực hiện quy hoạch có phát sinh các công trình, dự án cần phải điều chỉnh vị trí thực hiện, quy mô diện, không còn phù hợp và các công trình bổ sung mới.

Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14) nêu rõ “Lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch; tập trung ưu tiên lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước.

Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn. Trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch cùng cấp,

căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các văn kiện của Đảng, chiến lược phát triển ngành và từ yêu cầu thực tiễn, cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch quyết định điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch.

Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên đến quy hoạch quy định việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện khi có một trong các căn cứ sau: “có sự điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia,... quy hoạch tỉnh mà sự điều chỉnh đó làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất”.

Do đó, để đáp ứng kịp thời với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đảm bảo quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả trong giai đoạn mới nên việc Lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất là rất cần thiết và cấp bách. Trước những vấn đề trên, UBND huyện Thoại Sơn tiến hành “Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang”.

## **1. Mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ lập quy hoạch**

### **1.1. Mục đích**

- Đảm bảo cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện thời kỳ 2021 - 2030.

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với định hướng phát triển không gian về lâu dài, đồng thời đáp ứng nhu cầu, phù hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các phường, xã trên địa bàn thành phố cụ thể đến năm 2030 và trong tương lai xa, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang phân bổ tại Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023.

- Kết quả Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất sau khi phê duyệt là cơ sở pháp lý để phân bổ nhu cầu sử dụng đất cho Quy hoạch các ngành, lĩnh vực trong huyện.

- Quy hoạch sử dụng đất là công cụ để nhà nước quản lý về đất đai trên phạm vi toàn huyện, là cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kêu gọi và thu hút đầu tư, khai thác các nguồn thu từ đất.

- Là căn cứ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch – Kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt.

### **1.2. Yêu cầu**

- Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện phải phù hợp với Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị

định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các hướng dẫn, quy định mới của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy hoạch – Kế hoạch sử dụng đất;

- Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của huyện phải căn cứ vào Nghị quyết huyện Đảng bộ lần thứ XII (nhiệm kỳ 2021 - 2025); Quy hoạch kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030; các định hướng, Quy hoạch của Chính phủ, Bộ ngành TW và của tỉnh có liên quan đến huyện;

### **1.3. Nhiệm vụ**

- Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã đã được phân bổ trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện của Quy hoạch tỉnh;

- Phân tích và đánh giá Hiện trạng sử dụng đất đến năm 2023, biến động sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2023, tình hình thực hiện Quy hoạch – Kế hoạch sử dụng đất huyện Thoại Sơn đến 2023 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ Điều chỉnh Quy hoạch của các đơn vị hành chính cấp xã và các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện;

- Xác định diện tích các loại đất để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện: Đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản tập trung, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp cấp huyện; đất phát triển hạ tầng cấp huyện; đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại; đất hoạt động khoáng sản; đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nghĩa địa cấp huyện; đất di tích danh lam thắng cảnh...;

- Xác định diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đáp ứng nhu cầu của huyện, xác định diện tích đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng;

- Dự kiến thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ về đất, tái định cư tại huyện;

- Xây dựng bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, bản đồ chuyên đề;

- Giải pháp thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất.

## **2. Bộ cục của báo cáo**

Nội dung của báo cáo tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 huyện Thoại Sơn, ngoài phần mở đầu, phần kết luận và kiến nghị, được bố cục thành 3 phần chính như sau:

Phần I: Sự cần thiết Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất.

Phần II: Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Phần III: Giải pháp thực hiện.

### **3. Các sản phẩm của dự án**

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2024 - 2030 huyện Thoại Sơn và hệ thống bảng biểu số liệu kèm theo;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện năm 2023, tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2030, tỷ lệ 1/25.000;
- Các bản đồ chuyên đề có liên quan;
- Đĩa CD ghi báo cáo tổng hợp, dữ liệu, bản đồ số hoá (bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ Điều chỉnh quy hoạch và các bản đồ chuyên đề khác...).

## **Phần I**

# **SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **I.1. Căn cứ pháp lý lập Điều chỉnh quy hoạch**

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;
- Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 4707/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh, lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 1065/UBND-KTN ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh về lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh và Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- Công văn số 2135/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất tỉnh đến năm 2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

## **I.2. Cơ sở thực hiện đánh giá, xây dựng Điều chỉnh quy hoạch**

- Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Thoại Sơn;
- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quy hoạch các Sở, ngành về Nông nghiệp, giao thông, công nghiệp, giáo dục, văn hóa thể dục thể thao; y tế....;
- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Thoại Sơn;
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện;
- Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn;
- Kết quả kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Thoại Sơn năm 2014, 2019;
- Kết quả thống kê đất đai huyện Thoại Sơn các năm từ 2020 - 2022;
- Niên giám thống kê huyện Thoại Sơn năm 2022;
- Các tài liệu, số liệu khác có liên quan.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.**

#### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

##### **a) Vị trí địa lý**

Thoại Sơn nằm về phía Đông Nam của tỉnh An Giang, thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên, Trung tâm huyện lỵ là thị trấn Núi Sập (đạt đô thị loại IV vào năm 2015) cách TP. Long Xuyên khoảng 25 km về hướng Đông Bắc, cách TP. Châu Đốc khoảng 80 km về hướng Bắc, cách TP Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang khoảng 25 km về phía Tây Nam và cách TP.Cần Thơ khoảng 70 km về phía Nam. Huyện có tọa độ địa lý trong khoảng từ 10<sup>0</sup>16'09" đến 10<sup>0</sup>22'22" vĩ độ Bắc và từ 105<sup>0</sup>05'51" đến 105<sup>0</sup>26'20" kinh độ Đông. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Long Xuyên.
- Phía Tây giáp huyện Tri Tôn.
- Phía Nam giáp tỉnh Kiên Giang và thành phố Cần Thơ.
- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên của toàn huyện là 47.103,78 ha (số liệu thống kê năm 2020) chiếm 13,31% diện tích của tỉnh, lớn thứ hai tỉnh (sau huyện Tri Tôn). Dân số 163.335 người, mật độ dân số trung bình đạt 347 người/km<sup>2</sup> (niên giám thống kê huyện Thoại Sơn). Đông dân thứ 5 so với các huyện khác của tỉnh.

Về đơn vị hành chính, Thoại Sơn gồm có 3 thị trấn: Núi Sập, Phú Hòa, Óc Eo và 14 xã gồm: Tây Phú, An Bình, Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Phú Thuận, Vĩnh Chánh, Định Mỹ, Định Thành, Mỹ Phú Đông, Vĩnh Khánh, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng Đông và Vọng Thê.

**b) Địa hình, địa mạo**

Thoại Sơn có địa hình thuộc bán sơn địa (vừa có núi vừa có đồng bằng). Địa hình của huyện có cao độ thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, cao độ trung bình dao động trong khoảng 0,8 - 1,2m (khu vực đồng bằng). Nơi có địa hình thấp nhất tập trung chủ yếu thuộc địa bàn xã Bình Thành, có nơi cao độ rất thấp khoảng 0,3m so với mực nước biển. Nơi có địa hình cao nhất tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc Eo, xã Vọng Đông và một phần xã An Bình, nơi tập trung những đồi núi vừa và nhỏ. Đặc biệt khu vực núi Ba Thê thuộc thị trấn Óc Eo có nơi cao độ lên đến trên 200m.

**c) Khí hậu**

Huyện Thoại Sơn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm. Trong năm, có mùa mưa và mùa khô, nền nhiệt tương đối cao và ổn định, lượng mưa nhiều và phân bố theo mùa, mang đặc tính khí hậu chung của tỉnh An Giang.

- Nhiệt độ: Tương đồng với nền nhiệt của tỉnh, tuy nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu vùng Tây Nam Bộ, nhưng với địa hình đồi núi đan xen đồng bằng, đã tạo cho Thoại Sơn có nền nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm cao hơn ở các vùng khác. Nhiệt độ không khí bình quân năm đạt 27,7<sup>0</sup>C, dao động trong khoảng 25,3<sup>0</sup>C - 29,4<sup>0</sup>C.

- Lượng bốc hơi và độ ẩm không khí: Lượng bốc hơi nước trên địa bàn huyện Thoại Sơn thay đổi theo mùa, mùa khô lượng bốc hơi nước tương đối lớn, thường chiếm khoảng 2/3 lượng bốc hơi nước của cả năm. Lượng bốc hơi bình quân hàng năm đạt từ 1.200 mm - 1.350 mm/năm. Tháng 3 và 4 có lượng bốc hơi lớn nhất (trên 160mm/tháng), tháng 9 và tháng 10 có lượng bốc hơi tương đối nhỏ (khoảng 80mm/tháng).

Độ ẩm không khí: tháng thấp nhất đạt 65,8% và tháng cao nhất đạt 82,7%, trung bình năm đạt 76,6%.

- Lượng mưa: Chế độ mưa của huyện phân hóa thành 2 mùa rõ rệt, sự thay đổi lượng mưa giữa các tháng trong năm tương đối phức tạp nhưng mức độ biến

động không lớn. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và lượng mưa tập trung vào các tháng từ tháng 7 đến tháng 11. Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến cuối tháng 4 năm sau, tổng lượng mưa trong năm đạt 1419mm/năm.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trong đạt 2514 giờ/năm, tháng có số giờ nắng thấp nhất đạt 173 giờ, tháng cao nhất đạt 273 giờ.

- Gió: Chế độ gió của huyện khá thuận với 2 chế độ gió mùa rõ rệt. Từ tháng 5 đến tháng 11 có gió mùa Tây Nam, Nam - Tây Nam mang theo hơi nước từ biển Đông về tạo mưa; từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau là gió mùa Đông Bắc, Bắc - Đông Bắc có đặc điểm lạnh và khô; tốc độ gió trung bình trong năm tương đối mạnh, đạt khoảng 3m/s. Thoại Sơn trong những năm qua ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, các hiện tượng lốc xoáy thỉnh thoảng xảy ra trong mùa mưa nhưng tần suất thấp nên mức độ ảnh hưởng không lớn.

Tóm lại, với nền nhiệt cao và đều trong năm, nhiều nắng, mưa theo mùa và không có bão, điều kiện khí hậu của huyện khá thuận lợi cho việc phát triển các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp lẫn phi nông nghiệp.

#### d) Chế độ thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện phụ thuộc chủ yếu vào chế độ bán nhật triều không đều, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy sông Hậu cùng các yếu tố khác như: chế độ gió, chế độ mưa, đặc điểm địa hình, địa mạo và hình thái kênh, rạch,...Mực nước đỉnh triều cao nhất trên sông Hậu là 2,63m và mực nước thấp nhất là 0,79m.

Kênh Rạch Giá - Long Xuyên nối sông Hậu tại Long Xuyên kéo dài theo hướng Tây Nam, ngang qua thị trấn Núi Sập, tiếp giáp với sông Kiên Giang đổ ra biển Tây tại cửa biển Rạch Giá, lưu lượng trung bình năm khoảng 3.000m<sup>3</sup>/giây (lưu lượng vào mùa mưa khoảng 4.500m<sup>3</sup>/giây, vào mùa khô khoảng 2.000m<sup>3</sup>/giây). Hàng năm vào mùa nước nổi, Thoại Sơn thường ít bị thiệt hại hơn so với các địa bàn khác trong tỉnh do địa hình trung bình tương đối cao, trên 98% diện tích đất canh tác được đê bao kiểm soát lũ, cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện.

Ngoài ra còn có nhiều kênh rạch tự nhiên vừa phục vụ cho tưới tiêu trong sản xuất, vừa phục vụ cho sinh hoạt và giao thông đường thủy. Hệ thống kênh đào gồm các kênh chính như: Kênh ranh Thoại Sơn - Tri Tôn, Kênh Tân Vọng, Kênh Trục, Kênh Bốn Tổng... Hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo đất, cung cấp lượng phù sa màu mỡ và là hệ thống thoát lũ ra biển Tây. Bên cạnh đó, nguồn nước mưa tương đối lớn thuận lợi cho việc tích trữ sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.



### **2.1.2. Các nguồn tài nguyên**

#### **a) Tài nguyên đất**

Theo tài liệu thổ nhưỡng Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang do trường Đại học An Giang xây dựng năm 2005, trên địa bàn huyện Thoại Sơn có các loại đất như sau:

\* Nhóm đất cát núi: diện tích 926 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích tự nhiên.

- Eutric Leptosols (ký hiệu LPe, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá). Đặc điểm của loại đất này là có tầng mặt rất mỏng, thường không dày hơn 30cm. Sa cấu của loại đất này phần lớn là cát và các thành phần không phải là đất (cấp hạt có đường kính >2mm), cùng với xác bã hữu cơ. Do bị rửa trôi hàng năm nên các nguyên tố dinh dưỡng của loại đất này rất kém, chỉ thích hợp cho việc trồng các loại cây lâu năm có bộ rễ ăn sâu hoặc trồng rừng. Đất này tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Óc Eo, thị trấn Núi Sập, xã An Bình và xã Vọng Đông.

\* Nhóm đất phù sa: 44.985 ha, chiếm 95,50% tổng diện tích tự nhiên. Gồm 3 loại đất chính.

- Fluvi Mollic Gleysols (ký hiệu GLmf, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi): có diện tích 5.619 ha, chiếm 11,98% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất có đặc tính fluvic ít nhất là một tầng đất trong suốt phẫu diện. Tuy nhiên, đặc tính chủ yếu của biểu loại đất này là đặc tính glây, xuất hiện trong vòng 50 cm lớp đất mặt. Khác với các biểu loại đất phù sa không phèn khác, biểu loại đất này có tầng mặt tương đối dày, thường là 25 cm hay sâu hơn (đôi khi mỏng hơn tùy theo độ dày của solum). Tầng mặt này có màu sậm do tích tụ chất hữu cơ. Độ bão hòa base > 50% chứng tỏ độ phì tiềm tàng cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng. Tuy nhiên, cần thận trọng trong việc bón phân dư thừa trên các vùng thâm canh cao, điều này có thể dẫn đến việc tăng đặc tính hóa học không có lợi cho đất. Hiện tại phần lớn diện tích của loại đất này trên địa bàn huyện Thoại Sơn là dùng để canh tác nông nghiệp (trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản, cây lâu năm...). Loại đất này tập trung chủ yếu ở thị trấn Phú Hòa, xã Phú Thuận, xã Vĩnh Chánh và một phần xã Vĩnh Trạch.

- Umbric Gleysols (ký hiệu GLu, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém): có diện tích 6.203 ha, chiếm 13,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Vĩnh Trạch, Vĩnh Phú, Vọng Thê, Vọng Đông và một phần xã Định Mỹ. Đặc tính của loại đất này là có tầng mặt tương đối dày thường là 25cm hoặc cao hơn, có màu hơi sậm do tích tụ nhiều chất hữu cơ. Tuy nhiên, độ bão hòa base <50, đây là dấu hiệu chứng tỏ độ phì tiềm tàng thấp. Vì thế khi canh tác cần bố trí mùa vụ thích hợp hoặc có biện pháp canh tác hợp lý.

- Humi Umbric Gleysols (ký hiệu GLuh, đất glây, đọng mùn, dinh dưỡng kém): có diện tích 33.163 ha, chiếm 70,73% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

loại đất có sự tích tụ mùn ở tầng mặt tương đối dày, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là cây trồng cạn. Hiện trạng loại đất này chủ yếu dùng để canh tác lúa và các loại hoa màu. Đây cũng là loại đất hầu hư phổ biến ở 17 xã, thị trấn của huyện.

\* Nhóm đất phèn: 1.157,88 ha, chiếm 2,46% tổng diện tích tự nhiên. Gồm có 3 loại đất chính.

- Dystric–Orthic–Endo Thionic Fluvisols, with jarosite (ký hiệu FLt(oenj)d, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, có phù sa bồi): có diện tích 10,95 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phẫu diện trong các tầng đất khác nhau ở độ sâu hơn 50 cm. Tầng mặt thường mỏng, và độ bão hòa base thấp là những yếu tố kết hợp gây bất lợi cho cây trồng, nên khi bón phân cần kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung. Loại đất này tập trung duy nhất ở địa bàn xã Vọng Thê.

- Umbri–Orthic–Endo Thionic Gleysols (ký hiệu GLt(oen)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm jarosite, glây): có diện tích 999 ha chiếm 2,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Tây Phú, An Bình và một phần xã Vọng Thê. Đây là loại đất phèn trung bình, không có đốm jarosite trong phẫu diện đất. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Nhìn chung loại đất này thích nghi với nhiều loại cây trồng.

- Umbri–Orthic–Endo Thionic Gleysols, with jarosite (ký hiệu GLt(oenj)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, glây): có diện tích 148 ha, chiếm 0,32% diện tích tự nhiên, tập trung duy nhất ở địa bàn thị trấn Núi Sập. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phẫu diện đất ở các tầng đất khác nhau, thường ở độ sâu hơn 50 cm. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Do đó, trong quá trình canh tác cần bón kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung.

Bảng 1. Các loại đất chính trên địa bàn huyện Thoại Sơn

Stt	Tên nhóm đất và loại đất chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Nhóm đất cát núi	926	1,97

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Tên nhóm đất và loại đất chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Eutric Leptosols (ký hiệu LPe, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá)	730	1,56
<b>II</b>	<b>Nhóm Đất phù sa</b>	<b>44.985</b>	<b>95,50</b>
1	Fluvi Mollic Gleysols (ký hiệu GLmf, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi)	5.619	11,98
2	Umbric Gleysols (ký hiệu GLu, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém)	6.203	13,23
3	Humi Umbric Gleysols (ký hiệu GLuh, đất glây, đong mùn, dinh dưỡng kém)	33.163	70,73
<b>III</b>	<b>Nhóm đất phèn</b>	<b>1.157,88</b>	<b>2,46</b>
1	Orthi–Endo Thionic Fluvisols, with jarosite (ký hiệu FLt(oenj)d, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, có phù sa bồi)	10,95	0,02
2	Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols (ký hiệu GLt(oen)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm jarosite, glây)	999	2,32
3	Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols, with jarosite (ký hiệu GLt(oenj)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, glây)	148	0,32
	<b>Đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng</b>	<b>34,42</b>	<b>0,07</b>
	Tổng	47.103,78	100,00

(Nguồn tài liệu thô nhường chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang, 2005)

b) Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt hiện nay được xem là nguồn nước chủ lực phục vụ tưới tiêu cho hầu hết diện tích đất canh tác nông nghiệp. Ngoài việc sử dụng nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác, nguồn nước mặt còn là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các hộ dân, cho các nhà máy chế biến và nuôi trồng thủy sản... Nguồn nước mặt của huyện được cung cấp chủ yếu từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên với chiều dài chảy qua địa phận huyện Thoại Sơn khoảng 31km. Lưu lượng nước của kênh trung bình khoảng 3.000m<sup>3</sup>/giây nên khả năng dẫn nước vào các kênh, rạch nội đồng là khá lớn, đủ sức cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất kể cả trong những tháng mùa khô.

Nhìn chung, lưu lượng và trữ lượng nước mặt trên địa bàn huyện Thoại Sơn hầu hết là nước ngọt và khá dồi dào, đây là điều kiện thuận lợi để huyện phát triển nông nghiệp và các ngành thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp. Nhưng bên cạnh việc khai thác và sử dụng nguồn nước mặt thì địa phương cũng cần có những chính

sách quản lý nguồn nước chặt chẽ hơn nhằm hướng đến một môi trường trong sạch, bền vững.

Theo nhận định và nghiên cứu của nhiều chuyên gia thì nước ngầm của huyện Thoại Sơn có trữ lượng rất lớn. Qua kết quả khảo sát của Cục quản lý tài nguyên nước, An Giang là một trong những tỉnh có nguồn nước ngầm tương đối dồi dào nhưng cũng là tỉnh đứng hàng đầu của đồng bằng sông Cửu Long về mức độ nhiễm Asen trong nước ngầm.

Vì thế trong quá trình quản lý và sử dụng, địa phương cần có những biện pháp khắc phục để nguồn tài nguyên nước ngầm của huyện ngày càng phát huy hiệu quả, nhằm gánh bớt được phần nào về nhu cầu sử dụng nguồn nước mặt nhưng đang có nguy cơ và nhiều tiềm ẩn ô nhiễm như hiện nay.

#### c) Tài nguyên khoáng sản

Một số tài nguyên khoáng sản được đánh giá có trữ lượng lớn như đá xây dựng và nước khoáng chứa khoáng silic. Ngoài các loại đá granit đã được khai thác, các nhà nghiên cứu còn tìm thấy những mạch pecmatic chứa trăn kali và natri rất quý cho công nghiệp sản xuất gốm sứ. Một số vùng rìa tiếp xúc giữa đá granit với đá thông thường, xung quanh phát hiện một số loại đá quý khác như hồng ngọc, thạch anh ám khói, thạch anh tím trong các mạch pecmatic, tập trung nhiều ở núi Ba Thê thuộc địa bàn thị trấn Óc Eo.

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu còn phát hiện ra một loại khoáng sản vô cùng quý hiếm đó là gốm đen có trữ lượng rất lớn. Điểm nổi bật của gốm đen là có thể nổi trên mặt nước. Hiện nay, đã có chương trình phối hợp với tỉnh An Giang hoàn chỉnh quy trình chế tác và nung thành công gốm đen thuộc nền văn minh Óc Eo, nhằm khôi phục và phát huy nghệ thuật truyền thống về đồ gốm cổ của địa phương.

Nhìn chung, nguồn tài nguyên khoáng sản của huyện khá dồi dào, có giá trị kinh tế khá cao. tiềm năng khai thác khá phong phú và điều kiện khai thác cũng tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác địa phương nên cân nhắc đến tính hiệu quả về kinh tế - xã hội cũng như những biến đổi bất lợi về môi trường trong tương lai.

#### d) Tài nguyên nhân văn

Thoại Sơn đây được xem là vùng đất huyền thoại của tỉnh An Giang, có nhiều di tích lịch sử văn hóa với những công trình kiến trúc nghệ thuật, những danh lam thắng cảnh và đặc biệt là những di chỉ khảo cổ ghi đậm dấu ấn lịch sử tồn tại lâu đời. Từ những hiện vật phát hiện được ở quần thể di tích phân bố trên sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo, chứng minh sự tồn tại của vương quốc Phù Nam - một vương quốc thịnh trị, có tầm ảnh hưởng bao trùm cả vùng Nam bộ từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 7. Một số di tích nổi tiếng điển hình như: Khu di tích

khảo cổ nền văn minh Óc Eo được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt, 02 bia đá và tượng phật 4 tay là di tích kiến trúc nghệ thuật tại thị trấn Óc Eo, bia Thoại Sơn tại đình thần Thoại Ngọc Hầu cũng được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Đặc biệt, với sự phát triển Thiền Viện Trúc Lâm An Giang, được xây dựng từ năm 2017 với quy mô diện tích 11 ha, tọa lạc tại Khu Du Lịch lòng hồ số 2 thuộc thị trấn Núi Sập, trở thành một danh lam thắng cảnh mới vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng của Nhân dân; vừa tạo thêm cảnh quan du lịch sinh thái cộng đồng góp phần lưu giữ và phát huy những nét văn hóa.

Ngoài các di tích nêu trên, huyện còn có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, gồm; dân tộc Kinh, Hoa, Khmer và các dân tộc khác. Trong đó dân tộc kinh chiếm phần lớn trên 97,67% dân số của huyện, các dân tộc nói chung đã hoà nhập thành một cộng đồng dân cư đoàn kết, gắn bó, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi dân tộc đều mộ đạo và có tâm linh tín ngưỡng riêng, đặc thù cho dân tộc mình. Nhìn chung tất cả đều có chung mục đích là sống tốt đời, đẹp đạo, các hoạt động của các tổ chức tôn giáo đều tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

### **2.1.3. Thực trạng môi trường**

Thoại Sơn là vùng đất bán sơn địa của tỉnh An Giang, huyện có cảnh quan khá đặc biệt, vừa có đồng bằng vừa có đồi núi. Tỷ lệ độ che phủ đạt 3,67 % tổng diện tích tự nhiên. Trong những năm qua, môi trường Thoại Sơn chịu không ít những sức ép từ việc phát triển kinh tế - xã hội, mặc dù hiện tại chưa có dấu hiệu ô nhiễm nghiêm trọng, nhưng với những gì đang diễn ra địa phương đang đứng trước những nguy cơ tiềm ẩn về sự ô nhiễm môi trường. Cụ thể là sự tập trung, gia tăng dân số sẽ làm cho lượng rác thải và nước thải ngày càng nhiều hơn; tốc độ đô thị hóa, phương tiện lưu thông ngày càng phát triển trong khi người dân phần lớn chưa ý thức được việc bảo vệ môi trường; quá trình phát triển và mở rộng các khu và cụm công nghiệp, đặc biệt là các nhà máy chế biến nông sản, công ty may mặc... việc nuôi trồng thủy sản ao, hàm với lượng thức ăn dư thừa và tồn dư thuốc bảo vệ thực vật; việc canh tác nông nghiệp lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật; một lượng nước không nhỏ sau những cơn mưa lớn kéo theo cặn bã, rác thải chứa nhiều tạp chất, vi khuẩn gây hại chảy vào sông, kênh, rạch,... Các tiến trình trên sẽ là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự mất cân bằng sinh thái và là nguy cơ làm cho môi trường của huyện bị ô nhiễm nghiêm trọng, nếu trong tương lai địa phương không có biện pháp khắc phục.

### **2.1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường**

#### **a) Thuận lợi**

- Với lợi thế nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên, Thoại Sơn là một huyện đặc thù vừa có đồng bằng, sông nước và núi non trùng điệp với nhiều phong cảnh đẹp ẩn chứa khá nhiều truyền thuyết dân gian; huyện lỵ đặt tại thị trấn Núi Sập. Phía Bắc giáp huyện Châu Thành, Tây Bắc giáp huyện Tri Tôn, Đông giáp thành

phố Long Xuyên, Nam giáp huyện Thốt Nốt (Cần Thơ), Tây và Tây Nam giáp huyện Tân Hiệp và Hòn Đất (Kiên Giang). Đây là lợi thế trong việc giao thương, trao đổi hàng hóa với các vùng phụ cận và khai thác tiềm năng phát triển du lịch.

- Ngoài những ngọn núi cuối cùng được thiên nhiên ban tặng ở đồng bằng Tây Nam Bộ thì địa hình còn lại của huyện bằng phẳng, đất thuần nông, chịu ảnh hưởng lũ hàng năm của sông Hậu. Các xã phía Đông và Nam đất phù sa màu mỡ, các xã phía Bắc ruộng đất còn nhiễm phèn, đất trền núi trồng cây ăn trái và hoa màu, diện tích nhỏ. Thoại Sơn có hệ thống kênh rạch chằng chịt, dân cư phân bố theo tuyến sông và kênh, tạo nguồn nhân lực cải tạo đất.

#### b) Khó khăn

- Địa hình tiếp giáp với tỉnh ven biển có những khó khăn thách thức như xâm nhập mặn gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Nguồn nước ngầm của huyện Thoại Sơn có trữ lượng rất lớn. Tuy nhiên, mức độ nhiễm Asen tương đối cao, cần có những biện pháp khắc phục để nguồn tài nguyên nước ngầm của huyện ngày càng phát huy hiệu quả.

- Độ che phủ đạt thấp 3,67% ảnh hưởng đến môi trường sinh thái chưa thật sự thông thoáng và trong lành.

### **2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.**

#### **2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Thời gian qua, Thoại Sơn đã đoàn kết, năng động, sáng tạo thực hiện nhiều chủ trương phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần đưa diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên.

Phát huy thế mạnh, tập trung khai thác tốt các nguồn lực; duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh - bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, huyện tập trung phát triển lĩnh vực nông nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, qua đó chú trọng phát triển chiều sâu, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa mang tính chất công nghiệp, phát triển ổn định và bền vững. 2. Thực trạng phát triển ngành các kinh tế

#### **2.2.2. Thực trạng phát triển ngành các kinh tế**

##### a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Những năm gần đây, huyện Thoại Sơn là một trong những huyện đi đầu của tỉnh về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất. Cơ cấu nông

ng nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại giống nông sản có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa 03 vụ/năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, chú trọng phát triển chiều sâu, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa mang tính chất công nghiệp, phát triển ổn định và bền vững. Tổng giá trị sản xuất của ngành nông lâm, thủy sản đạt trên 9.576 tỷ đồng (giá thực tế).

- Trồng trọt: Xuống giống 03 vụ lúa được 111.966 ha, chiếm 99% tổng diện tích lúa cả năm; lúa chất lượng cao 62.359 ha (tăng gần 2.700 ha so với cùng kỳ); dịch hại gây hại trên lúa với tổng diện tích nhiễm bệnh là 90.242 ha. Tổng diện tích chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu và cây ăn trái vượt so nghị quyết (rau màu 1.807/1.680 ha, cây ăn trái 862/860 ha). Sản lượng lương thực có hạt đạt 758.562 tấn, bình quân đầu người 4.640 kg/người.

- Chăn nuôi – thủy sản: Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 600.859 con (vượt so nghị quyết); thả nuôi thủy sản được 508,7 ha (đạt 87% so nghị quyết), đã thu hoạch 301 ha, sản lượng 54.329 tấn.

- Mô hình công nghệ cao: Theo dõi 14 mô hình ứng dụng công nghệ cao; đồng thời triển khai Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất lúa phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long” năm 2022 với quy mô 50 ha tại xã Bình Thành.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Đất lâm nghiệp của huyện Thoại Sơn có diện tích 182,86 ha rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, tập trung chủ yếu ở thị trấn Núi Sập và Óc Eo, có tiềm năng rất lớn về phát triển du lịch sinh thái.

- Xây dựng Tổ hợp tác - Hợp tác xã (HTX): Từ đầu năm đến nay, thành lập mới 02 HTX nông nghiệp, nâng tổng số HTX nông nghiệp toàn huyện là 27 HTX gồm 1.269 thành viên (trong đó có 09 HTX gắn kết với Tập đoàn Lộc Trời); có 01 Liên hiệp HTX gồm 08 HTX nông nghiệp là thành viên với vốn điều lệ là 500 triệu đồng gồm: HTX nông nghiệp Thắng Lợi, Hòa Tân, Bình Thành, Sơn Hòa, Vọng Thê, An Bình, Tân Đông, Tây Phú.

- Chương trình “mỗi xã một sản phẩm”: Đến nay, trên địa bàn huyện có 10 sản phẩm OCOP đạt 3 Sao; 01 sản phẩm đạt 4 Sao (tranh lá thốt lốt) và 02 sản phẩm đạt 5 Sao (gạo Tiên Nữ và gạo Thiên Vương). Huyện đang hỗ trợ hồ sơ nâng bậc cho sản phẩm OCOP Bưởi da xanh từ 3 Sao lên 4 Sao.

#### b) Khu vực kinh tế công nghiệp - TTCN

Trong năm 2023, huyện đã phát triển mới 8 cơ sở kinh doanh, lũy tiến nâng tổng số có 778 cơ sở trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đã giải

quyết việc làm 7.568 lao động, giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2023 đạt 4.780 tỷ đồng (giá thực tế).

c) Khu vực kinh tế dịch vụ

Thoại Sơn đã tập trung đa dạng hóa các ngành dịch vụ, phát triển tổng hợp các loại hình, nhất là phát triển mạnh dịch vụ ở nông thôn, dịch vụ gia đình và dịch vụ vãng lai. Đồng thời khai thác lợi thế về vị trí của địa phương trong mối quan hệ mở rộng kinh tế giao lưu hàng hóa đến các khu vực lân cận, tuyến du lịch đi qua để lập dự án hình thành các trung tâm thương mại phục vụ khách du lịch tham quan mua sắm và đáp ứng nhu cầu của người lao động trong cụm công nghiệp. Đến nay có 63 doanh nghiệp phát triển mới (vượt so nghị quyết), nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động là 284 doanh nghiệp và 34 hợp tác xã, thu hút hơn 7300 lao động.

Tổng số hộ kinh doanh cá thể tính đến cuối năm 2022 là 9.941 cơ sở, thu hút hơn 18.200 lao động. Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 9.660 triệu đồng.

Phát triển du lịch: Đẩy mạnh quảng bá du lịch, giới thiệu đến du khách các địa điểm tham quan trên địa bàn huyện như: Khu du lịch Hồ Ông Thoại, Đình Thoại Ngọc Hầu, Khu Di tích Văn hóa Óc Eo, Thiền viện Trúc Lâm An Giang, Gò cây thị, các vườn sinh thái trên địa bàn huyện,...

Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn huyện phát triển ổn định và diễn ra khá nhộn nhịp. Thiền viện Trúc Lâm An Giang ngày càng thu hút nhiều du khách đến tham quan du lịch, nhất là trong dịp lễ tết. Ước tính trong năm 2023, lưu lượng khách đến tham quan tại huyện trên 250.000 lượt, tăng trên 110.000 lượt so với cùng kỳ. Trong đó, Khu du lịch Hồ Ông Thoại tiếp đón trên 43.000 lượt khách, doanh thu 754 triệu đồng; Thiền viện Trúc Lâm An Giang trên 200.000 lượt khách; Khu Di tích Văn hóa Óc Eo gần 8.000 lượt khách.

- Khu di tích Óc Eo:

Nằm tại thị trấn Óc Eo, khu di chỉ Óc Eo là khu di tích rộng lớn gắn liền với những vết tích vật chất của vương quốc Phù Nam.

Hiện nay, Óc Eo đã đầu tư cơ sở hạ tầng cho khu khai quật Nam Linh Sơn Tự, Gò Cây thị, nhà trưng bày cổ vật Óc Eo, vườn cây hang ông Hồ, chót ông Tà, Thạch Đại Dao, chùa Sơn Tiên Tự, Bàn Chân Tiên...

- Khu du lịch núi Sập nằm tại thị trấn Núi Sập:

Đây là một trong những ngọn núi góp phần tạo thêm vẻ đẹp cho vùng Bảy Núi An Giang. Tuy không cao nhưng Núi Sập vẫn giữ được cho mình nét hoang dã bởi tán cây rừng bao phủ. Vẻ đẹp của Núi Sập còn được tôn lên nhờ Thiền Viện Trúc Lâm, hệ thống 3 hồ nước (hồ Ông Thoại, lòng hồ số 2 và hồ số 3),



trong đó có 2 hồ thông nhau bằng các đường hầm xuyên núi: hồ số 2 và hồ số 3. Để tạo điểm nhấn cho cảnh quan, Ban quản lý khu du lịch Núi Sập đã dựng quanh hồ và các đảo nhỏ nhô lên mặt nước những tượng đá có hình nữ thần Siva, tháp Ponagar, tượng Linga bằng đá Ngũ Hành Sơn.

### **2.2.3. Dân số, lao động và việc làm**

#### **a) Dân số**

Theo niên giám thống kê năm 2022, dân số toàn huyện có 163.589 người, mật độ dân số 347 người/km<sup>2</sup>, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%. Trong đó số dân thành thị là 41.321 người, chủ yếu tập trung tại 3 thị trấn, chiếm 25,26% dân số huyện, dân số nông thôn là 122.268 người, chiếm 74,74%. Số người trong độ tuổi lao động 96.517, chiếm 59% tổng dân số.

#### **b) Lao động việc làm và thu nhập**

Số lao động trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản là 18.154 người. Trong đó: lĩnh vực công nghiệp - xây dựng là 2.310 người; thương mại - dịch vụ là 14.266 người; ngành khác là 1.578 người.

Từ đầu năm đến nay đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1.843 lao động, đạt 92,1% so nghị quyết (trong đó xuất khẩu 93 lao động, đạt 93% so nghị quyết). Tổ chức được 34 lớp đào tạo nghề (đạt 85% so nghị quyết) với 808 lao động; số lao động có việc làm qua đào tạo chiếm tỷ lệ 64,44% (vượt so chỉ tiêu nghị quyết).

Thu nhập bình quân đầu người khu vực hộ gia đình năm 2023 đạt 68 triệu đồng/người/năm.

### **2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn**

#### **a) Khu vực đô thị**

Hệ thống đô thị của huyện gồm: Thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo, trong đó: thị trấn Núi Sập được công nhận là đô thị loại IV theo Quyết định số 13/QĐ-BXD ngày 12/01/2016 của Bộ Xây dựng.

Đối với Chương trình phát triển đô thị 03 thị trấn đến năm 2035: UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Núi Sập; đồng thời, cũng đã phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Óc Eo và Phú Hòa.

#### **b) Khu vực nông thôn**

Thoại Sơn vinh dự trở thành huyện Nông thôn mới từ năm 2018, được Hội kỷ lục Việt Nam trao Bằng xác lập kỷ lục “Huyện đầu tiên trong cả nước đạt 3 danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới và huyện Nông thôn mới; đến nay đang trên hành trình xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của nông thôn diễn ra nhanh chóng, theo định

hướng quy hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế tình trạng sản xuất tự phát cục bộ, áp dụng triệt để khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao vai trò quản trị và hoạt động của hợp tác xã và tổ liên kết. Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm theo từng năm.

Về lập mới quy hoạch xây dựng chung của các xã đến năm 2030 (08 xã NTM nâng cao Vĩnh Chánh, Định Thành, Vĩnh Trạch, Thoại Giang, An Bình, Vọng Đông, Định Mỹ, Vĩnh Phú): Đang điều tra, thu thập, tổng hợp thông tin từ các ban ngành liên quan và các xã để triển khai thực hiện lập quy hoạch chung xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/5.000 (Quy hoạch xã nông thôn mới).

#### **2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội**

##### **a) Hệ thống giao thông**

##### **a1) Giao thông đường bộ**

Mạng lưới giao thông đường bộ của huyện về cơ bản tương đối hoàn thiện, phục vụ tốt nhu cầu giao thương và vận chuyển hàng hóa.

\* Đường bộ quốc gia: Trên địa bàn huyện hiện chỉ có tuyến Quốc lộ 80 đi qua địa phận xã Phú Thuận dọc theo kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang với chiều dài 1,2km, mặt nhựa 7m, nền rộng 10m, chất lượng trung bình. Tuyến kết nối huyện Thoại Sơn đi Kiên Giang và giao QL91 đi các nơi.

\* Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện hiện có 02 tuyến đường Tỉnh đi qua là ĐT.943 và ĐT.947:

(b1) ĐT.943: Tuyến nối QL.91 tại TP.Long Xuyên - qua Thoại Sơn - đến TT.Tri Tôn (giao ĐT.941) với tổng chiều dài 64,0km, qui mô và chất lượng toàn tuyến chưa đồng bộ.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 37,8km, từ giáp ranh TP.Long Xuyên qua TT.Phú Hòa - TT.Núi Sập - TT.Óc Eo đến giáp ranh huyện Tri Tôn, bao gồm:

- Đoạn từ cầu Phú Hòa - cầu Cống Vong dài 16,1km, hiện đã nâng cấp xong, mặt nhựa rộng 14m, nền rộng 20m;

- Đoạn từ cầu Cống Vong - cầu Thoại Giang dài 1,8km, mặt nhựa 7m, nền 12m, chất lượng tốt;

- Đoạn từ cầu Thoại Giang đến giáp ranh huyện Tri Tôn dài khoảng 20,0km, mặt nhựa 6m, nền 9m, chất lượng tốt.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

(b2) ĐT.947: Tuyến nối QL.91 tại cầu Cây Dương (H.Thoại Sơn) – qua H.Châu Thành – H.Thoại Sơn – đến ranh tỉnh Kiên Giang (nối tiếp ra Quốc lộ 80) với chiều dài 35,0km; Hiện trên tuyến tải trọng của hệ thống cầu không đồng bộ với tải trọng của đường (còn nhiều cầu có tải trọng 1 – 1,5T), hạn chế khả năng lưu thông trên toàn tuyến.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 18,0 km, từ cầu Kênh Láng (giáp ranh H.Châu Thành) qua xã Tây Phú – An Bình – Vọng Thê đến giáp ranh tỉnh Kiên Giang, mặt nhựa 3,5m, nền rộng 5,5m, chất lượng tuyến trung bình.

\* Đường huyện: Huyện hiện có tổng cộng 12 tuyến đường Huyện, với tổng chiều dài 151,2 km; tỷ lệ bê tông và nhựa hóa chiếm 100%, trong đó: đường nhựa chiếm 36,8% (dài 55,6 km), đường BTXM chiếm 63,2% (dài 95,6 km).

**Bảng 2. Hiện trạng mạng lưới đường huyện**

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Loại mặt đường (chiều dài/bề rộng km/m)		
					Nhựa	BTXM	CP+đất
1	ĐH.66 (Tây K.Rạch Giá-LXuyên)	Cầu Xã Diều (ranh K.Giang)	Cầu Ba Dầu (ranh Ch.Thành)	22,4	12,0/3,5	10,4/3,5	
2	ĐH.67 (Đông K.Núi Chóc-N.Gù)	Cầu Vĩnh Nhuận (ranh Ch.Thành)	Ranh Kiên Giang	19,1	1,7/3,5	17,4/2,5	
3	ĐH.69 (Tuyến lộ 15)	ĐT.943 (gần cầu Ba Thê 5)	ĐT.947 (gần c.Núi Chọi)	9,5		9,5/2,5	
4	ĐH.70 (Kênh Bốn Tổng-Ông Cò)	ĐH.78 (xã Vĩnh Trạch)	Ranh Cần Thơ	12,6		12,6/3,0	
5	ĐH.71 (Kênh Thanh Niên)	ĐT.943 (xã Vĩnh Trạch)	ĐH.72 (xã Vĩnh Chánh)	6,7	2,1/3,5	4,6/2,0	
6	ĐH.72 (Nam Kênh Đòn Dong)	Cầu Ranh (ranh TP.Lg Xuyên)	Ranh Cần Thơ	12,8	8,6/3,5	4,2/2,0	
7	ĐH.73 (Tây Bờ Ao)	ĐT.943 (gần cầu Phú Hòa)	Ranh L.Xuyên (P.Mỹ Thới)	9,2	9,2/3,5		
8	ĐH.74 (Tây Kênh Phú Tây)	ĐH.72 (gần cầu Kênh Đào)	QL.80 (xã Phú Thuận)	4,5	4,5/3,5		
9	ĐH.75 (Nam K.Ba Dầu-Vĩnh Tây)	ĐH.66 (cầu Ba Dầu)	ĐH.67 (xã Vĩnh Phú)	11,4	3,6/3,5	7,8/2,0	
10	ĐH.76 (Nam K.Mỹ Phú Đông)	ĐH.66 (xã Định Mỹ)	ĐT.947 (gần c.Hai Tràm)	15,0		15,0/2,0	
11	ĐH.77 (Nam K.Mạc Cần Dên)	UB Phú Hòa cũ (TT.Phú Hòa)	ĐH.70 (xã Vĩnh Khách)	8,4	0,2/3,5	8,2/3,0	
12	ĐH.78 (Đông K.R.Giá-L.Xuyên)	ĐT.943 (gần cầu Kênh F)	ĐT.943 (gần c.Phú Hòa)	19,6	13,7/3,5	5,9/3,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>				151,2	55,6	95,6	
Tỷ lệ nhựa hóa và bê tông hóa (%)				100,0	36,8	63,2	

\* Đường xã: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 130 tuyến đường Xã, với tổng chiều dài 630 km, trong đó: đường nhựa 80,4 km, chiếm 12,8%; đường bê tông xi măng (BTXM) 88,2 km, chiếm 14,0%; và đường cấp phối + đất 461,4 km, chiếm 73,2%. Tổng hợp mạng lưới đường xã hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 86%.

\* Đường đô thị: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 91 tuyến đường Đô thị tại 03 thị trấn (Phú Hòa, Núi Sập, Óc Eo) với tổng chiều dài 50,2 km, trong đó: hầu hết là đường nhựa 45,6 km, chiếm 90,8%; đường cấp phối + đất 4,3 km, chiếm 8,6%; đường bê tông xi măng (BTXM) 0,3 km, chiếm 0,6%. Tổng hợp mạng lưới đường Đô thị hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 91,4%.

\* Hệ thống bến xe: Trên địa bàn huyện hiện có 02 bến xe khách:

- Bến xe Núi Sập: Nằm trên đường tỉnh ĐT.943, gần cầu Cống Vong, thị trấn Núi Sập với tổng diện tích 1.815 m<sup>2</sup> đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

- Bến xe Óc Eo: Nằm trên đường tỉnh ĐT.943, thị trấn Óc Eo với tổng diện tích 3.329 m<sup>2</sup> đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

- Trên địa bàn huyện chỉ có 01 tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ phà An Hòa đến UBND xã Vọng Thê.

a2) Giao thông thủy

\* Trung ương quản lý

- Tuyến đường thủy quốc gia Rạch Sỏi – Hậu Giang đi qua địa bàn xã Phú Thuận (huyện Thoại Sơn) dài 1,2km.

- Kênh Ba Thê: Nối sông Hậu tại Vàm xáng Cây Dương – qua tỉnh An Giang - Kiên Giang (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Giá - Kiên Lương tại H.Hòn Đất); toàn tuyến đạt cấp IV-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 13m, chiều sâu -2,1m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Tây Phú – An Bình – Vọng Thê) dài 16km.

- Kênh Rạch Giá – Long Xuyên: Nối sông Hậu tại TP.Long Xuyên – qua tỉnh An Giang - Kiên Giang (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Giá - Kiên Lương tại TP.Rạch Giá); toàn tuyến đạt cấp III-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 30m, chiều sâu -2,5m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (TT.Phú Hòa – Vĩnh Trạch – Định Thành – TT.Núi Sập – Thoại Giang – Bình Thành) dài 30km. Cùng với kênh Vĩnh Tế, kênh Thoại Hà là một trong hai con kênh đào quan trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, mang đậm dấu ấn của Thoại Ngọc Hầu. Nó có giá trị về nhiều mặt: giao thông, thủy lợi, thương mại, nông nghiệp,... góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn trong vùng. Ngoài ra nó còn là công trình thoát lũ đầu tiên có từ thời nhà Nguyễn ở đồng bằng sông Cửu Long.

\* Tỉnh quản lý

- Kênh Núi Chóc – Năng Gù: Tuyến nối nhánh Năng Gù – Thị Hòa, sông Hậu – qua tỉnh An Giang – đi Kiên Giang (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Giá - Kiên Lương); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 13m, chiều sâu -2m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vĩnh Phú – Mỹ Phú Đông – Vọng Đông) dài 18km.

- Kênh Bốn Tổng: Tuyến nối kênh Mạc Cần Dung qua huyện Thoại Sơn (tỉnh An Giang) – đi TP.Cần Thơ (nối vào tuyến vận tải thủy quốc gia Rạch Sỏi – Hậu Giang); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 7-10m, chiều sâu -2m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vĩnh Khánh) dài 13km.

- Kênh Sóc Triết – K.Tĩnh Đội – K.Ba Thê mới: Tuyến nối kênh Tri Tôn, chạy dọc theo phía Bắc ĐT.943 đến kênh Rạch Giá – Long Xuyên (tại TT.Núi Sập); toàn tuyến đạt cấp V-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 12m, chiều sâu -2,5m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê – TT.Óc Eo – Vọng Đông – Thoại Giang – TT.Núi Sập) dài 18,2km.

- Kênh ranh An Giang – Kiên Giang: Tuyến nối kênh Tri Tôn, chạy dọc theo ranh An Giang – Kiên Giang đến kênh Rạch Giá – Long Xuyên (tại H.Bình Thành); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 6m, chiều sâu -2m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê – TT.Óc Eo – Bình Thành) dài 15,6km.

- Kênh Tân Huệ (Kênh ngang Huệ Đức): Tuyến nối kênh Rạch Giá – Long Xuyên, chạy dọc theo ranh TP.Long Xuyên - H.Thoại Sơn – Châu Thành đến ranh H.Tri Tôn (tại xã Tây Phú); toàn tuyến đạt cấp VI-ĐTND (chiều rộng luồng Bđ = 8m, chiều sâu -0,6m). Đoạn qua huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê – TT.Óc Eo – Bình Thành) dài 18,85km.

**\* Huyện quản lý**

Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 36 tuyến sông – kênh với tổng chiều dài 279,8km, trong đó: kênh cấp V – ĐTND dài 2km, kênh cấp VI dài 277,8km.

Nhìn chung, với đặc thù chung của vùng sông nước Đồng Bằng Sông Cửu Long, huyện Thoại Sơn (tỉnh An Giang) có mạng lưới sông – kênh – rạch dày đặc, rất thuận lợi cho giao thông thủy và sản xuất nông nghiệp.

**b) Thủy lợi**

Toàn huyện có trên 900 km kênh mương với 5 tuyến kênh cấp I, 55 tuyến kênh cấp II và trên 355 tuyến kênh cấp III. Đây là những kênh mương chủ yếu cung cấp nước tưới, tiêu cho nội đồng, cho sinh hoạt và cho sản xuất. Hiện địa phương có 199 trạm bơm điện phục vụ khoảng 80% diện tích, 232 cống hở, 254 cống tròn tương đối hoàn chỉnh chủ động trong việc tưới tiêu và chống lũ hàng năm. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa. Tỷ lệ diện tích sản

xuất nông nghiệp có hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh đạt trên 80%.

Hàng năm, hệ thống thủy lợi - thủy nông nội đồng luôn được quan tâm đầu tư cải tạo, nạo vét thường xuyên đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời để thoát nước lũ trong mùa mưa và cung cấp nước ngọt phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là vào mùa khô. Đặc biệt, huyện đã xây dựng được các tuyến kè chống sạt lở, các tuyến đê bao kết hợp với giao thông nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

c) Giáo dục và đào tạo

Huyện Thoại Sơn hiện có 67 cơ sở giáo dục trực thuộc: 17 trường mầm non; 30 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở và 4 trường phổ thông trung học. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, ngành giáo dục - đào tạo của huyện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng như: Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Thoại Sơn là 52/67 trường, tỷ lệ 77,6%, vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết của HĐND huyện; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,91%, tốt nghiệp THPT đạt 99,46% (tăng 0,12% so với năm 2022).

Tiếp tục duy trì hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn với 05 chương trình học cơ bản: giáo dục pháp luật, giáo dục văn hóa - xã hội, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục bảo vệ sức khỏe, giáo dục phát triển kinh tế.

Song song với công tác giáo dục, công tác giáo dục nghề nghiệp cũng được huyện quan tâm sâu sát nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, có tay nghề đáp ứng tốt yêu cầu luôn đổi mới của sự phát triển, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Thoại Sơn có Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên luôn được nâng cấp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo nghề nghiệp, đội ngũ giảng viên không ngừng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức thường xuyên. Trong ngắn hạn, công tác giáo dục nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra đội ngũ chất lượng, có tay nghề, kỹ năng với các ngành nghề mới xuất hiện ở nông thôn gắn với quá trình thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp.

d) Y tế

Theo số liệu thống kê năm 2023, toàn huyện có 01 bệnh viện (190 giường), 1 phòng khám khu vực (20 giường) và 17 trạm y tế (170 giường). Số nhân lực ngành y là 355 người, trong đó: Bác sĩ 80 người, y sĩ 107 người, điều dưỡng 70 người, hộ sinh 29 người, kỹ thuật viên Y 6 người, khác 63 người.

Ngành Y tế đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Đến nay, các

chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đều thực hiện đạt theo kế hoạch đề ra; trong đó: chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng cầu tiêu hợp vệ sinh 97,82% (đạt 99,8% so nghị quyết), tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân đạt 88,89% (đạt 96,7% so nghị quyết). Đồng thời, tiếp tục triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo kế hoạch chung toàn tỉnh.

e) Văn hóa, thể dục thể thao

Tổ chức các hoạt động Lễ hội văn hóa truyền thống huyện Thoại Sơn lần thứ XXI năm 2022 gắn với kỷ niệm 200 năm Danh thần Thoại Ngọc Hầu dựng bia, lập làng Thoại Sơn. Phối hợp Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh chọn hộ gia đình tham gia hội thao Nam Bộ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại tỉnh Bạc Liêu. Triển khai quy trình hồ sơ hướng dẫn công nhận khóm, ấp văn hóa, xã văn hóa NTM, thị trấn văn minh đô thị, tuyến đường văn minh mỹ quan đô thị.

f) Bưu chính viễn thông

Huyện đã tập trung nâng cấp trang thông tin điện tử huyện. Tổ chức tập huấn, trang bị kỹ năng cần thiết cho đội ngũ cán bộ, công chức về công nghệ thông tin, khai thác dịch vụ công, ứng dụng các phần mềm điện tử, phục vụ Trang thông tin điện tử ở 17 xã, thị trấn”.

Triển khai lắp đặt Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) cấp huyện. Tỷ lệ phủ sóng các chương trình phát thanh hằng ngày, tin thời sự,... trên địa bàn huyện luôn được duy trì. Trong 9 tháng đầu năm, đã thực hiện 240 chương trình phát thanh hằng ngày, 2.069 tin thời sự địa phương, 237 bài viết, 264 phóng sự, 48 câu chuyện truyền thanh, cộng tác với Đài Phát thanh Truyền hình An Giang 251 bản tin... Công thông tin điện tử của huyện đã đăng 409 tin, bài với số lượt truy cập trên 16.790 lượt; ngoài ra, số lượt truy cập trang mạng xã hội huyện Thoại Sơn đến nay đạt trên 16,4 triệu lượt.

Hạ tầng thông tin liên lạc: đã hình thành đầy đủ các điểm phục vụ bưu chính, trạm BTS, mạng lưới cáp thông tin. Hiện nay, ngành viễn thông trên địa bàn huyện có 08 doanh nghiệp tham gia hoạt động; số điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng và Trạm BTS phân bố đảm bảo cung cấp dịch vụ theo quy định về quản lý thông tin thuê bao điện thoại. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 100% xã, thị trấn trên toàn huyện. Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% địa bàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong huyện.

Các loại hình dịch vụ Viễn thông và Internet đang được cung cấp trên địa bàn huyện gồm có: Điện thoại cố định và các dịch vụ trên mạng điện thoại cố định như VoIP, dịch vụ giá trị gia tăng của tổng đài kỹ thuật số...; Truyền dữ liệu: VPN, thuê kênh, VSAT...; Dịch vụ điện thoại di động: Giải trí, Internet, cung cấp thông

tin...; Internet: Internet gián tiếp, Internet kênh thuê riêng, Internet băng rộng, truy nhập vô tuyến; Truyền hình số: IPTV, Online TV.

g) Năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu của địa phương là năng lượng điện. Hiện tại nguồn cung cấp điện chính của huyện là điện lưới quốc gia thông qua đường dây 110 KV từ Trà Nóc. Bên cạnh đó huyện còn có nguồn cấp điện dự phòng từ trạm phát điện diesel đặt tại điện lực Long Xuyên. Thực hiện chủ trương đưa lưới điện quốc gia đến tận huyện, các xã vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, đến nay hệ thống mạng lưới điện hầu như được phủ đều khắp trên địa bàn huyện với các tuyến chính nằm trên trục tỉnh lộ 943. Hiện tại trên địa bàn huyện, ngành điện lực Thoại Sơn và Xí nghiệp điện nước Thoại Sơn đang quản lý các hệ thống lưới điện:

- Đường dây trung thế 402km (Điện lực Thoại Sơn quản lý 256 km, còn lại do Xí nghiệp điện nước quản lý).

- Đường dây hạ thế 422 km (Điện lực Thoại Sơn quản lý 133,21km, còn lại do Xí nghiệp điện nước quản lý).

- Trạm biến áp tổng dung lượng 62.427,5KVA, với 614 trạm (riêng Điện lực Thoại Sơn quản lý 447 trạm, dung lượng 30.237,5 KVA; Xí nghiệp điện nước quản lý 46 trạm 2062,5KVA; Khách hàng 121 trạm, với dung lượng 30.127,5 KVA).

Tổng mức điện năng thương phẩm đạt khoảng 4.792 nghìn Kwh. Trong đó, mức điện năng tiêu thụ cho sinh hoạt là chủ yếu, chiếm trên 60%; mức điện năng phục vụ sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 28% và còn lại là lĩnh vực nông lâm thủy sản. Hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện về cơ bản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, tuy nhiên vẫn còn các trường hợp cầu chuyen sau điện kế không đảm bảo an toàn, các trường hợp kéo vượt đường, vượt sông không đúng quy định, một số trường hợp cất nhà, lều quán, cột chằng ăngten vào trụ điện... vẫn còn phổ biến. Hiện tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên trên địa bàn huyện ước tính đạt khoảng 99,31%.

### **2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.**

Biến đổi khí hậu góp phần gây nên các hiện tượng như hạn hán, cháy rừng, suy thoái đất, bão cát, và sa mạc hóa, gây ảnh hưởng tiêu cực đến đất đai. Tác động trực tiếp đối với tỉnh An Giang nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng là:

#### **2.3.1. Sụt lún đồng bằng và nước biển dâng**

Do việc sụt lún đồng bằng có rất nhiều nguyên nhân phức tạp, và nước biển dâng là yếu tố bên ngoài, nên dù có thực hiện giải pháp nào đi nữa thì có thể vào năm 2030 và nhiều khả năng là vào năm 2050, ĐBSCL sẽ cần phải có hệ thống



phòng lũ và bơm thoát nước ở các thành phố, thị trấn và khu vực nông thôn, tùy thuộc vào sử dụng đất và chuyển đổi thực tiễn sản xuất.

Những năm gần đây hiện tượng nước biển dâng trong mùa mưa bão đã gây thiệt hại rất nghiêm trọng, gây ngập úng trên các vườn cây ăn trái, hoa màu, ruộng lúa, đất nuôi trồng thủy sản,... làm giảm năng suất cây trồng, ảnh hưởng lớn đến việc bố trí mùa vụ và cơ cấu sử dụng đất của các huyện ven sông nói riêng và toàn tỉnh nói chung. Nước biển dâng là do triều cường, mực nước đỉnh triều cao nhất hàng ngày trên các sông rạch lên cao kết hợp với nước lũ thượng nguồn đổ về hoặc kết hợp với bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến các huyện ven sông nói riêng và toàn tỉnh nói chung. Hiện tượng nước biển dâng thường xuất hiện từ khoảng giữa mùa mưa đến cuối năm, vào các tháng 8, 9, 10, 11 (tính theo lịch âm) và đoạn các ngày đầu tháng và giữa tháng (mùng 1 và 15); mỗi tháng xuất hiện 2 đợt nước dâng, mỗi đợt kéo dài từ 4 đến 7 ngày.

Kết quả tính toán nguy cơ ngập đến sử dụng đất cho thấy diện tích đất tỉnh An Giang, trong đó có huyện Thoại Sơn càng ngày càng bị thu hẹp do ngập, vì thế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các loại đất nông nghiệp và đất khác như trồng cây lâu năm, đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản,... đặc biệt là đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa chịu tác động lớn nhất.

### **2.3.2. Hạn hán, lũ lụt gia tăng**

Theo nhận định của Đài Khí tượng thủy văn Quốc gia và Đài Khí tượng thủy văn tỉnh An Giang về cập nhật hiện tượng ENSO năm 2023 và nhận định xu thế Khí tượng thủy văn tỉnh An Giang nhận định xu thế thời tiết, thủy văn từ nay đến cuối năm 2024 khu vực Nam Bộ và tỉnh An Giang tiếp tục có những diễn biến bất thường như: Lượng mưa cao hơn trung bình nhiều năm 5 – 15%, có khả năng xuất hiện mưa lớn kéo dài, trong mưa có dông mạnh kèm tố, lốc và gió giật, cùng với nhiệt độ trong thời gian tới tăng cao, lượng nước trên các sông Mekong về ĐBSCL thiếu hụt so với TBNN giảm từ 5 – 15% và mực nước trên sông, mực nước ngầm lên xuống với độ chênh lệch cao và theo thực tế tại tỉnh An Giang: tình hình khô hạn đến sớm và kéo dài, mưa lớn tập trung vào giai đoạn cuối năm, mực nước trên sông hạ thấp, nước trong đất bị mất cân bằng nên vào đầu mùa mưa nếu có mưa lớn cục bộ sẽ làm mất đất thấm nước nhanh, làm đến kết cấu đất mềm, yếu, trong khi mực nước sông còn thấp, dẫn đến sạt lở ở những nơi mái bờ dốc thẳng đứng; ngoài ra, dòng chảy bắt đầu mạnh khi nước lũ từ thượng nguồn Mekong đổ về sẽ gia tăng áp lực bào mòn nhanh vào chân bờ sông, tạo thành hàm ếch rộng chân ăn sâu vào bờ phía bên dưới, khi đó khối đất sẽ mất mái taluy và khả năng xảy sạt lở, đổ ụp xuống sông là rất cao, diễn biến sạt lở ngày càng phức tạp.

### **III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH**

#### **3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.**

##### **3.1.1. Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện**

- Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013. Để cụ thể hoá Luật Đất đai và các văn bản dưới Luật, đến nay UBND tỉnh An Giang đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hoá các quy định của Luật Đất đai và các Nghị định để áp dụng trên địa bàn tỉnh theo các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai như: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đo đạc bản đồ địa chính; giá các loại đất; chế độ chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng; thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện Luật Đất đai; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đăng ký thống kê, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

- Các văn bản ban hành đã được huyện xem xét kỹ lưỡng, vận dụng vào thực tế của huyện, nên cơ bản phù hợp đáp ứng được yêu cầu, đúng quy định của cấp trên, phù hợp với thực tế địa phương trên tinh thần cải cách hành chính. Góp phần quan trọng đưa Luật Đất đai đi vào cuộc sống sử dụng đất trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các vi phạm trong công tác quản lý sử dụng đất. Đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nhìn chung, đã ban hành đầy đủ các quy định mà trong Luật, Nghị định giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh ban hành. Cùng với các văn bản quy phạm cấp trung ương, đã tạo hành lang pháp lý khá đầy đủ cho phát triển thị trường bất động sản, tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, đấu giá đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

##### **3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính**

Thực hiện Chỉ thị 364/CT-HĐBT ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc hoạch định địa giới hành chính và Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 2/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã đã hoàn thành. Hiện tại huyện có 17/17 đơn vị hành chính xã, thị trấn có hồ sơ địa giới hành chính và bản đồ hành chính.

### **3.1.3. Khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất**

- Bản đồ địa chính: Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về hoạt động đo đạc và bản đồ, đến nay huyện Thoại Sơn đã thành lập 17/17 xã, thị trấn đã đo đạc, thành lập xong bản đồ địa chính chính quy.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất: Thực hiện Quyết định số 1762/QĐ- BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh An Giang; Hướng dẫn số 3103/HD-STNMT ngày 25/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Đến nay huyện đã thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của huyện và của 17 xã, thị trấn.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Huyện Thoại Sơn đã tiến hành lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Thoại Sơn và đã được phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang.

### **3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

Thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản dưới luật, huyện Thoại Sơn đã tích cực chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung các nguồn lực đẩy mạnh công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện làm cơ sở cho công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch.

Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đều có sự rà soát cập nhật, điều chỉnh quy hoạch chung huyện và các quy hoạch chi tiết được phê duyệt nên cơ bản có tính thống nhất, đồng bộ giữa các loại quy hoạch. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới phù hợp với cấp trên, phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh. Tuy nhiên, giữa các loại quy hoạch vẫn còn có sự chòng chéo, bất cập.

Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức công bố, công khai trên Website thành phố và niêm yết tại trụ sở UBND huyện, trụ sở UBND các xã, thị trấn, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai. Chỉ đạo các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Triển khai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác quản lý,

sử dụng đất trên địa bàn các xã, thị trấn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án thuê đất thuộc thẩm quyền để yêu cầu người được thuê đất thực hiện đúng tiến độ đầu tư dự án.

### **3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và dồn điền đổi thửa**

Công tác giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện cơ bản được triển khai theo đúng trình tự, thủ tục của các văn bản pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường cũng như Bộ Tài nguyên và Môi trường, qua đó phần nào hạn chế và khắc phục được các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất. Đến nay, việc lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, cơ quan đoàn thể được thực hiện thường xuyên và đúng pháp luật.

### **3.1.6. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Toàn bộ các xã, thị trấn đã được đo vẽ bản đồ địa chính chính quy; điều lập hồ sơ địa chính (sổ mục kê, sổ địa chính...) và người sử dụng đất được đăng ký quyền sử dụng đất.

### **3.1.7. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai**

Công tác thống kê đất đai hàng năm của huyện đã được thực hiện ở cả 2 cấp theo đúng quy định của ngành. Đã hoàn thành công tác kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm vào các năm 2009, 2014, 2019. Chất lượng từng bước được nâng cao qua các đợt thống kê, kiểm kê. Đồng thời đã hạn chế được sự sai lệch giữa số liệu và bản đồ.

### **3.1.8. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai**

Hệ thống thông tin đất đai của huyện đang được triển khai thực hiện, chưa hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai đồng bộ, chưa kết nối được đồng bộ hệ thống thông tin đất đai của huyện với tỉnh và ngược lại. Bằng phần mềm tin học, việc quản lý đất đai hiện nay cũng đã ứng dụng nhiều các công nghệ tin học nhưng mới chỉ đưa vào ứng dụng được một số lĩnh vực như: Phần mềm kiểm kê, thống kê đất đai; phần mềm Microstation, Cad, gCadas...

### **3.1.9. Công tác quản lý tài chính về đất đai và giá đất**

- Công tác quản lý tài chính về đất đai trên địa bàn huyện được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Để việc thực hiện việc thu, chi liên quan đến đất đai, UBND huyện đã tổ chức việc thu các loại thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, thuế thu nhập cá nhân từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên cơ sở hệ thống các văn bản đã ban hành.

- Đặc biệt công tác giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng nguồn thu từ đất trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích

cực. Nguồn thu từ đất đã được UBND huyện khai thác hiệu quả nhất là việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đưa công tác quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào nề nếp.

- Chỉ đạo khảo sát, xây dựng giá đất cụ thể để thực hiện GPMB các dự án trên địa bàn huyện theo quy định. Phối hợp Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang rà soát, điều chỉnh bổ sung Bảng giá đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024. Tham mưu UBND huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh giá đất vào Bảng giá đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024.

### **3.1.10. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất**

- Căn cứ vào quy định của pháp luật nói chung và Luật Đất đai nói riêng, trong những năm qua các cấp, các ngành trong địa bàn huyện đã và đang quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày một tốt hơn. Các cấp Ủy, đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện ở địa phương, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời cũng động viên và huy động được nhân dân tham gia đóng góp nghĩa vụ với nhà nước bằng việc thực hiện tốt các chính sách thuế.

- Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ chung của người sử dụng đất được thực hiện tốt; đất được sử dụng đúng mục đích; được đăng ký về quyền sử dụng đất; được làm đầy đủ các thủ tục khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, thực hiện các biện pháp bảo vệ đất,... đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền lựa chọn hình thức giao đất, thuê đất chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục.

### **3.1.11. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai**

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý các vi phạm pháp luật đất đai là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, do vậy UBND huyện đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành thanh tra các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Cần có sự quan tâm nhiều hơn nữa của các cấp trong công tác quản lý đất đai nhằm ngăn

chặn việc vi phạm pháp luật về đất đai.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý đất đai; kịp thời xử lý các hành vi vi phạm một cách kiên quyết, nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật.
- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

#### **3.1.12. Phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai**

- Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền và phổ biến các nội dung cơ bản của Luật Đất đai năm 2013, Luật quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật số 35/2018/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành với hình thức tuyên truyền, phổ biến, lồng ghép tại các hội nghị của các cơ quan, đơn vị.

- Tuyên truyền, triển khai lấy ý kiến góp ý dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

#### **3.1.13. Giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai**

Công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết tranh chấp, đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai được thực hiện thường xuyên theo đúng thủ tục, trình tự quy định của pháp luật, thể hiện những tiến bộ về cải cách hành chính trong khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai. Nhìn chung công tác quản lý Nhà nước về đất đai của huyện trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu quan trọng tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

#### **3.1.14. Quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất đai**

- Công tác quản lý các hoạt động dịch vụ công trong quản lý, sử dụng đất đai gồm: Tư vấn về giá đất, tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...

- Thực hiện Luật đất đai 2013, UBND huyện đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai các thủ tục về nhà đất, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đăng ký thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Hoạt động về dịch vụ về đo đạc bản đồ địa chính; hoạt động dịch vụ về thông tin đất đai cũng đã được chú trọng, thực hiện tốt trong những năm qua.

### **3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.**

#### **3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất**

- Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022 và chỉnh lý biến động đến ngày 31/12/2023, diện tích tự nhiên của huyện là 47.103,78 ha chiếm 13,3% diện tích tự nhiên của tỉnh.

- Nhóm đất nông nghiệp: 41.245,49 ha, chiếm 87,56% diện tích đất tự nhiên.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 5.822,15 ha, chiếm 12,36% diện tích đất tự nhiên.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

- Nhóm đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng theo từng loại đất năm 2023 huyện Thoại Sơn

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng DTTN (1+2+3)		47.103,78	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.245,49	87,56
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.822,15	12,36
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36,14	0,08

*Nguồn: Kết quả thống kê đất đai huyện Thoại Sơn*

a) Đất nông nghiệp

Năm 2023, tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện là: 41.245,49 ha, chiếm 87,56% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Có diện tích 38.763,11 ha, chiếm 82,29 % tổng diện tích đất tự nhiên, tất cả là đất chuyên trồng lúa nước (chủ yếu là đất trồng lúa 2 - 3 vụ), tập trung nhiều nhất ở xã Vĩnh Khánh (3.020,39 ha), Tây Phú (3.139,99 ha), Vĩnh Phú (3.240,52 ha), Định Mỹ (3.254,96 ha) ; các xã có diện tích đất trồng lúa nhỏ là thị trấn Phú Hòa (383,65 ha), Núi Sập 450,96 ha) và Óc Eo (616,89 ha).

Trong giai đoạn qua diện tích đất lúa của huyện có giảm do chuyển sang các mục đích khác, nhưng địa phương đã mở rộng diện tích gieo trồng các giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, chất lượng gạo tốt, kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ cao làm tăng năng suất để đảm bảo sản lượng, năng suất lúa bình quân các vụ trong năm trong giai đoạn 2021-2023 đạt 7,0 tấn/ha/vụ.

- Đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 132,37 ha, chiếm 0,28% diện tích đất tự nhiên, chủ yếu trồng cây màu thương thực như bắp, khoai mì, khoai lang; cây màu thực phẩm như các loại đậu, dưa hấu; cây màu công nghiệp như đậu phộng, mè, mía... và các loại cây màu mà khác làm thức ăn gia súc.

- Đất trồng cây lâu năm diện tích là 1.542,43 ha, chiếm 3,27% diện tích đất tự nhiên. Trong thời gian qua, loại đất này tăng khá mạnh do ngành nông nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khuyến khích người dân trồng các loại cây ăn trái đạt hiệu quả kinh tế cao như dừa, xoài và ổi... phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn huyện, chủ yếu ở các vị trí như trên các vùng xung quanh thổ cư và ven các trục giao thông chính;

Nhìn chung, diện tích trồng cây lâu năm trong thời gian qua trên địa bàn huyện tăng nhanh đã góp phần cải thiện kinh tế của nhiều hộ gia đình mang lại hiệu quả sử dụng đất cao do chuyển đổi các mục đích sản xuất nông nghiệp khác kém hiệu quả và một phần được cải tạo từ các vườn tạp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại tình trạng phát triển ồ ạt còn mang tính tự phát, theo xu hướng thị trường, chưa có

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

định hướng chiến lược phát triển lâu dài cũng như chưa quy hoạch vùng chuyên canh hóa cụ thể từng loại cây trồng đặc thù sẽ là vấn đề tiềm ẩn nhiều rủi ro đáng lo ngại cần phải quan tâm đánh giá và có giải pháp quản lý quy hoạch hiệu quả trong thời gian tới.

\* Đất lâm nghiệp:

- Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên có diện tích 51,89 ha, chiếm diện tích 0,11% diện tích đất tự nhiên.

- Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên có 130,98 ha, chiếm 0,28% diện tích đất tự nhiên.

\* Đất nuôi trồng thủy sản: có diện tích 513,42 ha, chiếm diện tích 1,09% diện tích đất tự nhiên. Phân bố chủ yếu ở các xã có điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản chủ yếu nuôi qua hình thức ao hầm; đặc biệt thời gian qua mô hình lúa tôm được áp dụng khá thành công trên địa bàn huyện, trong đó xã Phú Thuận là xã có diện tích cao nhất về mô hình này. Còn lại diện tích nuôi trồng thủy sản vẫn mang tính tự phát, tận dụng các diện tích ao, hầm xung quanh khu dân cư và chưa có áp dụng kỹ thuật nuôi nên năng suất chưa cao.

\* Đất chăn nuôi tập trung: Có diện tích 108,74 ha, chiếm 0,23% diện tích đất tự nhiên, bao gồm Trại giống Định Thành 95,48 ha và trại chăn nuôi Vĩnh Khánh 13,26 ha.

\* Đất nông nghiệp khác: Có diện tích 2,55 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên, chủ yếu là các nhà nuôi chim yến tự phát do người dân xây dựng.

**Bảng 4. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2023**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng DTTN</b>		<b>47.103,78</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>41.245,49</b>	<b>87,56</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.763,11	82,29
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	UC	38.763,11	82,29
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	NK	132,37	0,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.542,43	3,27
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	0,28
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	0,11
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	513,42	1,09
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,74	0,23
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	0,01

**b) Đất phi nông nghiệp**

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp của huyện đến năm 2023 là 5.822,15 ha, chiếm 12,36 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 1.081,75 ha, chiếm 2,30% tổng diện tích đất tự nhiên. Bình quân diện tích đất ở trong khu dân cư nông thôn đạt 88 m<sup>2</sup>/người.

- Đất ở tại đô thị: 243,54 ha, chiếm 0,52% tổng diện tích đất tự nhiên, đạt 58 m<sup>2</sup>/người.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích là 18,77 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên chủ yếu là các trụ sở ủy ban nhân dân huyện, thị trấn và các xã.

- Đất quốc phòng: diện tích là 134,62 ha, chiếm 0,29% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bố chủ yếu ở xã Bình Thành, thị trấn Óc Eo, thị trấn Phú Hòa và xã Thoại Giang.

Diện tích đất Quốc phòng do tỉnh đội quản lý là 261,55 ha, có sự chênh lệch 126,93 ha. Thực tế đây là phần đất nông nghiệp do Quốc phòng quản lý, chưa phải là đất Quốc phòng. Đến năm 2030, phần diện tích này đã cập nhật vào đất Quốc phòng và có tăng thêm 18,45 ha; đạt 280 ha là phù hợp với Quy hoạch đất Quốc phòng.

- Đất an ninh: diện tích là 15,43 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên, là đất làm trụ sở cơ quan công an huyện tại thị trấn Núi Sập, Trại giam Định Thành và Vĩnh Trạch.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 73,60 ha, chiếm 0,16% tổng diện tích đất tự nhiên, bao gồm các loại đất:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 2,55 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: 2,58 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: 7,36 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 55,88 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 5,04 ha;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: 0,20 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 137,29 ha, chiếm 0,29% tổng diện tích đất tự nhiên, bao gồm các loại đất:

- Đất cụm công nghiệp: tập trung ở thị trấn Phú Hòa và xã Vọng Thê với tổng diện tích 29,20 ha, chiếm 0,06% diện tích tổng diện tích đất tự nhiên.

Trong đó, riêng cụm công nghiệp Phú Hòa theo thống kê đất đai năm 2023 của huyện được xác nhận là 11,37 ha; diện tích này có sự chênh lệch so với diện tích do sở Công thương quản lý (13,97 ha). Nguyên nhân chênh lệch 2,60 ha là do phần diện tích này chưa hoàn chỉnh về mặt thủ tục đất đai nên chưa thống kê vào hiện trạng sử dụng đất, sẽ được cập nhật lại trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch.

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích là 18,71 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bố đều ở 17/17 xã, thị trấn. Trong đó, hộ gia đình và cá nhân sử dụng 0,23 ha và còn lại do các tổ chức kinh tế sử dụng.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích là 88,48 ha, chiếm 0,19% diện tích phi nông nghiệp, gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài cụm công nghiệp, được phân bố đều ở các xã, thị trấn.

Trong đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, có 2,19 ha đất sử dụng cho mục đích cấp nước, bao gồm Núi Sập 0,73 ha, Óc Eo 0,25 ha, Phú Hòa 0,54 ha, Phú Thuận 0,02 ha, Vĩnh Phú 0,05 ha, Vọng Thê 0,09 ha, Vĩnh Trạch 0,48 ha và Bình Thành 0,02 ha.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: diện tích 0,90 ha chiếm 0,01% diện tích tổng diện tích đất tự nhiên. Chủ yếu là hoạt động khai thác đá tại thị trấn Óc Eo.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng trên địa bàn huyện là 3.007,16 ha, chiếm 6,38% tổng diện tích đất tự nhiên, bao gồm các loại đất sau:

+ Đất giao thông 1.458,07 ha;

+ Đất thủy lợi 1.514,99 ha;

+ Đất công trình cấp nước, thoát nước 2,19 ha;

14,16,35 ha;

+ Đất công trình xử lý chất thải: 2,58 ha;

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,78 ha;

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,39 ha;

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 6,20 ha;

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 7,79 ha;
- Đất tôn giáo: diện tích là 25,80 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất tín ngưỡng: diện tích là 4,57 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 16,51 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1.061,13 ha, chiếm 2,25%, tổng diện tích đất tự nhiên, gồm các loại đất.
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1.041,11 ha, chiếm 2,21%, tổng diện tích đất tự nhiên.
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Diện tích đất này chủ yếu là các lồng hồ hiện có trên địa bàn thị trấn Núi Sập (15,79 ha) và giếng nước thuộc thị trấn Óc Eo (2,38 ha) với tổng diện tích là 20,03 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích này hầu hết do các tổ chức kinh tế sử dụng.
- Đất phi nông nghiệp khác: diện tích 1,97ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên.

**Bảng 5. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2023**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng DTTN</b>		<b>47.103,78</b>	<b>100,00</b>
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.822,15</b>	<b>12,36</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.081,75	2,30
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	243,54	0,52
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	0,04
2.4	Đất quốc phòng	CQP	134,62	0,29
2.5	Đất an ninh	CAN	15,43	0,03
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,60	0,16
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	0,01
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	0,02

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>	<b>Mã</b>	<b>Tổng diện tích (ha)</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,88	0,12
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,04	0,01
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,20	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	137,29	0,29
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	0,06
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,71	0,04
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,48	0,19
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,01
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.007,16	6,38
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.458,07	3,10
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.514,99	3,22
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	2,19	0,01
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	0,03
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,58	0,01
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	0,01
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	0,01

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,20	0,01
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	7,79	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,80	0,05
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	0,01
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,51	0,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.061,13	2,25
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	0,04
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	2,21
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	0,01

c) Đất chưa sử dụng

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2023, huyện Thoại Sơn có 36,14 ha diện tích đất chưa sử dụng, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, chủ yếu là đất núi đá không có rừng cây. Diện tích đất chưa sử dụng nằm ở địa bàn thị trấn Óc Eo, xã An Bình và xã Vọng Đông.

**3.2.2. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2023**

a) Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 có 41.245,49 ha, giảm 124,42 ha so với năm 2020 do chủ yếu chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp để đầu tư phát triển hạ tầng, xây dựng các công trình đô thị. Trong đó, biến động từng loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa năm 2023 có 38.763,11 ha, giảm 117,15 ha so với năm 2020.
- Đất trồng cây hàng năm khác năm 2023 có 132,37 ha, giảm 0,48 ha so với năm 2020.
- Đất trồng cây lâu năm 2023 có 1.542,43 ha, giảm 4,18 ha so với năm 2020.
- Đất rừng phòng hộ năm 2023 có 51,89 ha, không thay đổi so với năm 2020.
- Đất rừng đặc dụng năm 2023 có 130,98 ha, không thay đổi so với năm 2020.
- Đất nuôi trồng thủy sản năm 2023 có 513,42 ha, giảm 2,61 ha so với năm 2020.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

---

- Đất chăn nuôi tập trung năm 2023 có 108,74 ha, không thay đổi so với năm 2020.

- Đất nông nghiệp khác năm 2023 có 2,55 ha, không thay đổi so với năm 2020.

**b) Đất phi nông nghiệp**

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2023 có 5.822,15 ha, tăng 124,42 ha so với năm 2020 do đất nông nghiệp chuyển sang. Cụ thể:

- Đất ở tại nông thôn năm 2023 có 1.081,75 ha, tăng 6,56 ha so với năm 2020.

- Đất ở tại đô thị năm 2023 có 243,54 ha, tăng 4,86 ha so với năm 2020.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 có 18,77 ha, không thay đổi so với năm 2020.

- Đất quốc phòng năm 2023 có 134,62 ha, tăng 112,67 ha so với năm 2020. Nguyên nhân là Khu đất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang 112,67 ha đã được cấp giấy CNQSD đất từ năm 2020 là đất Quốc phòng nhưng qua các kỳ thống kê 2020, 2021 chưa được đưa vào chỉ tiêu đất Quốc phòng, đến kỳ thống kê năm 2022 được cập nhật lại cho phù hợp với thực tế. (đã được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 233658, tại số tờ 29, thửa 575).

- Đất an ninh năm 2023 có 15,43 ha, không thay đổi so với năm 2020.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp có 73,60 ha, tăng 0,38 ha so với năm 2020 (tăng cho đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo).

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có 88,48 ha, giảm 0,78 ha so với năm 2020. Cụ thể:

+ Đất cụm công nghiệp có 29,20 ha, không thay đổi so với năm 2020.

+ Đất thương mại, dịch vụ năm 2023 có 18,71 ha, tăng 0,24 ha so với năm 2020.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 có 88,48 ha, giảm 1,03 ha so với năm 2020.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 0,90 ha, không thay đổi so với năm 2020.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2023 có 3.007,16 ha, giảm giảm 0,21 ha so với năm 2020.

- Đất tôn giáo năm 2023 có 25,80 ha, tăng 0,55 ha so với năm 2020.

- Đất tín ngưỡng năm 2023 có 4,57 ha, không thay đổi so với năm 2020.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 16,51

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

ha, giảm 0,01 ha so với năm 2020

- Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2023 có 1.061,13 ha, không biến động so với năm 2020.

- Đất phi nông nghiệp khác năm 2023 có 1,97 ha, không thay đổi so với năm 2020.

c) Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 có 36,14 ha, không thay đổi so với năm 2020.

**Bảng 6. Tình hình biến động các loại đất giai đoạn 2021 – 2023**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	Diện tích năm hiện trạng 2023	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>41.369,91</b>	<b>41.245,49</b>	<b>-124,42</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.880,26	38.763,11	-117,15
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.880,26	38.763,11	-117,15
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,86	132,37	-0,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.546,61	1.542,43	-4,18
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	130,98	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	51,89	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	516,03	513,42	-2,61
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,74	108,74	
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	2,55	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.697,73</b>	<b>5.822,15</b>	<b>124,42</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.075,20	1.081,75	6,56
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	238,68	243,54	4,86
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	18,77	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21,95	134,62	112,67
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	15,43	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,23	73,60	0,38

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	Diện tích năm hiện trạng 2023	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	2,55	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	2,58	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	7,36	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,50	55,88	0,38
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,14	5,04	-0,10
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,10	0,20	0,10
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	138,07	137,29	-0,78
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	29,20	0,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,47	18,71	0,24
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	89,50	88,48	-1,03
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,90	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.006,95	3.007,16	0,21
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.453,59	1.458,07	4,48
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.521,56	1.514,99	-6,57
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	2,19	2,19	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	14,16	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,49	2,58	0,09
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	0,78	



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	Diện tích năm hiện trạng 2023	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	0,39	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,99	6,20	0,21
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,80	7,79	2,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,25	25,80	0,55
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	4,57	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,52	16,51	-0,01
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.061,13	1.061,13	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	20,03	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	1.041,11	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	1,97	
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>36,14</b>	<b>36,14</b>	
	Trong đó:				
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS			
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	36,14	36,14	
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

(Nguồn: Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê năm 2023 có cập nhật, bổ sung theo Luật Đất đai năm 2024)

#### **IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.**

- Đất nông nghiệp: Chỉ tiêu đất nông nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt là 40.015,17 ha, so với hiện trạng năm 2020 giảm 1.354,74 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 41.245,49 ha, so với hiện trạng năm 2020 giảm 124,42 ha, đạt tỷ lệ 9,18% so với quy hoạch được duyệt.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

**Bảng 7. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp kỳ trước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]x100
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>41.369,91</b>	<b>40.015,17</b>	<b>41.245,49</b>	<b>-124,42</b>	<b>9,18</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.880,26	36.253,76	38.763,11	-117,15	4,46
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.880,26	36.253,76	38.763,11	-117,15	4,46
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,86	128,82	132,37	-0,48	11,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.546,61	2.745,95	1.542,43	-4,18	-0,35
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	130,98	130,98	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	51,89	51,89	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	516,03	578,49	513,42	-2,61	-4,18
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,74	108,74	108,74	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	16,55	2,55	-	-

- Đất phi nông nghiệp:

Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 diện tích đất phi nông nghiệp là 7.052,47 ha, so với hiện trạng năm 2020 tăng 1.354,74 ha. Kết quả thực

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

hiện đến năm 2023 là 5.822,15 ha, so với hiện trạng năm 2020 tăng 124,42 ha. Đạt tỷ lệ khá cao là 9,18%.

**Bảng 8. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp kỳ trước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]x100
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.697,73</b>	<b>7.052,47</b>	<b>5.822,15</b>	<b>124,42</b>	<b>9,18</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.075,20	1.257,87	1.081,75	6,56	3,59
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	238,68	307,39	243,54	4,86	7,08
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	23,49	18,77	-	-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21,95	27,11	134,62	112,67	2.183,47
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	15,43	15,43	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,23		73,60	0,38	-0,52
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	6,35	2,55	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	5,78	2,58	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	9,90	7,36	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,50	68,21	55,88	0,38	2,98
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,14	11,87	5,04	-0,10	-1,49
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,10	0,10	0,20	0,10	0,00

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]x100
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	138,07		137,29	-0,78	0,57
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	162,36	29,20	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,47	108,04	18,71	0,24	0,27
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	89,50	238,62	88,48	-1,03	-0,69
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,90	0,90	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.006,95		3.007,16	0,21	-0,01
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.453,59	2.056,60	1.458,07	4,48	0,74
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.521,56	1.523,95	1.514,99	-6,57	-274,93
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	2,19		2,19	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	84,16	14,16	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,49	2,93	2,58	0,09	20,28
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	0,78	0,78	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu	DBV	0,39	0,39	0,39	-	-

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]x100
	chính, viên thông, công nghệ thông tin						
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,99	11,99	6,20	0,21	3,50
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,80	8,77	7,79	2,00	67,21
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,25	33,20	25,80	0,55	6,94
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	5,27	4,57	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,52	17,90	16,51	-0,01	-1,03
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.061,13		1.061,13	-	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	20,03	20,03	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	1.041,11	1.041,11	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	1,97	1,97	-	-

**- Đất chưa sử dụng:**

Diện tích đất chưa sử dụng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 36,14 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 36,14 ha, phù hợp với quy hoạch. Đây là phần diện tích Núi đá không có rừng cây nằm ở các địa bàn Óc Eo, An Bình, Vọng Đông; không có khả năng cải tạo, chỉ giữ để làm cảnh quan.

**• Kết quả thực hiện các công trình, dự án giai đoạn 2021 -2023**

Trong quy hoạch đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt, huyện đăng ký thực hiện 313 hạng mục công trình, dự án. Đến thời điểm hiện tại, huyện đã hoàn thành được 65/313 dự án, đạt 20,77% so tổng dự án. Đây là 1 tỷ lệ khá cao, cho

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

thấy bước phát triển trong thời gian qua của huyện đáp ứng được nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đặt ra.

**Bảng 9. Các công trình dự án đã thực hiện giai đoạn 2021 – 2023**

STT	Công trình, dự án	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm
1	Chuyển công năng văn phòng ấp thành công trình giáo dục	0,12		0,12	TSC	An Bình
2	Mở rộng tuyến lộ 15	1,37	0,87	0,50	LUC, ONT, CLN	An Bình
3	Chuyển công năng Trường Mẫu Giáo sang Hợp tác xã	0,08		0,08	DGD	An Bình
4	Chợ Bình Thành	4,00		4,00	LUC	Bình Thành
5	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Định Mỹ 2	1,91	1,09	0,82	LUC, ONT	Định Mỹ
6	Mở rộng Khu dân cư Trường Tiền	20,90	5,90	15,00		Định Mỹ
7	Chuyển trường Tiểu học A sang Văn Phòng Ấp	0,13		0,13	DGD	Định Mỹ
8	Mở rộng Nhà máy lau bóng gạo	0,85		0,85	LUC	Định Thành
9	Quy hoạch mới trường Mẫu Giáo Định Thành (điểm chính)	0,30		0,30	ONT	Định Thành
10	Quy hoạch đường kênh DH (đoạn từ Kênh Ông Đốc đến Cầu Thoại Hà 1)	6,02		6,02	ONT	Định Thành
11	Lộ tẻ Định Thành (đoạn từ tỉnh lộ 943 đến DH 78)	1,54		1,54	ONT	Định Thành
12	Đoạn giao thông từ Rạch Long Xuyên đến TL943	0,60		0,60	LUC	Định Thành
13	Dự án Mở rộng KDC + Chợ Kênh F	2,50		2,50	LUC	Định Thành
14	Mở rộng đường tuyến bờ Đông Kênh Núi Chóc - Năng Gù	2,06	1,87	0,19	LUC, ONT	Mỹ Phú Đông
15	Ngân hàng Sacombank	0,05		0,05	ODT	Núi Sập
16	Ngân hàng BIDV	0,02		0,02	ODT	Núi Sập
17	Ngân hàng ACB	0,01		0,01	ODT	Núi Sập
18	Ngân hàng Kiên Long	0,01		0,01	ODT	Núi Sập
19	Đường nối kênh 600 qua KDC Tây Sơn	0,40		0,40	LUC	Núi Sập
20	Tuyến đường kênh E	0,57		0,57	ONT	Núi Sập
21	Khu Dân cư Tây Thoại Ngọc Hầu (giai đoạn 1)	5,79		5,79	LUC	Núi Sập
22	Tịnh thất Ngọc Quang	0,15		0,15	ODT	Núi Sập
23	Mở rộng đường ra Gò Cây Thị	0,12	0,10	0,02	ODT	Óc Eo
24	Mở rộng đường tuyến bờ Tây Kênh Vành Đai	1,09	0,39	0,70	ODT	Óc Eo
25	Mở rộng đường Hậu Tân Đông	0,50	0,40	0,10	ODT	Óc Eo
26	Mở rộng đường Phạm Thị Vinh	0,91		0,91	ODT	Óc Eo

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Công trình, dự án	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm
27	Đường tuyến Nam kênh Ba Thê mới	0,05		0,05	ODT	Óc Eo
28	Hẻm nhà Công vụ (Đường số 7)	0,04		0,04	ODT	Óc Eo
29	Đường Chùa Phước Sơn	0,50		0,50	CLN, ODT	Óc Eo
30	Mở rộng khu di tích Óc Eo	70,00		70,00	LUC, HNK, CLN	Óc Eo
31	Chùa Tiên Sơn Tự	0,36		0,36	ODT	Óc Eo
32	Doanh trại quân đội	1,14		1,14	LUC	Phú Hòa
33	Cây xăng số 56	0,04		0,04	ONT	Phú Hòa
34	Vùng nuôi thủy sản (01 lúa + 01 thủy sản)	330,00		330,00	LUC	Phú Thuận
35	Mở rộng tuyến giao thông bờ nam kênh Đòn Dong (đoạn từ kênh Xã Đội đến kênh ranh Mỹ Thạnh)	2,04	1,30	0,74	ONT, CLN	Phú Thuận
36	Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,29		3,29	LUC	Tây Phú
37	Mở rộng văn phòng ấp Phú Lợi	0,05		0,05	ONT	Tây Phú
38	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	0,25		0,25	LUC	Thoại Giang
39	Cầu Thoại Giang 1	0,06		0,06	ONT	Thoại Giang
40	Mở rộng UBND xã Thoại Giang	0,40		0,40	ONT	Thoại Giang
41	Mở rộng Nghĩa địa	0,90		0,90	LUC	Thoại Giang
42	Quy hoạch Vùng Nuôi trồng thủy sản	20		20	LUC	Vĩnh Chánh
43	Quy hoạch Vùng Nuôi trồng thủy sản	55		55	LUC	Vĩnh Chánh
44	Mở rộng lò sấy Trí Thuận	2,94		2,94	LUC	Vĩnh Chánh
45	Mở rộng đường giao thông liên xã	3,96		3,96	ONT	Vĩnh Chánh
46	Mở rộng giao thông Kênh 5 (bờ Tây)	1,80		1,80	LUC	Vĩnh Chánh
47	Mở rộng giao thông Kênh Đòn Dong (bờ Nam)	2,19		2,19	ONT	Vĩnh Chánh
48	Mở rộng Khu dân cư chợ Vĩnh Chánh	13,00		13,00	LUC, CLN	Vĩnh Chánh
49	Nghĩa địa	0,20		0,20	LUC	Vĩnh Chánh
50	Vùng nuôi trồng thủy sản	3,00	1,00	2,00	LUC	Vĩnh Khánh
51	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh Bốn Tổng (đường liên xã)	7,28	3,40	3,88	ONT	Vĩnh Khánh
52	Mở rộng đường Liên Xã (Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Nam Ba Dầu)	8,23	5,24	2,99	LUC, ONT	Vĩnh Phú
53	Mở rộng đường tỉnh 960 (tuyến bờ Tây kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	0,91	0,58	0,33	ONT	Vĩnh Phú
54	Mở rộng giao thông Kênh Bốn Tổng (Tây Cò)	1,80		1,80	ONT	Vĩnh Trạch

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Công trình, dự án	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm
55	Mở rộng giao thông đường Vĩnh An (Kênh Mặc Cần Dền)	1,40		1,40	ONT	Vĩnh Trạch
56	Mở rộng Lộ Tẻ Vĩnh Trạch	0,48		0,48	LUC	Vĩnh Trạch
57	Mở rộng Lộ Thanh Niên	0,90		0,90	LUC	Vĩnh Trạch
58	Mở rộng giao thông lộ tẻ Thanh Niên	1,06		1,06	ONT	Vĩnh Trạch
59	Mở rộng giao thông nội đồng Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	1,96		1,96	ONT	Vĩnh Trạch
60	Nhà máy xay sát lò sấy Hưng Việt	1,16		1,16	LUC	Vọng Đông
61	Mở rộng đường tuyến lộ 15 (bờ bắc Kênh Cùg - Núi Tượng)	2,11	1,34	0,77	ONT	Vọng Đông
62	Mở rộng đường tuyến bờ Đông Kênh Núi Chóc - Năng Gù	1,26	0,80	0,46	ONT	Vọng Đông
63	Mở rộng đường tuyến bờ Tây Kênh Núi Chóc - Năng Gù	1,26	0,80	0,46	ONT	Vọng Đông
64	Dự án xây dựng Cầu Mướp Vãn - ĐT 943	0,80		0,80	ONT	Vọng Thê
65	Mở rộng văn phòng ấp	0,04	0,03	0,01	LUC	Vọng Thê

**4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.**

**4.2.1. Kết quả đạt được**

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã khai thác tốt tiềm năng đất đai, phục vụ cho việc xây dựng kế cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện. Đồng thời, giúp huyện chủ động trong việc kêu gọi đầu tư, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Việc sử dụng đất của huyện đã bám sát theo các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, từng bước hạn chế những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội.

- Đất nông nghiệp được sử dụng hợp lý, tiết kiệm; đất phi nông nghiệp được phân bổ, sử dụng có hiệu quả và đất chưa sử dụng từng bước được khai thác triệt để.

**4.2.2. Mặt hạn chế**

Bên cạnh, những kết quả đã đạt được trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn những tồn tại như:

- Việc phối hợp giữa các ngành trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa thật chặt chẽ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy



hoạch các ngành khác chưa thực sự thống nhất, từ đó việc dự báo các nhu cầu sử dụng đất có độ chính xác chưa cao dẫn đến tình trạng quỹ đất quy hoạch vừa thiếu vừa thừa.

- Công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thường không thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu của chủ đầu tư, nhiều dự án có tính khả thi cao nhưng lại không có trong quy hoạch sử dụng đất, nên cũng không thể giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất để triển khai, mặc dù phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa cao do tình hình suy giảm kinh tế, dịch bệnh dẫn đến thu hút đầu tư chậm; khả năng bố trí vốn để đầu tư các dự án, công trình sử dụng vốn từ ngân sách là có hạn nên việc triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn.

- Quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

#### **4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.**

- Để đạt hiệu quả cao về công tác lập quy hoạch sử dụng đất của huyện nói riêng và các cấp nói chung việc lập quy hoạch sử dụng đất cần phải được triển khai đồng bộ, đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo luật định.

- Cần phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo tính đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác trên địa bàn nhằm nâng cao tính khả thi của quy hoạch.

- Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải bám sát các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ và danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện đã được phê duyệt để đảm bảo tính đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và huyện, cũng như tính khả thi của quy hoạch.

- Tăng cường hoàn thiện công tác kiểm kê, thống kê đất đai; tập trung hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính để hạn chế những sai lệch về thông tin đất đai nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về đất đai, công khai nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là ở cấp cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện sau khi được phê duyệt; xử lý nghiêm đối với các trường hợp

cố tình chậm triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong quá trình giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Có biện pháp cụ thể trong bảo vệ tài nguyên đất: không cho khai thác lớp đất canh tác bừa bãi, chống làm ô nhiễm đất....

- Kêu gọi các dự án đầu tư để thực hiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đồng bộ, thích hợp cho từng vùng, từng địa bàn, để tài nguyên đất không bị thay đổi tính chất (chống hạn, chống úng,...).

- Sử dụng đất ở khu vực đô thị cần theo hướng tập trung, có mô hình kiến trúc không gian đô thị, tránh tình trạng nhỏ lẻ, tự phát và manh mún như hiện nay.

## **Phần II**

# **PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

## **I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.**

Thoại Sơn thuộc tiểu vùng 1 - vùng trung tâm của tỉnh An Giang, kết nối thuận tiện với các hành lang kinh tế Quốc gia trọng điểm như: đường QL91, QL 80, QL N2, Sông Hậu, là khu vực tiềm năng gắn kết An Giang với các trung tâm Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng TP. Hồ Chí Minh và vùng Thủ đô Phnompenh.

Định hướng phân vùng phát triển được chia huyện làm 05 vùng phát triển:

- Vùng I - Vùng Trung tâm: Khu vực phát triển đô thị, hạt nhân là thị trấn Núi Sập với 03 xã Thoại Giang, Bình Thành và Định Thành. Đây là Trung tâm hành chính, y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao của huyện. Tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại. Cơ sở dịch vụ nghỉ dưỡng, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái.

- Vùng II – Vùng Tây Nam: Khu vực phát triển đô thị hạt nhân là thị trấn Óc Eo và 02 xã Vọng Đông và Vọng Thê. Đây là khu vực phát triển thương mại dịch vụ và du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái, tham quan, dã ngoại. Tôn tạo bảo vệ các di tích, danh lam thắng cảnh. Phát triển và mở rộng khu di tích văn hóa Óc Eo.

- Vùng III – Vùng Đông Bắc: Khu vực phát triển đô thị với hạt nhân là thị trấn Phú Hòa với xã Vĩnh Trạch. Đây là khu vực phát triển tiểu thủ công nghiệp và chế biến nông thủy sản.

- Vùng IV – Vùng Tây Bắc: gồm 05 xã Tây Phú, An Bình, Mỹ Phú Đông, Vĩnh Phú và Định Mỹ. Đây là khu vực phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa. Phát triển vùng chuyên canh lúa nước, màu kết hợp với cải tạo vườn tạp, hình thành các vùng cây ăn trái có lợi nhuận cao. Hình thành các trang trại có quy mô vừa với hình thức trang trại gia đình.

- Vùng V - Vùng Đông Nam: gồm 03 xã Vĩnh Chánh, Vĩnh Khánh và Phú Thuận: đây là khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp chất lượng cao. Định hướng hình thành khu vực logistic tại khu vực cao tốc Châu Đốc – Sóc Trăng – Cần Thơ.

Theo đó mục tiêu phát triển đô thị hướng tới mục tiêu đầu tư xây dựng hoàn thiện chất lượng hạ tầng đô thị trên phạm vi toàn huyện theo tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 hướng tới chất lượng tầng theo tiêu chí đô thị loại III, toàn bộ không gian được phân làm 03 vùng phát triển đô thị

(Vùng I, II, III với 9 phường) chạy dọc theo Tỉnh lộ 943 và 02 điểm dân cư nông thôn (Vùng IV, V với 08 xã).

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 của tỉnh An Giang, để huyện đóng một vai trò quan trọng trong tình hình mới, phát huy tối đa lợi thế, khai thác hiệu quả nguồn tài thiên nhiên hiện có, nhiệm vụ đặt ra cho huyện là phải phát triển nhanh nền kinh tế với cơ cấu thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xu hướng này sẽ tác động sâu sắc đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư của nhiều thành phần kinh tế, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra của huyện là phải kịp thời nắm bắt thời cơ cho từng giai đoạn, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh và trật tự an toàn xã hội, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng phát triển Thoại Sơn trở thành huyện nằm trong nhóm những huyện có mức độ phát triển cao của tỉnh. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn cao hơn mức chung của toàn tỉnh. Huyện tập trung xây dựng một số ngành, sản phẩm có quy mô, giá trị lớn trong toàn tỉnh và mang nét đặc trưng của huyện. Trong đó, đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm trong nông nghiệp (lúa, tôm càng xanh), công nghiệp chế biến (chế biến lương thực, thực phẩm), du lịch và thương mại.

## **1.2. Quan điểm sử dụng đất.**

Đất đai thuộc nhóm tài nguyên có giới hạn, có liên quan đến đa ngành, đa lĩnh vực, là điều kiện không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển. Vì vậy, việc khai thác sử dụng đất đai hợp lý, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên và liên tục lâu dài.

Phát triển kinh tế - xã hội huyện đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các huyện, thị trong tỉnh, với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục phát huy cao nhất các nguồn lực và lợi thế, nhất là khai thác tốt các tiềm năng chưa được huy động đầy đủ, đảm bảo phát triển bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, nâng chất các vấn đề văn hóa xã hội nhất là giáo dục và đào tạo, giải quyết việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; Phát triển kinh tế phải gắn với ổn định chính trị, đảm bảo trật tự xã hội, gắn với củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh; củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị và xây dựng nền hành chính vững mạnh.

Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh về thương mại, du lịch và nông nghiệp nhằm phát triển thương mại, du lịch trở thành mũi đột phá trên nền tảng nông nghiệp trong phát triển kinh tế của huyện. Huyện Thoại Sơn phải thực hiện tốt vai trò là một trong những đầu tàu lôi kéo phát triển kinh tế chung của cả tỉnh trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng dẫn đến tăng trưởng

xanh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; thường xuyên ứng dụng trình độ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển có trọng tâm trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho phát triển nông thôn mới, hạ tầng giao thông nông thôn. Đồng thời khuyến khích hộ gia đình và các đơn vị đầu tư khai thác mô hình sinh thái nhằm thu hút khách đến tham quan và du lịch.

a. Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả quỹ đất đai

Việc khai thác triệt để quỹ đất tự nhiên và sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích, đủ nhu cầu, có hiệu quả và bền vững mang ý nghĩa thiết thực quan trọng trong quá trình sử dụng đất.

Đối với đất khu vực đô thị diện tích đất dành cho nhu cầu phát triển có hạn cần có giải pháp quy hoạch không gian, nâng tầng đối với các công trình công cộng và nhà ở để tiết kiệm đất cho phát triển các khu vui chơi giải trí và không gian xanh của đô thị.

Đối với sản xuất nông nghiệp, hiện nay hệ thống thủy lợi cơ bản đã hoàn chỉnh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất. Biện pháp quan trọng trong thời gian tới là đẩy mạnh áp dụng các giống cây trồng vật nuôi thích hợp để nâng cao hệ số, hiệu quả sử dụng đất và ứng dụng công nghệ cao vào trong kỹ thuật canh tác. Tiếp tục bảo vệ vùng đất chuyên lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thực hiện nghiêm ngặt quy hoạch mang tính khoa học kỹ thuật, tăng nhanh nguồn nông sản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nâng cao độ phì và hệ số sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất bền vững.

Đối với khu dân cư nông thôn vấn đề quan trọng là bố trí hợp lý, kết hợp hài hòa phong tục tập quán định cư, thuận tiện cho sản xuất nhưng phải tạo điều kiện đầu tư tập trung và phát huy hiệu quả, thuận lợi cho phát triển xã hội. Cần sớm xác định và ổn định địa bàn các khu dân cư tập trung mang tính chất là trung tâm khu vực để có điều kiện thuận lợi cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch.

b. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên - môi trường

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất một cách phù hợp đáp ứng đúng, đủ nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội mang ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm tới. Thực tế một vài năm gần đây cho thấy việc chuyển đổi một phần diện tích đất lúa sang lúa cao sản hàng hóa có chất lượng cao và một số vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng là bước đi phù hợp mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Trong những năm tới phát triển vùng lúa đặc sản, ứng dụng công nghệ cao là ưu tiên chính trong phát triển kinh tế của huyện đòi

hỏi phải có những đánh giá xác định cụ thể diện tích. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp, nông dân nông thôn theo định hướng của nền kinh tế hàng hóa. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, có sự nghiên cứu, tính toán có cơ sở khoa học, dự báo tốt các dữ kiện về kinh tế, xã hội và đảm bảo môi trường sinh thái.

Ngoài ra yêu cầu phát triển đòi hỏi các xã, thị trấn cần đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng, phát triển nhiều công trình trên nhiều lĩnh vực như tiểu thủ công nghiệp, giao thông, thủy lợi, vui chơi giải trí, nhu cầu đất cho các mục đích này không thể không đáp ứng. Việc phát triển các khu đô thị, các khu dân cư trong tương lai đòi hỏi quỹ đất không nhỏ. Trong khi diện tích đất chưa sử dụng có thể khai thác cho các nhu cầu này không nhiều vì vậy chủ yếu phải chuyển từ đất nông nghiệp. Trong quá trình chuyển đổi cần cân nhắc hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

#### c. Duy trì bảo vệ đất nông nghiệp

Đối với huyện Thoại Sơn, trong nhiều năm tới sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng, nên việc bố trí hợp lý cơ cấu diện tích cây trồng, vật nuôi phát huy thế mạnh của từng vùng, từng bước ra khỏi thế sản xuất độc canh, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp - nông thôn.

Khi sản xuất nông nghiệp vẫn là nguồn lực chính đóng vai trò nền tảng trong việc hỗ trợ thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển thì việc duy trì, bảo vệ quỹ đất sản xuất nông nghiệp cần được quan tâm hàng đầu trong quá trình khai thác sử dụng đất. Phát triển công nghiệp, đô thị, kết cấu hạ tầng phải đồng bộ với chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cần đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để sử dụng đất đai tiết kiệm, nhất là đất trồng lúa nước.

Trong nghiên cứu và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi các loại đất nông nghiệp sang các loại đất phi nông nghiệp, cần hạn chế thấp nhất việc chuyển diện tích đất chuyên trồng lúa nước sang loại đất phi nông nghiệp khi chưa thật sự cần thiết hoặc còn có những giải pháp hoặc diện tích các loại đất khác có thể thay thế được.

Trong trường hợp cần chuyển đổi đất nông nghiệp sang các mục đích khác (trừ những công trình mang tính chất bắt buộc) cần chọn những khu đất có năng suất kém, hiệu quả kinh tế thấp; hạn chế tối đa lấy vào loại đất này nhất là đất trồng lúa. Áp dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ, ứng dụng công nghệ cao, tăng năng suất ở những địa bàn trọng điểm sản xuất lương thực, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với nhu cầu của thị trường, hội nhập kinh tế tỉnh, quốc tế.

#### d. Dành quỹ đất cho phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở và đô thị

Những hạn chế về hạ tầng cơ sở đang là một trong những trở ngại chính trong tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa của huyện. Nhiệm vụ cấp bách của huyện hiện nay là cần tập trung tiềm lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở trên các lĩnh vực như giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, văn hóa.

Việc phát triển các khu đô thị, các khu dân cư tương lai đòi hỏi quỹ đất không nhỏ. Vì vậy trong sử dụng đất phải dành quỹ đất thỏa đáng cho nhu cầu này, việc đầu tư trên cơ sở cân đối ưu tiên hiệu quả các khu vực trọng điểm, có tác dụng mang tính chất vùng. Cần cân nhắc hiệu quả kinh tế - xã hội và những tác động về môi trường.

e. Khai thác sử dụng đất phải đảm bảo bền vững gắn liền với việc bảo vệ môi trường

Đất đai là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống. Môi trường đất được cải thiện hay phá hủy một phần là do chính tác động của con người. Do đó trong quá trình khai thác đất đai không thể tách rời việc sử dụng đất với bảo vệ môi trường đất để đảm bảo tính bền vững, ổn định lâu dài.

Trong sản xuất nông nghiệp, việc bố trí cơ cấu cây trồng phải phù hợp với cơ cấu mùa vụ, điều kiện đất đai, nguồn nước, khí hậu tránh làm suy thoái đất do bố trí cây trồng không đúng hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật không hợp lý. Đồng thời cần phải xem xét đến tính độc hại của các loại chế phẩm hóa học như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng hợp lý, tránh gây ô nhiễm môi trường đất.

Trong quá trình phát triển tiểu thủ công nghiệp cần xác định rõ các loại hình, tính độc hại của các chất thải để bố trí đất đai cho phù hợp với môi trường xung quanh. Cần có biện pháp xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm đất, phá hủy cân bằng hệ sinh thái.

Kết hợp hài hòa giữa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội với khôi phục môi trường sinh thái, tái tạo tài nguyên, đa dạng sinh học, bảo vệ các di tích lịch sử, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái sẽ bị tác động, xâm hại. Trong quy hoạch sử dụng đất cần tính toán, có các giải pháp hữu hiệu, tái tạo tài nguyên, môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên bền vững.

f. Đảm bảo quỹ đất cho mục tiêu an ninh quốc phòng

Với mục tiêu xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh ngoại giao với bảo đảm an ninh quốc phòng.

### **1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.**

Trên cơ sở các quan điểm sử dụng đất dài hạn đã được xác định, định hướng sử dụng đất cho từng mục đích sử dụng đất như sau:

#### **a. Định hướng quy hoạch địa giới hành chính**

Thực tế quá trình sử dụng đất đặt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch lãnh thổ trong giai đoạn mới, cần phải xem xét, nghiên cứu, thực hiện phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới “công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn”.

Đối với cấp huyện, Thoại Sơn trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch trong thời gian tới, chưa đặt ra vấn đề điều chỉnh hoặc chia tách địa giới của huyện.

Đối với cấp xã, trong giai đoạn quy hoạch định hướng giai đoạn 2024 - 2025 sẽ tiến hành nâng cấp 03 thị trấn hiện có, gồm: thị trấn Núi Sập, Phú Hòa hoàn thiện hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại IV hướng tới chất lượng hạ tầng đạt tiêu chuẩn loại III; thị trấn Óc Eo hoàn thiện hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại V hướng tới chất lượng hạ tầng đạt tiêu chuẩn loại IV Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát, đánh giá phân đầu đến năm 2030 nâng cấp thêm 06 xã có hạ tầng hoàn thiện theo tiêu chí loại V.

#### **b. Định hướng phát triển khu vực nông nghiệp**

Tiếp tục phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên sâu. Đẩy mạnh thực hiện “cánh đồng liên kết”, “cánh đồng lớn”, áp dụng cơ giới hóa các khâu canh tác, thu hoạch và ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật mới đặc biệt là ứng dụng công nghệ sinh học nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, và thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Phát triển các vùng chuyên canh sản xuất lúa, rau màu... từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn; xây dựng và nhân rộng các mô hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với thị trường tiêu thụ và thu hút mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

Tiếp tục phát huy thế mạnh và tiềm năng nuôi trồng thủy sản của huyện như mô hình nuôi tôm càng xanh, cá tra, cá lóc và một số loại thủy sản khác có giá trị kinh tế cao tập trung nhằm tạo nên bước đột phá trong chuyển đổi cơ cấu giữa các ngành trong khu vực nông - lâm - thủy sản của huyện theo hướng bền vững. Hình thành các vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao vào nuôi trồng.

Đến năm 2030, cơ bản đạt các tiêu chí về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn mới, bằng cách phát triển nông nghiệp đi đôi với phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề ở nông thôn, nâng thu nhập của dân cư



nông thôn. Kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với nâng cao trình độ dân trí và bảo vệ môi trường sinh thái

c. Định hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Ngoài những lợi thế về vị trí địa lý, có nhiều tuyến giao thông huyết mạch chạy qua, huyện còn có quỹ đất nông nghiệp khá, địa hình một số khu tương đối thuận lợi, có thể dành cho sản xuất công nghiệp. Nguồn lao động, nguyên liệu sản xuất dồi dào, cơ sở hạ tầng điện, nước, thông tin liên lạc...được đầu tư mạnh trong thời gian qua là những yếu tố tạo cho huyện Thoại Sơn có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp.

Trong những năm tới, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện sẽ được phát triển mạnh theo hướng đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực, quy mô sản xuất. Ưu tiên cho sản xuất sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế trong một số lĩnh vực như công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng. Xây dựng mới một số khu, cụm công nghiệp có quy mô tập trung. Đồng thời từng bước di chuyển các cơ sở sản xuất có khả năng gây ô nhiễm ra xa khu dân cư...

Tập trung đầu tư phát triển các tổ hợp chế biến xay xát gạo chất lượng cao, gạo xuất khẩu theo công nghệ liên hoàn, từ khâu sấy khô, bảo quản, kho chứa đến xay xát, lau bóng gạo nhằm tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có sức cạnh tranh và giá trị cao, hạ giá thành sản phẩm để tăng hiệu quả xuất khẩu. Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi đầu tư dây chuyền công nghệ khép kín từ nuôi dưỡng đến giết mổ và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển mạng lưới cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản gắn với vùng sản xuất tập trung; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đầu tư dây chuyền chế biến có quy mô vừa và nhỏ.

Hướng bố trí đất khu - cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sẽ gắn kết với dịch vụ và phát triển đô thị theo hướng tập trung. Dự kiến phát triển 01 khu công nghiệp Định Thành (155 ha), 02 cụm tại Vọng Thê (25 ha) và Vĩnh Trạch 40 (ha).

d. Định hướng phát triển khu đô thị - thương mại - dịch vụ.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, sự phân công hợp tác diễn ra mạnh mẽ sẽ thúc đẩy dịch vụ phát triển, đồng thời đời sống của nhân dân không ngừng được nâng lên cũng đòi hỏi các ngành dịch vụ phát triển nhanh để đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, theo định hướng phát triển đô thị, huyện Thoại Sơn sẽ triển khai chương trình phát triển đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV sau năm 2030, phạm vi nội thị phát triển sẽ hình thành 09 đơn vị hành chính được định hướng tạo chuỗi đô thị dọc theo tỉnh lộ 943 của huyện gồm: Thị trấn Phú Hòa, thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc

Eo và 06 xã Vĩnh Trạch, Định Thành, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng Đông, Vọng Thê. Cho nên trong thời kỳ gian tới, huyện sẽ nhận được vốn đầu tư xây dựng đáng kể cho xây dựng cơ bản do đó kéo theo tiềm năng phát triển ngành dịch vụ của huyện là rất lớn đặc biệt là các ngành ngân hàng, tín dụng, bưu chính, vận tải, thương mại...

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích ở địa bàn thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo. Phấn đấu đến trước năm 2030, huyện Thoại Sơn có ít nhất 03 siêu thị tại thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo.

Cơ hội phát triển khu vực kinh tế dịch vụ của huyện là rất lớn, việc bố trí quỹ đất cho xây dựng các công trình kinh doanh thương mại hoàn toàn có thể đáp ứng được. Tuy nhiên do đặc điểm riêng của ngành nên nhu cầu sử dụng đất thường có mối quan hệ chặt chẽ với việc phát triển thị trấn, trung tâm xã, khu vực đông dân cư. Vì vậy việc quy hoạch sử dụng đất cần bám sát quy hoạch phát triển đô thị, trung tâm cụm xã, trung tâm xã, khu dân cư để đáp ứng được yêu cầu phát triển các ngành.

#### e. Định hướng phát triển khu du lịch

An Giang là tỉnh có rất nhiều điểm tham quan, du lịch nổi tiếng mang cấp quốc gia và cấp khu vực. Trong đó, Thoại Sơn lại là địa phương nằm trong tuyến du lịch khép của tỉnh (Thoại Sơn - Long Xuyên - Châu Đốc - Tịnh Biên - Tri Tôn - Thoại Sơn), với nhiều di tích tham quan khá nổi tiếng. Khai thác tiềm năng và thế mạnh về văn hóa lịch sử để phát triển du lịch Thoại Sơn trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, là một trong những điểm đến hấp dẫn của du lịch tỉnh An Giang. Xây dựng hình ảnh ngành du lịch có chất lượng, uy tín. Trong tương lai huyện có thể khai thác, phát triển các điểm tham quan, du lịch như khu du lịch Núi Sập; khu di tích lịch sử văn hóa Óc Eo; đình thần Thoại Ngọc Hầu; di tích Gò Cây Thị; di tích Hang Dơi... Đa dạng hóa các loại hình tham quan, dịch vụ nhằm thu hút khách tham quan, du lịch trong và ngoài nước. Do đó tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển du lịch trên địa bàn huyện cần được quan tâm đầu tư trong thời gian tới, đặc biệt là việc xây dựng các dự án mang tính khả thi để thu hút được các nhà đầu tư.

## **II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

#### **2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

##### a. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thoại Sơn là một huyện nông nghiệp và trong thời gian tới huyện vẫn sẽ phát triển dựa trên nền tảng lĩnh vực này. Tuy nhiên, sự phát triển này không phải là

sự phát triển của một nền nông nghiệp thuần túy mà nó gắn liền với ngành công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản đồng thời phát triển khối ngành dịch vụ với mũi nhọn là thương mại mậu dịch, với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý.

Khai thác mạnh mẽ những lợi thế, huy động nguồn lực xã hội, tập trung tái cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng bền vững. Theo đó, chú trọng phát triển mạnh về thương mại, du lịch làm chủ đạo trên nền tảng sản xuất nông nghiệp chuyên sâu ứng dụng công nghệ cao và ngành công nghiệp chế biến tiên tiến nhằm đưa Thoại Sơn trở thành huyện có cơ cấu kinh tế hiện đại, mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, có đóng góp ngày càng to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa chung của tỉnh An Giang.

Đến năm 2030, giá trị sản xuất (GO) của huyện Thoại Sơn có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,5% giai đoạn 2021 – 2025 và ước đạt 10% vào giai đoạn 2026 – 2030. Cơ cấu GO đến năm 2030 là khu vực 1 (23,5%) – khu vực 2 (32%) – khu vực 3 (44,5%). Cụ thể:

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

+ Theo giá hiện hành năm 2025 đạt 15.950 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt 23.570 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Công nghiệp - Xây dựng:

+ Theo giá hiện hành: năm 2025 đạt 12.900 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt 22.510 tỷ đồng.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá tiêu dùng xã hội đến năm 2025 đạt 12.000 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt 23.500 tỷ đồng.

- Đến năm 2025, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 212 triệu đồng/ha và đến năm 2030 trên 261 triệu đồng/ha.

- Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn năm 2025 đạt khoảng 1.500 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt khoảng 2.700 tỷ đồng.

- Qui mô dân số đến năm 2025 ước đạt 182.800 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 25,5% và đến năm 2030 ước đạt 183.500 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 26%.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân phân đầu đạt 70% năm 2025 và đạt trên 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm bình quân 1,2-2% vào năm 2025 và 1,5-2% vào năm 2030.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế phân đầu đạt 90% vào năm 2025 và trên 95% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân phân đầu giảm còn 8%

vào năm 2025 và dưới 5% vào năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học phần đầu đạt 100% vào năm 2025 và năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học cơ sở phần đầu đạt 95% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học phổ thông phần đầu đạt 70% vào năm 2025 và trên 80% vào năm 2030.

- Phần đầu tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% vào năm 2025 và năm 2030.

- Phần đầu đến năm 2025 đạt 100% số xã nông thôn mới nâng cao.

### **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế**

a) Chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

\* Mạng lưới giao thông

- Về giao thông đường bộ: Địa phương nên cân đối quỹ đất để phục vụ việc phát triển mạng lưới đường bộ do cấp trên phân bổ trên địa bàn huyện, cụ thể như tuyến đường cao tốc, tuyến tỉnh lộ 943. Bên cạnh đó địa phương sẽ đầu tư phát triển các tuyến giao thông huyện nhằm liên kết với các địa bàn lân cận. Đặc biệt đối với giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025: phần đầu xây dựng 100% đường đến trung tâm xã đạt chuẩn loại AH và 100% đường giao thông nông thôn còn lại đạt chuẩn loại A. Xây dựng mới và nhựa hóa các tuyến đường giao thông liên ấp trọng điểm; Giai đoạn 2021 - 2025: tiếp tục củng cố vững chắc các tuyến đường hiện có, đồng thời mở rộng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn liên ấp đạt chuẩn:

+ Tỷ lệ km đường giao thông chính về đến trung tâm xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 210 - 92 (tiêu chuẩn loại đường AH), đến năm 2030 đạt 100%.

+ Tỷ lệ km đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã, thị trấn về đến các ấp; đường liên ấp và đường ra cánh đồng đạt tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 210 - 92 (tiêu chuẩn loại đường A) đạt 100%.

- Về Giao thông đường thủy: Trong những năm qua, công tác quản lý cũng như đầu tư cho các tuyến đường thủy chưa được quan tâm đúng mức nên phần nào hạn chế khả năng phát triển giao thông đường thủy. Do đó, trong giai đoạn tới cần xác định các luồng tuyến lưu thông chính để tập trung nạo vét nhằm đảm bảo được khả năng lưu thông, phát huy thế mạnh vận tải đường thủy của huyện.

Phát triển mạng lưới đường thủy theo hướng liên kết với đường bộ, tạo điều kiện phát triển vận tải thủy, bộ kết hợp. Các tuyến đường thủy chủ yếu: kênh Ba Thê, kênh Rạch Giá - Long Xuyên, kênh Đòn Dong, kênh Mướp Vãn, kênh Kiên

Hào, đảm bảo có chiều rộng và độ sâu đủ năng lực cho thuyền ghe có tải trọng lớn lưu thông.

Xây dựng, phát triển hệ thống tàu bè, đảm bảo vận chuyển sản phẩm hàng hóa từ vùng sản xuất đến vùng tiêu thụ. Chú ý cải tạo, nạo vét luồng lạch, hai bên bờ kênh nhằm phục vụ công tác thủy lợi, phục vụ dân sinh và phát triển du lịch...

**\* Mạng lưới điện**

Mục tiêu của ngành điện là thực hiện tốt chương trình điện khí hóa nông thôn và đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Đầu tư cải tạo và xây mới đường dây trung thế, nhất là đường dây trung thế 3 pha phục vụ cho sản xuất. các trạm biến áp và đường dây hạ thế đồng bộ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành để giảm tỷ lệ tổn thất điện. Dự kiến tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100% năm 2030.

Hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng công tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và các tuyến đường đô thị của các thị trấn và khu trung tâm hành chính xã, các khu dân cư tập trung.

**\* Cấp thoát nước và rác thải**

**- Hệ thống cấp nước:**

Trong thời kỳ 2021 - 2025, định mức cấp nước sạch cho khu vực đô thị từ 120 - 150 lít/người/ngày và khu vực nông thôn là 70 - 80 lít/người/ngày. Như vậy, tổng nhu cầu nước sạch khoảng 27.500 m<sup>3</sup>/ngày vào năm 2025 và khoảng 31.000 m<sup>3</sup>/ngày vào năm 2030.

Để đáp ứng được nhu cầu nước sạch như trên, cần phải đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung, các hệ thống cấp nước trong phạm vi huyện và tăng cường thêm các giếng khoan, các thiết bị chứa nước khác.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 95% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch do các trung tâm cấp nước tập trung và các nhà máy nước cung cấp tăng lên 90% vào năm 2025 và trên 100% vào năm 2030.

**- Hệ thống thoát nước và xử lý rác thải:**

Việc xử lý nước thải cần được tính toán kỹ trong quy hoạch xây dựng chi tiết đô thị và khi xây dựng cần tuân thủ triệt để, tránh lãng phí trong việc xây dựng không đồng bộ, nhất là xây dựng các công trình ngầm. Các thị trấn cần xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng và thoát nước mưa riêng đúng tiêu chuẩn, đảm bảo tiêu chuẩn thoát nước, không gây ô nhiễm môi trường.

Mạng lưới cống thoát nước thải gồm có: các đường cống nhỏ thu gom nước thải từ các hộ dân chảy ra các đường cống chính khu vực lớn hơn và ra các trục cống chính lớn về các trạm xử lý, nhằm tránh ngập úng khu vực nội ô.

Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phải được thu gom theo hệ thống đường ống đưa về khu xử lý. Nước thải y tế tại các bệnh viện phải xử lý tại chỗ, khử trùng rồi mới đưa vào hệ thống thoát nước chung. Nguồn nước thải sau khi được xử lý, tùy theo mức độ sạch mà cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, hoặc thải ra môi trường tự nhiên.

Từ nay đến 2025 tập trung xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các khu đô thị đã có đường giao thông nội ô hoàn tất (thị trấn Núi Sập, Phú Hòa, Óc Eo). Giai đoạn 2026 - 2030, cơ bản hoàn thiện hệ thống thoát nước và các khu xử lý nước thải ở các khu trung tâm xã, các khu dân cư, khu du lịch, khu thể thao, khu thương mại...

Thực hiện dự án đầu tư thu gom và xử lý rác thải, thành lập đội vệ sinh môi trường của huyện, đảm bảo đủ số lượng lao động và phương tiện xe chuyên dùng để vận chuyển rác thải từ các khu dân cư đô thị, cụm công nghiệp và một số khu dân cư nông thôn đến nơi xử lý.

**\* Bưu chính viễn thông**

Lĩnh vực bưu chính - viễn thông là ngành công nghệ cao, luôn đòi hỏi sự đổi mới và sáng tạo, do đó nhu cầu về lao động có trình độ kỹ thuật sẽ rất lớn. Ngành cần chủ động với những chính sách đào tạo thích hợp, thu hút các cán bộ trẻ có năng lực, nâng cao khả năng chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ kịp thời và đảm bảo chất lượng kể cả trong nước và quốc tế.

Bố trí hạ tầng Bưu chính viễn thông tuân thủ theo Luật Viễn thông số 41/2009/QH12; Thông tư số 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Quyết định số 65/2017/QĐ- UBND và Quyết định số 41/2021/QĐ- UBND về xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng.

Gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới dự kiến đến năm 2025 tỷ lệ tối thiểu số hộ dân biết sử dụng tin học và truy cập internet trên địa bàn huyện đạt 70% và đến năm 2030 đạt 100% áp có internet và tỷ lệ tối thiểu số hộ dân biết sử dụng tin học và truy cập internet đạt 85%.

**b) Chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội.**

**\* Giáo dục - đào tạo**

- Phấn đấu tổng số sẽ có 78 trường đạt chuẩn quốc gia (mẫu giáo 18; tiểu học 35; trung học cơ sở 16) đến năm 2025 và giữ vững đạt tỷ lệ 100% vào năm 2030. Trường học các cấp có văn phòng và các phòng trang thiết bị bộ môn thiết yếu đạt 100%.

- Bình quân cả thời kỳ quy hoạch đất giáo dục đạt 12m<sup>2</sup>/học sinh đối với cấp mầm non (thị trấn 8m<sup>2</sup>/học sinh), cấp tiểu học và trung học cơ sở đạt 10m<sup>2</sup>/học sinh (thị trấn 6m<sup>2</sup>/học sinh).

\* Giáo dục mầm non: đảm bảo đủ giáo viên cho hệ thống giáo dục mầm non và đến năm 2025 có trên 80%, năm 2030 đạt 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên. Khuyến khích phát triển hệ thống trường tư thục đi đôi với quản lý chất lượng. Thu hút các cháu ở độ tuổi học mẫu giáo đến trường tăng lên 100% vào năm 2025.

\* Giáo dục phổ thông: Tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư các phòng thực nghiệm, phòng chức năng; chuẩn hóa chất lượng đội ngũ giáo viên là một trong những yếu tố quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục. 100% trẻ em hoàn thành tiểu học ở độ tuổi 11. Tăng tỷ lệ học sinh cuối cấp chuyển vào học cấp cao hơn; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt ở mức cao. Phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi; tiến tới phổ cập trung học phổ thông.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để tăng nhanh số lớp học 2 buổi ở bậc tiểu học. Tổ chức các lớp bổ túc văn hóa, đảm bảo cho số học sinh không đủ điều kiện học phổ thông và người lớn tuổi được tiếp tục đi học. Phát triển các trường chất lượng cao và tăng cường hoạt động theo các tiêu chí qui định làm hạt nhân thúc đẩy việc nâng cao chất lượng giáo dục. Kết hợp thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường học với quy hoạch và xây dựng lộ trình các trường đạt chuẩn quốc gia.

\* Công tác đào tạo:

Phát triển nhiều hình thức đào tạo, phân luồng học sinh vào các trường dạy nghề, tăng cường đưa giáo viên đi đào tạo trong và ngoài nước, coi trọng đào tạo tập trung chính quy; đồng thời có chính sách khuyến khích thu hút lao động trí tuệ theo các chương trình mục tiêu cụ thể.

Từ nay đến 2030, ưu tiên khuyến khích các cơ sở đào tạo những ngành nghề truyền thống tại các làng nghề trên địa bàn huyện Thoại Sơn. Nâng cấp và mở rộng trường nghề của huyện. Mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng.

Đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, đổi mới trang thiết bị dạy và học, nâng cao trình độ đội ngũ giảng dạy. Duy trì liên kết với các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo trong và ngoài địa bàn, thường xuyên mở các lớp dạy nghề đáp ứng nhu cầu sản xuất và phục vụ xuất khẩu lao động của địa phương. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở dạy nghề trên địa bàn.

\* Y tế và chăm sóc sức khỏe

Tập trung đào tạo, gửi đi đào tạo lực lượng chuyên khoa trong các lĩnh vực chuyên sâu, đủ sức áp dụng các kỹ thuật y khoa hiện đại trong khám và điều trị bệnh. Có chính sách ưu đãi để thu hút và cung cấp đủ cán bộ y tế cho các cơ sở. Tiếp tục duy trì đảm bảo 100% trạm y tế có biên chế bác sĩ và nữ hộ sinh. Phấn đấu và duy trì 100% thôn ấp có nhân viên y tế cộng đồng. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân dự kiến đạt 3,5 bác sĩ vào năm 2025 và đạt khoảng 4,4 bác sĩ năm 2030.

Thực hiện nghiêm pháp lệnh về bảo hộ lao động. Mở rộng bảo hiểm y tế đến toàn dân. Chú trọng chăm sóc y tế cho các đối tượng và gia đình thuộc diện chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng....

Nghiên cứu và áp dụng rộng rãi các phương pháp y học cổ truyền và các dược liệu dân tộc, kết hợp chặt chẽ giữa Đông và Tây y nhằm từng bước nâng cao hiệu quả và đa dạng hóa công tác khám và điều trị bệnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động y tế, thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế nhằm nâng cao chất lượng và mở rộng cơ hội lựa chọn chăm sóc sức khỏe của người dân.

**\* Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao**

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, kết hợp nguồn vốn trong dân cùng với nguồn ngân sách nhằm củng cố hệ thống thiết chế văn hoá của huyện. Xây dựng mới sân vận động cấp huyện, trung tâm phức hợp văn hóa - thể dục thể thao, nhà văn hóa thiếu nhi, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi cấp huyện... và đảm bảo 100% xã, thị trấn có nhà văn hóa, buro điện văn hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt trên 96%, tỷ lệ ấp văn hóa đạt 100% và tỷ lệ xã văn hóa đạt trên 100% vào năm 2025. Các chỉ tiêu này không ngừng được củng cố và nâng cao về chất lượng trong thời kỳ sau năm 2030.

Số xã, thị trấn có điểm tập thể dục thể thao đạt 100%, các trường học đưa giáo dục thể chất đi vào nề nếp. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác trong quần chúng nhân dân. Tiếp tục phát hiện và bồi dưỡng những cá nhân có năng khiếu để huấn luyện, thi đấu đạt thành tích cao cho ngành thể dục thể thao huyện nhà.

**2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng**

**2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã**

Bảng 10. Sự phù hợp của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thoại Sơn với chỉ tiêu cấp trên phân bổ

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh Quy hoạch đến năm 2030			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, bổ sung (ha)	Tổng số	
							Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+ (7)	(9)
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>41.245,49</b>	<b>87,56</b>	<b>40.560,00</b>		<b>40.559,77</b>	<b>86,11</b>



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh Quy hoạch đến năm 2030				
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, bổ sung (ha)	Tổng số		
							Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.763,11	82,29	38.190,00			38.189,78	81,08
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.763,11	82,29	38.190,00			38.189,78	81,08
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK							
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,37	0,28		123,94		123,94	0,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.542,43	3,27	1.411,00			1.411,00	3,00
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	0,28	131,00			130,98	0,28
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	0,11	52,00			51,89	0,11
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	513,42	1,09		525,27		525,27	1,12
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,74	0,23		108,74		108,74	0,23
1.9	Đất làm muối	LMU							
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	0,01		18,17		18,17	0,04
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.822,15</b>	<b>12,36</b>	<b>6.544,00</b>			<b>6.544,00</b>	<b>13,89</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.081,75	2,30	1.097,00			1.097,00	2,33
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	243,54	0,52	324,00			324,00	0,69
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	0,04	23,00			23,00	0,05
2.4	Đất quốc phòng	CQP	134,62	0,29	280,00			280,00	0,59
2.5	Đất an ninh	CAN	15,43	0,03	168,00			181,00	0,38
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,60	0,16				96,87	0,21
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,01	5,00			5,00	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	0,01		4,98		4,98	0,01

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh Quy hoạch đến năm 2030				
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, bổ sung (ha)	Tổng số		
							Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	0,02	10,00			10,43	0,02
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,88	0,12	70,00			70,00	0,15
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,04	0,01	6,00			6,00	0,01
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH							
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT							
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT							
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,20	0,01		0,47		0,47	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	137,29	0,29				465,00	0,99
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	155,00			155,00	0,33
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	0,06	101,00			101,00	0,21
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT							
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,71	0,04	65,00			65,00	0,14
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,48	0,19	143,00			143,00	0,30
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,01	1,00			1,00	0,01
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.007,16	6,38				3.199,95	6,79

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh Quy hoạch đến năm 2030				
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, bổ sung (ha)	Tổng số		
							Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.458,07	3,10	1.622,00			1.622,00	3,44
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.514,99	3,22	1.518,88			1.518,88	3,22
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	2,19	0,01		5,12		5,12	0,01
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC							
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	0,03	29,00			29,00	0,06
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,58	0,01	4,00			4,00	0,01
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	0,01	1,00			1,10	0,01
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	0,01		0,39		0,39	0,01
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,20	0,01		7,79		7,79	0,02
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	7,79	0,02		11,66		11,66	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,80	0,05	28,00			28,00	0,06
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	0,01				5,47	0,01
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,51	0,04	18,00			18,00	0,04

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh Quy hoạch đến năm 2030			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, bổ sung (ha)	Tổng số	
							Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.061,13	2,25		1.061,13	1.061,13	2,25
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	0,04		20,03	20,03	0,04
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	2,21		1.041,11	1.041,11	2,21
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	0,01		1,97	1,97	0,01
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>36,14</b>	<b>0,08</b>				-
	Trong đó:			-				-
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-				-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-				-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	36,14	0,08				-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-				-

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.

2.2.2.1. Nhóm đất nông nghiệp

Trên cơ sở các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đến năm 2030, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất địa phương sẽ cân đối, phân bổ quỹ đất sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, với cơ sở nền tảng đánh giá lại những tồn tại và các mặt đạt được trong việc quản lý và sử dụng đất của huyện trong giai đoạn 2021 - 2023. Đến cuối kỳ quy hoạch đất đai trên địa bàn huyện phân bổ cụ thể cho các mục đích sử dụng như sau:

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 40.560 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 40.559,77 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và giảm 685,72 ha so với hiện trạng năm 2023.

Huyện xác định cho đến năm 2030, nông nghiệp vẫn là nền tảng, là cơ sở để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và tạo ra nhiều việc làm nhất cho lao động tại khu vực nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, khuyến khích hợp tác phát triển kinh tế trang trại.

Chỉ tiêu cho các mục đích sử dụng trong loại đất nông nghiệp như sau:

a) Đất trồng lúa

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 38.190 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 38.189,78 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và giảm 573,34 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 81,08% tổng diện tích tự nhiên; toàn bộ đều là đất chuyên trồng lúa nước.

b) Đất trồng cây hàng năm khác

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 123,94 ha, giảm 8,43 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên.

c) Đất trồng cây lâu năm

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1.411 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1.411 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và giảm 131,42 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 3% tổng diện tích tự nhiên.

d) Đất rừng phòng hộ

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 52 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định 51,89 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích bị lệch là do trong phương án phân bổ của tỉnh sử dụng làm tròn số lẻ.

e) Đất rừng đặc dụng

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 131 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định 130,98 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,28% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích bị lệch là do trong phương án phân bổ của tỉnh sử dụng làm tròn số lẻ.

f) Đất nuôi trồng thủy sản

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 525,27 ha, tăng 11,85 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 1,12% tổng diện tích tự nhiên.

g) Đất chăn nuôi tập trung

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 108,74 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,23% tổng diện tích tự nhiên.

**h) Đất nông nghiệp khác**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 18,17 ha, tăng 15,62 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên. Đây là quỹ đất dự trù cho mục đích nuôi chim yến và chăn nuôi trên địa bàn các xã.

**Bảng 11. Danh mục các dự án lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2024-2030**

<b>Stt</b>	<b>Công trình, dự án</b>	<b>Tăng thêm (ha)</b>	<b>Sử dụng loại đất</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Đất cây hàng năm khác</b>				
1	Vùng chuyên canh màu	9,26	LUC	Vĩnh Phú	2024-2025
<b>II</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>				
1	Quy hoạch các tuyến đất LUC sang đất CLN	25,00	LUC	An Bình	2024 - 2030
2	Quy hoạch các tuyến đất LUC sang đất CLN	6,00	LUC	Định Mỹ	2024 - 2030
3	Quy hoạch các tuyến đất LUC sang đất CLN	10,00	LUC	Định Thành	2024 - 2030
4	Chuyển sang cây lâu năm cấp tỉnh lộ 943	250,00	LUC	Định Thành	2024 - 2030
5	Vùng cây ăn trái kết hợp tâm linh du lịch Miếu Đá Nổi	229,00	LUC, NTS, HNK, CLN	Phú Thuận	2024 - 2030
6	Chuyển sang cây lâu năm cấp tỉnh lộ 943	168,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
7	Quy hoạch các tuyến đất LUC sang đất CLN	10,00	LUC	Vĩnh Khánh	2024 - 2030
8	Chuyển sang cây lâu năm cấp tỉnh lộ 943	122,00	LUC	Vĩnh Trạch	2026-2030
9	Quy hoạch các tuyến đất LUC sang đất CLN	7,00	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
10	Chuyển sang cây lâu năm cấp tỉnh lộ 943	252,00	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
11	Chuyển đất chưa sử dụng sang CLN	36,14	CSD	An Bình, Vọng Đông, Óc Eo	2024 - 2030
<b>III</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>				
1	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	An Bình	2024 - 2030
2	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
3	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Định Mỹ	2024 - 2030
4	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Định Thành	2024 - 2030
5	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030
6	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
7	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Tây Phú	2024 - 2030
8	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Thoại Giang	2024 - 2030
9	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
10	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Vĩnh Khánh	2024 - 2030
11	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Vĩnh Phú	2026-2030
12	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Vĩnh Trạch	2026-2030
13	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,00	LUC, ONT	Vọng Thê	2024 - 2030
14	Quỹ đất phát triển đất nông nghiệp khác	1,62	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030

**2.2.2.2. Nhóm đất phi nông nghiệp**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 6.544 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 6.544 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ, tăng 721,86 ha so với hiện trạng năm 2023.

Đất phi nông nghiệp của huyện tiếp tục tăng mạnh trong kỳ quy hoạch tới, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, khu - cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị, các khu dân cư, quốc phòng, an ninh. Cụ thể:

**a) Đất ở tại nông thôn**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1.097 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1.097 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 15,25 ha so với hiện trạng năm 2023 (tăng 109,63 ha, đồng thời giảm sang các loại đất khác 94,38 ha), chiếm 2,33% tổng diện tích tự nhiên. .

Ngoài khu vực trung tâm các xã, các khu vực nông thôn (xen lẫn với đất trồng cây lâu năm và đất hàng năm khác) nhưng không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, có vị trí linh hoạt để đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở của người dân.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

**Bảng 12. Danh mục công trình đất ở tại nông thôn giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	MR CDC Sơn Hiệp	0,80	LUC	An Bình	2024 - 2030
2	Quỹ đất phát triển đất ở	3,00	LUC	An Bình	2024 - 2030
3	Khu dân cư áp Nam Huệ	5,00	LUC	Bình Thành	2024 - 2030
4	Phát triển đất ở	4,00	LUC	Bình Thành	2024 - 2030
5	Chuyển đổi Trạm Y tế cũ thành đất ở	0,07	DYT	Bình Thành	2024 - 2030
6	Khu dân cư vượt lũ Bình Thành	3,00	LUC	Bình Thành	2024 - 2030
7	Quỹ đất phát triển đất ở	3,00	LUC	Định Mỹ	2024 - 2030
8	Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1)	2,05	LUC	Định Thành	2024 - 2030
9	Mở rộng Khu dân cư (Hòa Thành)	3,50	LUC	Định Thành	2024 - 2030
10	Phát triển đất ở	5,00	LUC	Định Thành	2024 - 2030
11	Mở rộng khu dân cư và chợ kênh F	1,45	ONT, LUC, CLN	Định Thành	2024 - 2030
12	Phát triển đất ở	4,00	LUC	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030
13	Khu dân cư áp Tân Mỹ	4,39	LUC	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030
14	Phát triển đất ở	8,00	LUC	Phú Thuận	2024 - 2030
15	Phát triển đất ở	6,50	LUC	Tây Phú	2024 - 2030
16	Tuyến đất ở kênh ranh làng	1,05	LUC	Tây Phú	2024 - 2030
17	Dự án Khu đô thị và thương mại dịch vụ	15,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
18	Mở rộng Khu dân cư Bắc Thạnh	5,18	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
19	Khu đô thị kết hợp thương mại dịch vụ	50,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
20	Phát triển đất ở	3,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
21	Tuyến đất ở kênh ranh Vọng Đông ( từ Thoại Giang 2 - Thoại Giang 1 - ĐT.943	5,40	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
22	Chuyển TSC qua đất ONT	0,04	TSC	Thoại Giang	2024 - 2030
23	Phát triển đất ở	3,00	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
24	Phát triển đất ở	4,50	LUC	Vĩnh Khánh	2024 - 2030
25	Mở rộng KDC gần chợ Trung tâm xã	1,00	LUC, ONT	Vĩnh Phú	2026-2030
26	Cụm dân cư Trung Phú 4	10,00	LUC	Vĩnh Phú	2026-2030



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
27	Khu dân cư ấp Trung Phú 2	1,00	LUC	Vĩnh Phú	2026-2030
28	Phát triển đất ở	2,00	LUC	Vĩnh Phú	2026-2030
29	Mở rộng cụm dân cư Trung Phú 3	2,00	ONT	Vĩnh Phú	2026-2030
30	Mở rộng Khu dân cư và Chợ	2,10	LUC, NTS	Vĩnh Trạch	2026-2030
31	Khu Dân cư Vĩnh Trạch (ấp Vĩnh Trung)	17,00	LUC	Vĩnh Trạch	2026-2030
32	Phát triển đất ở	2,00	LUC	Vĩnh Trạch	2026-2030
33	Khu dân cư Vĩnh Trạch	5,00	LUC	Vĩnh Trạch	2024-2025
34	Khu dân cư	17,980	LUC	Vọng Đông	2024 - 2030
35	Mở rộng Khu dân cư	1,00	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
36	Khu Dân Cư Tân Thành	17,82	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
37	Phát triển đất ở	5,00	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
38	Tuyến đất ở ranh Tri Tôn - Thoại Sơn	8,28	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
39	Tuyến đất ở kênh 3 A	2,34	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
40	Tuyến đất ở kênh Núi Trọi	2,88	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
41	Khu dân cư kết hợp TMD (vòng Núi Tượng)	4,50	LUC	Vọng Đông	2024 - 2030
42	Trung tâm thương mại và Khu dân cư vượt lũ (TMD + ONT)	3,00	LUC	Vĩnh Khánh	2024 - 2030
43	Khu trung tâm xã mới (TSC, ONT, DGT)	30,4	LUC, ONT	Vĩnh Chánh	2024 - 2030

**b) Đất ở tại đô thị**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 324 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 324 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 80,46 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,69% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 13. Danh mục công trình đất ở tại đô thị giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Khu Dân cư Núi Cụt	3,00	LUC	Núi Sập	2026-2030
2	Khu Dân cư đô thị	5,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
3	Dự án Khu đô thị kết hợp thương mại dịch vụ	11,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
4	Khu dân cư cấp tuyến tránh	4,15	LUC	Núi Sập	2026-2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
5	Khu đô thị	6,00	LUC	Núi Sập	2026-2030
6	Phát triển đất ở	7,00	LUC	Núi Sập	2026-2030
7	Tuyến dân cư kênh vòng núi (điểm đầu kênh mương lộ điểm cuối kênh E)- R: 50 m	0,52	LUC	Núi Sập	2026-2030
8	Tuyến dân cư kênh Cống Vong (điểm đầu kênh Hai Xương điểm cuối đường dẫn vành đai)- R: 50 m	0,95	(LUC: 0.3), (ODT: 0.65)	Núi Sập	2026-2030
9	Khu Dân Cư áp Tân Hiệp B	3,40	LUC	Óc Eo	2026-2030
10	Phát triển đất ở	4,00	LUC	Óc Eo	2026-2030
11	Dự án Khu đô thị và Thương mại dịch vụ áp Tân Hiệp A	25,00	LUC	Óc Eo	2026-2030
12	Chuyển công năng nhà máy nước sang đất ở	0,18	SKC	Phú Hòa	2024 - 2030
13	Phát triển đất ở	10,00	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
14	Khu dân cư nhà ở Thương mại thị trấn Phú Hòa (ODT: 0,54, DGT: 0,31; DKV: 0,06)	0,91	ODT: 0,30; SKC: 0,55, CLN: 0,06	Phú Hòa	2024 - 2030
15	Khu đô thị thị trấn Phú Hòa 1	6,12	LUC, CLN	Phú Hòa	2024 - 2030
16	Khu đô thị thị trấn Phú Hòa 2	11,45	LUC, CLN, ODT, DTL	Phú Hòa	2024 - 2030
17	Khu dân cư Phú Hòa (khu vực ranh kênh Tô Y tế)	9,50	ODT, LUC, CLN, DTL	Phú Hòa	2024 - 2030

**c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 23 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 23 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 4,23 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 14. Danh mục công trình đất trụ sở cơ quan giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Khu hành chính huyện dự kiến	7,32	LUC	Núi Sập	2026-2030
2	Trụ sở tòa án huyện Thoại Sơn	1,62	LUC	Núi Sập	2026 - 2030
3	Thị đội	0,05	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
4	Trung tâm hành chính xã Mới	3,00	DVH;LUC	Phú Thuận	2024 - 2030
5	Xã đội	0,52	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
6	Xây dựng mới ban chỉ huy quân sự xã	0,38	LUC	Vĩnh Phú	2025-2030
7	Mở rộng Trung tâm Hành chính xã	0,50	ONT	Vĩnh Trạch	2026-2030
8	Mở rộng UBND xã Vọng Thê	0,80	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
9	Khu trung tâm xã mới	1,50	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030

d) Đất quốc phòng

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 280 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 280 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 145,38 ha so với hiện trạng năm 2023.

**Bảng 15. Danh mục các dự án đất Quốc phòng giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Công trình huấn luyện	0,04	0,03	0,01	LUC	Núi Sập	2024 - 2030
2	Công trình Quốc phòng	12,89	12,89		CQP	Ốc Eo	2024 - 2030
3	Công trình Quốc phòng	0,07	0,05	0,02	LUC	Vọng Đông	2024 - 2030
4	Công trình Quốc phòng	2,80	2,80		CQP	Thoại Giang	2024 - 2030
5	Công trình Quốc phòng	6,25	6,24	0,01	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
6	Công trình Quốc phòng	244,58	240,58	4,00	LUC	Bình Thành	2024 - 2030
7	Công trình Quốc phòng	0,01		0,01	LUC	An Bình	2024 - 2030
8	Công trình Quốc phòng	10,02		10,02	LUC	Mỹ Phú Đông	2026-2030
9	Công trình Quốc phòng	0,01		0,01	LUC	Phú Thuận	2024 - 2030
10	Công trình Quốc phòng	0,01		0,01	LUC	Định Thành	2024 - 2030
11	Công trình Quốc phòng	0,18		0,18	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
12	Công trình Quốc phòng	3,02		3,02	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
13	Công trình Quốc phòng	0,12		0,12	LUC	Tây Phú	2024 - 2030
14	Công trình Quốc phòng	0,02		0,02	LUC	Vĩnh Phú	2024 - 2030

e) Đất an ninh

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 168 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 181 ha, cao hơn 13 ha với chỉ tiêu phân bổ và tăng 165,57 ha so với hiện trạng năm 2023 do phải tuân thủ theo Quyết định số

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy hoạch cho lĩnh vực an ninh.

**Bảng 16. Danh mục các dự án đất An ninh giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Công trình An ninh	3,03	0,53	2,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
2	Công trình An ninh (2 điểm)	0,50		0,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
3	Công trình An ninh	2,00		2,00	LUC	Định Thành	2026-2030
4	Công trình An ninh	0,03		0,03	LUC	Núi Sập	2026-2030
5	Công trình An ninh (17 xã, thị trấn; 0,2 ha/xã)	3,40		3,40	LUC	Các xã, thị trấn	2024 - 2030
6	Công trình An ninh (2 điểm)	1,00		1,00	LUC	Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh, Vĩnh Phú	2024 - 2030
7	Công trình An ninh	12,17		12,17	LUC	An Bình	2024 - 2030
8	Công trình An ninh	158,87	12,32	146,55	LUC, NTS	Định Thành	2024 - 2030

**f) Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

➤ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 5 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 5 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 2,45 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 17. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Nhà Thiếu nhi và thư viện huyện	1,00	LUC	Núi Sập	2023 - 2030
2	Trung tâm văn hóa- thể thao (Trung tâm học tập cộng đồng)	0,05	LUC	Núi Sập	2024 - 2030
3	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	ONT, CLN, NTS	An Bình	2024 - 2030
4	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Bình Thành	2024 - 2030
5	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Định Mỹ	2024 - 2030
6	Công viên, cây xanh	0,06	LUC	Núi Sập	2026-2030
7	Khu sinh hoạt văn hóa đồng bào dân tộc	1,00	ODT	Óc Eo	2026-2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
8	Trung tâm văn hóa- thể thao (Trung tâm học tập cộng đồng)	0,36	DGT	Óc Eo	2026 - 2030
9	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,25	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
10	Trung tâm văn hóa- thể thao (Trung tâm học tập cộng đồng và sân vận động)	0,05	DCH	Phú Hòa	2024 - 2030
11	Khu di tích cách mạng cảng đừa công viên - thể thao	0,25	DGT	Tây Phú	2024 - 2030
12	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
13	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Vĩnh Khánh	2024 - 2030
14	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Vĩnh Trạch	2024 - 2030
15	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Vọng Đông	2024 - 2030
16	Trung tâm văn hóa- thể thao	0,05	TSC	Vọng Thê	2024 - 2030

➤ **Đất xây dựng cơ sở xã hội**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 4,98 ha, tăng 2,40 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên. Công trình thực hiện là Cơ sở chăm sóc người già và trẻ em khuyết tật nằm ở xã Vọng Thê.

➤ **Đất xây dựng cơ sở y tế:**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 10 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 10,43 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 3,07 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 18. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở y tế giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa	2,50	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
2	Mở rộng trạm y tế	0,28	LUC	Tây Phú	2024 - 2030
3	Mở rộng trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	0,42	0,15 ONT; 0,27 CLN	Thoại Giang	2024 - 2030
4	Trạm y Tế	0,20	LUC, CLN	Vọng Đông	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
5	Trạm y Tế	0,15	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030

➤ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 70 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 70 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 14,12 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,15% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 19. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo  
giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Mở rộng trường mẫu giáo Bình Thành	0,20	LUC	Bình Thành	2024 - 2030
2	Mở rộng trường Tiểu học điểm chính	0,18	NTS	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030
3	Mở rộng trường Mẫu Giáo áp Tân Mỹ	0,08	LUC	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030
4	Trường THCS	1,50	LUC	Núi Sập	2024-2025
5	Trường tiểu học Thoại Ngọc Hầu	1,50	LUC	Núi Sập	2024-2025
6	Mở rộng trung tâm dạy nghề	1,34	LUC	Núi Sập	2026-2030
7	Mở rộng Trường THPT Vọng Thê	0,21	ODT	Óc Eo	2024-2025
8	Trường tiểu học A điểm phụ	0,80	NTS, LUC	Óc Eo	2026 - 2030
9	Trường tiểu học A điểm chính	1,19	ODT, LUC	Óc Eo	2026 - 2030
10	Trường THCS Phú Hòa	2,00	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
11	Trường đào tạo nghề	2,35	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
12	Mở rộng trường tiểu học B Phú Hòa (2 điểm chính và phụ)	0,25	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
13	Mở rộng trường mẫu giáo Phú Hòa	0,22	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
14	Chợ chuyển qua trường mẫu giáo (áp kênh Đào)	0,22	DCH	Phú Thuận	2024 - 2030
15	Mở rộng Trường mẫu giáo (áp Phú Thuận)	0,1	DYT	Tây Phú	2024 - 2030
16	Trường mầm non (áp Trung Bình)	0,36	ONT	Thoại Giang	2024 - 2030
17	Trường tiểu học A Thoại Giang vị trí mới	1,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
18	Mở rộng trường tiểu học B điểm chính (ấp Trung Phú 3)	0,10	LUC, ONT	Vĩnh Phú	2024-2025
19	Mở rộng trường THCS Vĩnh Phú	0,15	ONT	Vĩnh Phú	2024-2025
20	Quy hoạch mới Trường Mẫu Giáo Vĩnh Trạch (ĐP)	0,13	DKV	Vĩnh Trạch	2024-2025
21	Mở rộng Trường THCS Vĩnh Trạch	0,34	ONT, CLN	Vĩnh Trạch	2024-2025
22	Trường Mẫu Giáo Vĩnh Trạch (ấp Trung Bình Nhì)	1,00	LUC	Vĩnh Trạch	2024-2025

➤ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 6 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 6 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 0,96 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 20. Danh mục công trình đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giai đoạn 2024-2030

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Sân thể dục - thể thao xã	0,80	LUC	An Bình	2024 - 2030
2	Mở rộng sân vận động	0,55	LUC	Bình Thành	2024 - 2030
3	Sân thể dục - thể thao xã	1,10	LUC	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030
4	Sân vận động	3,00	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
5	Khu văn hóa - thể thao	2,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
6	Sân thể dục - thể thao xã	1,31	LUC	Vĩnh Phú	2026-2030

➤ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 0,47 ha, tăng 0,27 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 21. Danh mục công trình đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp giai đoạn 2024-2030

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Chuyên trường mẫu giáo điểm phụ sang Hợp tác xã	0,12	DGD	Bình Thành	2024 - 2030
2	Hợp tác xã Mỹ Phú Đông	0,80	LUC	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
3	HTX nông nghiệp Tây Phú	0,15	ONT	Tây Phú	2024 - 2030

g) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

➤ Đất khu công nghiệp

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 155 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 155 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ, chiếm 0,33% tổng diện tích tự nhiên. Đây là quỹ đất dự kiến bố trí khu công nghiệp Định Thành.

➤ Đất cụm công nghiệp

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 101 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 101 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ, tăng 71,80 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,21% tổng diện tích tự nhiên.

Đầu tư các cụm công nghiệp để thu hút các ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản, chế biến lương thực - thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc; công nghiệp chế tạo...

**Bảng 22. Danh mục công trình, dự án đất cụm công nghiệp giai đoạn 2024-2030**

Stt	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
1	Cụm Công nghiệp Vĩnh Trạch	Vĩnh Trạch	40	2026-2030
2	Cụm Công nghiệp Tân Thành	Vọng Thê	25	2024 - 2030

➤ Đất thương mại, dịch vụ

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 65 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 65 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 46,29 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 23. Danh mục công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Điểm du lịch Núi Trọi	5,00	LUC	An Bình	2024 - 2030
2	Mở rộng điểm du lịch Miếu Thần Nông	0,70	LUC	An Bình	2024 - 2030
3	Phát triển đất thương mại dịch vụ (siêu thị, trung tâm thương mại,...)	20,00	LUC	Núi Sập	2026-2030



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
4	Phát triển đất thương mại dịch vụ (siêu thị, trung tâm thương mại,...)	4,15	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
5	Phát triển đất thương mại dịch vụ (siêu thị, trung tâm thương mại,...)	11,28	LUC	Óc Eo	2024 - 2030
6	Đất thương mại dịch vụ	28,00	LUC, CLN	Phú Thuận	2024 - 2030
7	Trường mẫu giáo chuyển qua Thương mại dịch vụ	0,27	DGD	Phú Thuận	2024 - 2030
8	Du lịch sinh thái	2,33	LUC 1,79; NTS 0,15; CLN 0,22, ONT 0,17	Tây Phú	2024 - 2030
9	Cửa hàng Xăng dầu	0,05	ONT; NTS	Tây Phú	2024 - 2030
10	Cửa hàng Xăng dầu	0,14	ONT; CLN	Thoại Giang	2024 - 2030
11	Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	10,00	TMD	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
12	Điểm resort nghỉ dưỡng	7,07	SKC: 6,75; ONT: 0,24; CLN: 0,09	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
13	Trung tâm thương mại và Khu dân cư vượt lũ	3,00	LUC	Vĩnh Khánh	2024 - 2030
14	Cửa hàng Xăng dầu	0,04	ONT	Vĩnh Trạch	2024-2025
15	Đất phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ	0,40	LUC	Vĩnh Trạch	2026-2030
16	Điểm thương mại phía sau trường mẫu giáo	0,10	LUC	Vọng Đông	2024 - 2030
17	Trung tâm thương mại	8,50	LUC	Vọng Đông	2024 - 2030

Ngoài ra, trên địa bàn các xã có kết hợp đất ở theo các tuyến giao thông chính và các khu vực đô thị của huyện nhưng không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, có vị trí linh hoạt để đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

➤ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 139 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 139 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 50,52 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,29% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 24. Danh mục công trình, dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Nhà máy nước Định Thành	0,36	CLN: 0,02, NTS: 0,22; ONT: 0,12	Định Thành	2024 - 2030
2	Cụm Tiểu thủ Công nghiệp	7,70	LUC (6,2), ONT (1,5)	Mỹ Phú Đông	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
3	Chuyển công năng trường THCS sang SKC	0,59	DGD	Núi Sập	2024-2025
4	Chuyển công năng UBND thị trấn cũ sang SKC	0,48	TSC	Núi Sập	2024-2025
5	Đất sản xuất kinh doanh tập trung ấp Tân Hiệp A	20,00	LUC	Óc Eo	2026-2030
6	Đất sản xuất kinh doanh	0,20	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
7	Nhà máy sản xuất thuốc thú y thủy sản	0,69	NTD, ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
8	Trạm cấp nước mới	0,06	ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
9	Kho dự trữ lương thực	10,00	LUC	Tây Phú	2024 - 2030
10	Đất phát triển sản xuất kinh doanh	85,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
11	Đất phát triển sản xuất kinh doanh	2,50	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
12	Lò Sấy	0,29	ONT	Vĩnh Khánh	2026 - 2030
13	Đất sản xuất kinh doanh	5,00	LUC	Vĩnh Phú	2026-2030
14	Nhà máy nước Vĩnh Phú	1,02	LUC	Vĩnh Phú	2024
15	Nhà máy nước Vĩnh Trạch	1,30	LUC	Vĩnh Trạch	2024-2025
16	Cơ sở Phối trộn phân bón	0,51	CLN:0,46, ONT: 0,06	Vĩnh Trạch	2024-2025
17	Công ty bê tông (Mở rộng giai đoạn 1 là 1,21 ha)	2,43	ONT: 0,35; BHK: 0,13; CLN: 0,43, LUC: 1,52	Vĩnh Trạch	2024-2025
18	Nhà máy gạo	1,18	LUC:1,02 , CLN: 0,05, DTL: 0,05; ONT: 0,06	Vọng Đông	2024 - 2030
19	Mở rộng Nhà máy xay xát và lò sấy	0,64	LUC	Vọng Đông	2024 - 2030
20	Lò giết mổ tập trung	2,52	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
21	Kho lương thực	4,00	LUC	Bình Thành	2024 - 2030

➤ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1,00 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và không thay đổi so với hiện trạng năm 2023 (chỉ cập nhật thêm 0,10 ha hiện trạng), chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

h) Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Khai thác mọi nguồn lực trong nước và đồng thời huy động các nguồn lực từ bên ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

cho các đô thị,...) nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực; thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng, kiến trúc. Tuân thủ việc phân cấp quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở phát triển hạ tầng của huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, giao thông, thủy lợi, năng lượng, chợ... Đến năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng của huyện là 3.199,95 ha, chiếm 6,79% diện tích tự nhiên, tăng 192,80 ha so năm 2023.

➤ **Đất giao thông:**

Từng bước tạo ra một hệ thống giao thông vận tải đồng bộ và liên hoàn, có khả năng phát triển bền vững; đảm bảo lưu thông thuận tiện và an toàn; đáp ứng nhu cầu vận chuyển ngày càng gia tăng và đa dạng hóa phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh; đảm bảo an ninh và quốc phòng, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1.622 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1.622,00 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 163,93 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 3,44% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 25. Danh mục công trình đất giao thông giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào Núi Trọi	0,10	LUC	An Bình	2024 - 2030
2	Mở rộng tuyến bờ nam kênh D	0,18	LUC, CLN, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
3	Mở rộng tuyến bờ bắc kênh B	0,11	CLN, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
4	Mở rộng tuyến Rạch Giá - Long Xuyên (đoạn tự TT Núi Sập đến giáp ranh Kiên Giang)	0,76	ONT	Bình Thành	2024 - 2030
5	Mở rộng tuyến bắc xã Diêu	0,88	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
6	Mở rộng tuyến giao thông Nam Ba Thê cũ	1,61	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
7	Mở rộng tuyến giao thông Bắc Ba Thê cũ	0,60	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
8	Mở rộng tuyến Bắc kênh Thoại Giang 3	1,13	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
9	Mở rộng tuyến Nam kênh Thoại Giang 3	1,16	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
10	Mở rộng tuyến Nam kênh Thoại Giang 2	0,62	LUC, ONT	Bình Thành	2024 - 2030
11	Mở rộng đường áp chiến lược	4,68	DTL	Bình Thành	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
12	Quốc Lộ 91D 15,92 ha (Bình Thành 8,12, Óc Eo 5,60, Vọng Thê 2,20)	19,32	LUC, CLN	Bình Thành, Óc Eo, Vọng Thê	2024 - 2030
13	Cầu Thoại Giang 2	0,06	ONT	Bình Thành, Thoại Giang	2024 - 2030
14	Quy hoạch chợ Trường Tiền (đất giao thông)	0,02	LUC; ONT	Định Mỹ	2024 - 2030
15	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh, Vĩnh Phú)	129,01	LUC; CLN; ONT; DTL	Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh, Vĩnh Phú	2024 - 2030
16	Mở rộng đường giao thông Kênh F (bờ Đông)	1,13	ONT	Định Thành	2024 - 2030
17	Mở rộng đường bờ Tây kênh G (từ TL943-DH78)	0,58	LUC	Định Thành	2024 - 2030
18	Mở rộng bờ Tây kênh G (TL943 đến ranh Cần Thơ)	1,60	LUC	Định Thành	2024 - 2030
19	Mở rộng bờ Đông kênh G (TL943 đến ranh Cần Thơ)	0,67	LUC: 0,47; ONT: 0,20	Định Thành	2024 - 2030
20	Mở rộng bờ Đông kênh H (TL943 đến DH78)	0,64	LUC, CLN	Định Thành	2024 - 2030
21	Mở rộng bờ Đông kênh F (TL943 đến ranh Cần Thơ)	1,28	LUC, CLN	Định Thành	2024 - 2030
22	Mở rộng bờ Đông kênh G (TL943 đến DH78)	0,68	LUC	Định Thành	2024 - 2030
23	Mở rộng bờ Tây kênh G (TL943 đến ranh Cần Thơ)	1,32	LUC, CLN	Định Thành	2024 - 2030
24	Mở rộng bờ Đông kênh Trục	0,90	LUC, CLN	Định Thành	2024 - 2030
25	Mở rộng kênh ông Đốc	1,20	LUC, CLN	Định Thành	2024 - 2030
26	Tuyến tránh (Định Thành - TT. Núi Sập)	10,50	LUC	Định Thành - Núi Sập	2024 - 2030
27	Bến xe huyện	0,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
28	Bãi Xe khu vực Thiên Viện	8,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
29	Tuyến tránh (giai đoạn 2)	6,50	LUC, ODT	Núi Sập	2026-2030
30	Đường nối tuyến tránh - kênh 600	0,40	LUC	Núi Sập	2026-2030
31	Tuyến đường vành đai	9,50	LUC	Núi Sập	2026-2030
32	Đường dẫn vành đai	0,44	LUC	Núi Sập	2026-2030
33	Đường dẫn vành đai	0,33	LUC	Núi Sập	2026-2030
34	Đường Phan Đình Phùng nối dài	1,20	ODT	Núi Sập	2026-2030
35	Tuyến đường kênh E	3,33	(LUC: 3,03), (ODT: 0,30)	Núi Sập	2024 - 2030
36	Giao thông khu dân cư cán bộ gần công an huyện	0,20	LUC, ODT	Núi Sập	2026-2030
37	Bến tàu khách Núi Sập	0,20	ODT	Núi Sập	2024 - 2030
38	Tuyến giao thông Núi Sập - Bình Thành (Kênh Xã Kình - Kênh B)	8,40	LUC	Núi Sập, Bình Thành	2026-2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

<b>Stt</b>	<b>Công trình, dự án</b>	<b>Tăng thêm (ha)</b>	<b>Sử dụng loại đất</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
39	Tuyến nối Khu hành chính - ĐT.943B (Núi Sập: 0,20 ha; Định Thành: 3,90 ha)	4,10	LUC	Núi Sập, Định Thành	2026-2030
40	Mở rộng đường Kênh Thỏ Mỏ	0,51	LUC, ODT, HNK	Óc Eo	2026-2030
41	Mở rộng đường Vành Đai Núi	0,92	ODT	Óc Eo	2026-2030
42	Mở rộng Hẻm 3 Sanh	0,06	ODT	Óc Eo	2026-2030
43	Mở rộng đường Phan Thanh Giản	0,24	ODT	Óc Eo	2026-2030
44	Mở rộng đường lên núi Ba Thê	0,10	ODT	Óc Eo	2026-2030
45	Mở rộng hẻm Tư Sài	0,03	ODT	Óc Eo	2026-2030
46	Tuyến Nam kênh Ba Thê Mới	0,07	ODT	Óc Eo	2026 - 2030
47	Mở rộng đường Kiên Hào	0,75	ODT, LUC	Óc Eo	2024 - 2030
48	Quỹ đất Sân vận động vị trí mới	1,20	LUC	Óc Eo	2026-2030
49	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Núi Nhỏ)	24,50	LUC, CLN, ODT	Óc Eo, Vọng Đông	2024 - 2030
50	Bến xe	1,40	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
51	Mở rộng tuyến giao thông kênh ranh	1,26	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
52	Mở mới tuyến giao thông đường tránh Phú Hòa	6,90	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
53	Đường số 7 CDC Phú Hữu	0,12	HNK	Phú Hòa	2024 - 2030
54	Mở rộng đường nối Mạc Cần Dện đi kênh Xã đội	0,10	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
55	Cầu Phú Vĩnh	0,06	ODT	Phú Hòa	2024 - 2030
56	Mở rộng tuyến giao thông tây rạch Bờ Ao (điểm đầu ranh Phú Thuận - Mỹ Thới, điểm cuối ranh Phú Thuận - Phú Hòa)	1,30	ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
57	Tuyến giao thông nam Đòn Dong (điểm đầu ranh Phú Thuận - Mỹ Thạnh, điểm cuối ranh Phú Thuận - Vĩnh Chánh)	1,00	LUC, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
58	Mở rộng tuyến giao thông tây kênh Phú Tây (điểm đầu kênh Đào đến Bến dò số 6.	0,88	LUC, NTS, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
59	Mở rộng tuyến giao thông đông rạch Bờ Ao (điểm đầu ranh Phú Thuận - Mỹ Thới, điểm cuối ranh Phú Thuận - Phú Hòa)	0,12	ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
60	Mở rộng tuyến giao thông tây kênh xã Đội (điểm đầu ngã ba kênh Xã Đội - kênh Đòn Dong, điểm cuối ranh Phú Hòa - Đòn Dong).	1,54	LUC, NTS, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
61	Mở rộng tuyến giao thông Tây kênh Hương Điền (điểm đầu cầu Hương Điền, điểm cuối ngã ba kênh Hương Điền - kênh Lung Xẻo Mây)	0,74	LUC, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
62	Mở rộng tuyến giao thông đông kênh Phú Tây (điểm đầu cầu kênh Đào trong, điểm cuối cầu Trạm bơm)	0,84	LUC, NTS, CLN, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
63	Mở rộng tuyến giao thông Đông kênh Hương Điền	0,74	LUC, NTS, HNK	Phú Thuận	2024 - 2030
64	Mở rộng tuyến giao thông nam kênh ông Đốc	0,18	LUC, NTS, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
65	Mở rộng tuyến giao thông bờ Bắc kênh Cái Sắn	0,41	CLN, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
66	Mở rộng tuyến giao thông bờ đông kênh Ranh Mỹ Hòa - Mỹ Thới	0,86	LUC, NTS, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
67	Mở rộng tuyến giao thông bờ bắc kênh Đòn Dong (đoạn từ kênh Xã Đội đến kênh Xáng Mới)	0,06	ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
68	Mở rộng tuyến giao thông bờ bắc kênh Đòn Dong (đoạn từ kênh Xáng Mới đến kênh Ranh Mỹ Thạnh)	0,39	ONT, CLN	Phú Thuận	2024 - 2030
69	Mở rộng tuyến giao thông Đức Thành 5 (qua kênh Xáng Mới)	0,60	LUC, ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
70	Mở rộng tuyến giao thông kênh Ranh Mỹ Thạnh - Vĩnh Chánh	1,07	LUC, NTS, CLN	Phú Thuận	2024 - 2030
71	Mở rộng tuyến giao thông kênh Đào nhỏ	0,11	LUC, NTS, ONT, DGD	Phú Thuận	2024 - 2030
72	Mở rộng tuyến giao thông kênh Sua Đũa (bờ bắc)	0,43	LUC, NTS, HNK, CLN	Phú Thuận	2024 - 2030
73	Mở rộng tuyến giao thông bờ đông rạch Bờ Ao	0,35	LUC	Phú Thuận	2024 - 2030
74	Tuyến đường nối QL 80 giáp Cần Thơ	0,02	ONT	Phú Thuận	2024 - 2030
75	Tuyến Đường tỉnh 943B: Phú Thuận (8,58 ha), Vĩnh Chánh (11,46 ha), Vĩnh Trạch (6,19 ha), Vĩnh Khánh (5,39 ha), Định Thành (16,27 ha), Núi Sập (0,71 ha), Thoại Giang (13,06 ha), Vọng Đông (12 ha), Óc Eo (2,57 ha)	76,23	LUC, CLN, ONT, ODT	Phú Thuận, Vĩnh Chánh, Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh, Định Thành, Núi Sập, Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo	2024 - 2030
76	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Ranh Lăng rộng 7,5m	1,18	LUC, ONT	Tây Phú	2024 - 2030
77	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh Mướp Giăng rộng 7,5	1,12	ONT	Tây Phú	2024 - 2030
78	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Phú Tuyến 1 rộng 7,5	1,16	LUC, ONT, HNK	Tây Phú	2024 - 2030
79	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Trường Tiền rộng 7,5m	0,76	LUC, ONT	Tây Phú	2024 - 2030
80	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Vĩnh Tây rộng 5,5m	0,54	LUC, ONT	Tây Phú	2024 - 2030
81	MR Đường TL 947	1,38	ONT	Tây Phú	2024 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
82	MR Bờ nam kênh Huệ Đức (kênh Ranh làng rộng 7,5m)	0,53	0,50 LUC; 0,03 ONT	Tây Phú	2024 - 2030
83	Mở rộng Tuyến giao thông kênh ranh Tri Tôn rộng 9m	0,23	LUC	Tây Phú	2024 - 2030
84	Mở rộng đường tuyến bờ Đông kênh 600	2,58	LUC, ONT	Thoại Giang	2024 - 2030
85	Đường nối từ bờ Đông kênh 600 đến khu dân cư ven sông Rạch Giá - Long Xuyên	1,02	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
86	Mở rộng đường tuyến bờ Bắc kênh 600	0,99	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
87	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Núi nhỏ)	0,85	ONT	Thoại Giang	2024 - 2030
88	Sân Vận Động	1,50	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
89	Mở rộng giao thông đường Rạch Ông Thiên (bờ Tây)	2,70	ONT	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
90	Mở rộng giao thông đường Kênh Thanh Niên (bờ Đông)	3,45	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
91	Đường vòng kênh Thanh Niên	18, 51	LUC, ONT	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
92	Mở rộng giao thông Kênh Lắm (bờ Bắc)	1,62	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
93	Các đòng khu dân cư Tây Bình C	0,13	NTS, ONT, SKC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
94	Mở rộng đường tuyến bờ Nam kênh Đòn Dong	2,21	CLN, ONT	Vĩnh Khánh	2026-2030
95	Mở rộng đường tuyến bờ Đông kênh Núi Chóc - Năng Gù	0,67	LUC, ONT, NTS	Vĩnh Phú	2024-2025
96	Mở rộng giao thông Tây Bà Cả	0,74	ONT	Vĩnh Trạch	2026-2030
97	Cầu Thành Vĩnh	0,06	ONT	Vĩnh Trạch	2024 - 2030
98	Mở rộng đường tuyến bờ Tây kênh 3A	0,20	LUC, ONT, CLN	Vọng Thê	2024 - 2030
99	Mở rộng đường tuyến bờ Nam Kênh Vành Đai	0,12	LUC, ONT	Vọng Thê	2024 - 2030
100	Mở rộng đường tuyến bờ Đông Mương ranh Kiên Giang	0,20	LUC, ONT	Vọng Thê	2024 - 2030
101	Mở rộng tuyến giao thông đường tỉnh 947 (bờ Đông kênh Murop Vãn - Càng Dừa)	0,67	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
102	Mở rộng tuyến giao thông ranh Tri Tôn - Thoại Sơn rộng 9m	0,92	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
103	Mở rộng tuyến giao thông kênh 3A rộng 9m	0,47	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
104	Đường tỉnh 947 B	27,50	LUC	Vọng Thê - An Bình - Tây Phú	2024 - 2030

➤ Đất thủy lợi:

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1.524 ha.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1.523,54 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 6,36 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 3,23% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 26. Danh mục công trình thủy lợi giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Kênh thủy lợi nối từ kênh Ranh áp Trung Phú 2,3,4 đến kênh Mương Trâu	0,20	LUC	Vĩnh Phú	2026-2030
2	Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu (hạng mục công số 2)	0,70	LUC	Vọng Đông	2024
3	Trạm Bơm Tân Huệ	0,12	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030
4	Trạm Bơm Tân Vọng	1,54	LUC	Vọng Thê	2024 - 2030

➤ **Đất công trình cấp nước, thoát nước**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1.524 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1.523,54 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 6,36 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 3,23% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 27. Danh mục công trình cấp nước, thoát nước giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm (ha)	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Nhà máy nước Định Thành	0,36	CLN: 0,02, NTS: 0,22; ONT: 0,12	Định Thành	2024 - 2030
2	Nhà máy nước Vĩnh Phú	1,02	LUC	Vĩnh Phú	2024
3	Nhà máy nước Vĩnh Trạch	1,30	LUC	Vĩnh Trạch	2024-2025
4	Trạm cấp nước mới	0,06	ONT	Phú Thuận	2024 - 2030

➤ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 29 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 29 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 14,84 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 28. Danh mục công trình đất di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Chuyển thửa đất ở sang nhà trung bày Óc Eo (54m <sup>2</sup> )	0,01	ODT	Óc Eo	2024



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
2	Nhà bia tưởng niệm	0,11	ODT	Óc Eo	2026 - 2030
3	Gò Danh Sang	1,25	DTT	Óc Eo	2026 - 2030
4	Gò Sáu Thuận	0,20	DGD	Óc Eo	2026 - 2030
5	Gò Út Trạch	0,30	ODT	Óc Eo	2026 - 2030
6	Xây dựng hệ thống mái che bảo tồn các hồ khảo cổ tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê	0,02	ODT	Óc Eo	2026 - 2030
7	Quỹ đất di tích Óc Eo	13,26	CLN, ODT	Óc Eo	2024 - 2030

➤ **Đất công trình xử lý chất thải**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 4 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 4 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 1,42 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

Đến năm 2030, sẽ xóa các điểm tập trung rác tại Núi Sập, Vĩnh Phú, Mỹ Phú Đông và bố trí các điểm xử lý nước thải tại Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo (mỗi điểm 500 m<sup>2</sup>); Khu xử lý chất thải rắn vùng huyện, vùng liên huyện với Quy mô 10 ha tại xã Thoại Giang theo quy hoạch tỉnh đã phê duyệt. Vị trí dự án này sẽ được lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

➤ **Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 1 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 1 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 0,32 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 29. Danh mục công trình đất năng lượng giai đoạn 2024 - 2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Nhà Máy Xăng Sinh học E5-E10	3,46	LUC	Định Thành	2024 - 2030
2	Mở rộng điện lực	0,02	DGT: 0,01; ODT: 0,01	Núi Sập	2024
3	Đường dây 110KV Tri Tôn - Thoại Sơn	3,00	LUC	Định Mỹ, Mỹ Phú Đông, Tây Phú	2026-2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
4	Trạm biến áp 110KV Vọng Thê	0,50	LUC	Vọng Thê	2026-2030
5	Đường dây 110KV Long Xuyên 2 - Thoại Sơn	3,00	LUC	Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Định Thành	2026-2030
6	Treo dây mạch 2 Tri Tôn - Thoại Sơn	1,00	LUC	Định Mỹ, Mỹ Phú Đông, Tây Phú	2026-2030
7	Treo dây mạch 2 Long Xuyên - Thoại Sơn	1,00	LUC	Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Định Thành	2026-2030

➤ **Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 7,79 ha, tăng 1,59 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 30. Danh mục công trình đất chợ dân sinh, chợ đầu mối giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Chợ Tây Cò	0,50	LUC	Vĩnh Trạch	2024 - 2030
2	Chợ Ba Bần	0,50	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
3	Chợ Thoại Giang	0,59	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030

➤ **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng**

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 11,66 ha, tăng 3,87 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 31. Danh mục công trình đất sinh hoạt cộng đồng giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Văn phòng áp Nam Huệ	0,03	ONT	Bình Thành	2024 - 2030
2	Văn phòng áp Phú Hữu	0,03	ONT	Định Mỹ	2024 - 2030
3	Văn phòng khóm Trung Sơn	0,05	LUC	Óc Eo	2026 - 2030

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
4	Mở rộng văn phòng ấp Phú Thạnh	0,05	ONT	Tây Phú	2024 - 2030
5	Mở rộng văn phòng ấp Phú Hùng	0,05	ONT	Tây Phú	2024 - 2030
6	Mở rộng văn phòng ấp Phú Hòa	0,05	ONT	Tây Phú	2024 - 2030
7	Văn phòng ấp Đông An	0,01	ONT	Vĩnh Chánh	2024 - 2030
8	Mở rộng văn phòng ấp Trung Phú 1	0,03	ONT	Vĩnh Phú	2026-2030
9	Mở rộng văn phòng ấp Trung Phú 3	0,03	ONT	Vĩnh Phú	2026-2030
10	Chuyển trường Tiểu học Vọng Thê sang Văn phòng ấp Tân Thành	0,07	DGD	Vọng Thê	2024 - 2030
11	Chuyển đổi chợ thành công viên	0,19	DCH	Bình Thành	2024 - 2030
12	Công viên, cây xanh (chuyển từ bến xe và cư xá giáo viên)	0,28	DGT 0,20, ODT 0,08	Óc Eo	2026 - 2030
13	Chuyển công năng thị đội cũ thành công viên	0,05	TSC	Phú Hòa	2024 - 2030
14	Công viên, cây xanh	2,50	LUC	Phú Hòa	2024 - 2030
15	Công viên, cây xanh	0,54	LUC	Tây Phú	2024- 2030

i) Đất cơ sở tôn giáo

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 28 ha.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 28 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 2,20 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 32. Danh mục công trình tôn giáo giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Mở rộng chùa An Hương	1,15	LUC	Định Thành	2024 - 2030
2	Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo	0,09	LUC	Định Thành	2024 - 2030
3	Chùa Huỳnh Long	0,04	ONT	Thoại Giang	2024 - 2030
4	Xây dựng Chùa Phật Quang	0,66	LUC: 0,46; CLN: 0,14 ; ONT: 0,06	Vĩnh Trạch	2024-2025
5	Mở rộng Chùa Quan Âm	0,51	LUC: 0,16; DTL: 0,01, NTS: 0,04; CLN: 0,30	Vĩnh Trạch	2024-2025
6	Tịnh Thất Ngọc Quang	0,16	ODT, NTS	Núi Sập	2024- 2030

j) Đất cơ sở tín ngưỡng

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: Không phân bổ.
- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 5,47 ha, tăng 0,90 ha so với hiện trạng năm

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

2023, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 33. Danh mục công trình đất cơ sở tín ngưỡng giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Mở rộng khu di tích đá nổi	0,20	LUC	Phú Thuận	2024- 2030

k) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

- Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tại QĐ 1369/QĐ-TTg: 18 ha.

- Chỉ tiêu cấp huyện xác định: 18,42 ha, bằng với chỉ tiêu phân bổ và tăng 1,91 ha so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 34. Danh mục công trình đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giai đoạn 2024-2030**

Stt	Công trình, dự án	Tăng thêm	Sử dụng loại đất	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Mở rộng Nghĩa địa	1,00	LUC	Thoại Giang	2024 - 2030
2	Nghĩa địa	0,91	LUC	Vĩnh Chánh	2024 - 2030

### **2.2.2.3. Nhóm đất chưa sử dụng**

Trong thời kỳ thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 2024 - 2030, huyện sẽ đưa vào khai thác toàn bộ 36,14 ha đất chưa sử dụng nằm ở các xã An Bình, Vọng Đông và thị trấn Óc Eo vào mục đích thương mại dịch vụ phục vụ cảnh quan du lịch.

### **2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

#### **2.2.3.1. Đất nông nghiệp**

Năm 2023, có diện tích 41.245,49 ha. Đến năm 2030, đất nông nghiệp có diện tích 40.559,77 ha chiếm 86,11% tổng diện tích đất tự nhiên, giảm 685,37 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch giảm: Để đáp ứng nhu cầu đất đai cho phát triển các ngành, lĩnh vực, đất nông nghiệp giảm 758,41 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Điều chỉnh quy hoạch tăng: Diện tích đất nông nghiệp tăng 36,14 ha từ đất chưa sử dụng chuyển sang.

- Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều

chỉnh quy hoạch: 40.417,76 ha.

Phương án Điều chỉnh quy hoạch các chỉ tiêu đất nông nghiệp giai đoạn 2024 - 2030 cụ thể như sau:

↳ Đất trồng lúa:

Đến năm 2030, đất trồng lúa trên địa bàn huyện còn 38.189,78 ha, chiếm 94,16% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó

- Điều chỉnh quy hoạch tăng: Không tăng.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 573,34 ha để chuyển sang:

+ Đất cây lâu năm: 17,09 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 4,89 ha;

+ Đất nông nghiệp khác: 8,62 ha;

+ Đất quốc phòng: 115,88 ha;

+ Đất an ninh: 142,51 ha;

+ Đất khu công nghiệp: 93,46 ha;

+ Đất cụm công nghiệp: 50,12 ha;

+ Đất thương mại dịch vụ: 12,14 ha

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 23,44 ha;

+ Đất sử dụng mục đích công cộng: 73,85 ha;

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,05 ha;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 3,10 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 50,15 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 41,80 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 4,57 ha;

+ Đất tín ngưỡng: 0,90 ha.

- Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 38.120,45 ha.

↳ Đất trồng cây hàng năm khác:

Đến năm 2030, có diện tích 123,94 ha, chiếm 0,31% đất nông nghiệp, giảm 8,43 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng: Không tăng.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 8,43 ha để chuyển sang:

+ Đất cây lâu năm: 8 ha;

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 0,13 ha;

+ Đất sử dụng mục đích công cộng: 0,30 ha;

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 123,94 ha.

↳ Đất trồng cây lâu năm:

Đến năm 2030, có diện tích 1.411 ha, chiếm 3,48% đất nông nghiệp, giảm 131,42 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng: 77,64 ha, trong đó từ đất trồng lúa 17,09 ha, đất trồng cây hàng năm khác 8 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,91 ha và đất chưa sử dụng 36,14 ha .

- Điều chỉnh quy hoạch giảm để đáp ứng nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, an ninh, quốc phòng,... Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch, đất trồng cây lâu năm giảm 209,06 ha để chuyển sang:

+ Đất an ninh: 8,33 ha;

+ Đất khu công nghiệp: 55 ha;

+ Đất cụm công nghiệp: 3,27 ha;

+ Đất thương mại dịch vụ: 15,14 ha;

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 26,40 ha;

+ Đất sử dụng mục đích công cộng: 35,16 ha;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,06 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 11,88 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 52,32 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,50 ha;

- Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 1.331,87 ha.

↳ Đất nuôi trồng thủy sản:

Đến năm 2030, có diện tích 525,40 ha, chiếm 1,30% đất nông nghiệp, Điều chỉnh quy hoạch tăng 11,91 ha so với năm 2023.

- Điều chỉnh quy hoạch tăng: Tăng 19,94 ha từ đất lúa 19,89 và đất trụ sở cơ quan 0,05.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 8,09 ha để chuyển sang:

+ Đất cây lâu năm: 1,91 ha;

+ Đất an ninh: 1,63 ha

+ Đất thương mại dịch vụ: 1,85 ha

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 0,22 ha;

+ Đất sử dụng mục đích công cộng: 2,48 ha;

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 505,33 ha.

↳ Đất chăn nuôi tập trung:

Đến năm 2030, đất nông nghiệp khác có diện tích 108,74 ha, chiếm 0,23% diện tích đất nông nghiệp, không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch.

↳ Đất nông nghiệp khác:

Đến năm 2030, đất nông nghiệp khác có diện tích 18,17 ha, chiếm 0,04% diện tích đất nông nghiệp, tăng 15,62 ha từ đất trồng lúa 8,62 ha và đất ở nông thôn 7 ha.

\* Các loại đất nông nghiệp còn lại gồm: đất rừng phòng hộ 51,89 ha và đất rừng đặc dụng 130,98 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

### **2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp**

Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch quy hoạch giai đoạn 2024 - 2030, đất phi nông nghiệp huyện Thoại Sơn tăng 721,51 ha nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển đô thị, mở rộng các khu dân cư nông thôn; đảm bảo quốc phòng, an ninh... Đến năm 2030, đất phi nông nghiệp có diện tích 6.543,65 ha, chiếm 13,89% diện tích đất tự nhiên.

Phương án Điều chỉnh quy hoạch các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030 cụ thể như sau:

↳ Đất ở tại nông thôn:

Đến năm 2030, có diện tích 1.097 ha, chiếm 16,76% đất phi nông nghiệp, tăng 15,25 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng 109,06 ha được lấy từ:

+ Đất trồng lúa: 50,15 ha;

+ Đất trồng trồng cây lâu năm: 11,88 ha;

+ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 47,03 ha.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 93,81 ha do chuyển sang:

+ Đất thương mại dịch vụ: 0,45 ha;

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 2,15 ha;

+ Đất sử dụng mục đích công cộng: 82,85 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,22 ha;

+ Đất trụ sở cơ quan: 0,99 ha;

+ Đất công trình của tổ chức sự nghiệp: 0,15 ha.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

---

- Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 984,94 ha.

↳ Đất ở tại đô thị:

Đến năm 2030, có diện tích 324 ha, chiếm 4,95% đất phi nông nghiệp, tăng 80,46 ha, trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng 108,07 ha được lấy từ:

+ Đất trồng lúa: 46,32 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 52,32 ha;

+ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 9,43 ha.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 27,61 ha sang sang đất cụm công nghiệp 10 ha, đất sản xuất kinh doanh 0,14 ha, đất hạ tầng 17,34 ha, đất khu vui chơi 0,08 ha và đất trụ sở cơ quan 0,05 ha.

- Diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 215,93 ha.

↳ Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Đến năm 2030, có diện tích 23 ha, chiếm 0,35% đất phi nông nghiệp, tăng 4,23 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng 7,79 ha được lấy từ:

+ Đất trồng lúa: 13,29 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 1,50 ha;

+ Nội bộ Đất phi nông nghiệp: 1,72 ha.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 3,97 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 2,48 ha, đất sản xuất kinh doanh 0,48 ha, đất hạ tầng 0,40 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,05 ha, đất khu vui chơi 0,05 ha và đất ở nông thôn 0,46 ha.

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 14,80 ha.

↳ Đất quốc phòng:

Đến năm 2030, có diện tích 280 ha, chiếm 4,28% đất phi nông nghiệp, tăng 145,38 ha so với năm 2023, lấy từ đất trồng lúa .

↳ Đất an ninh:

Đến năm 2030, đất an ninh có diện tích là 168 ha, chiếm 2,57% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 152,57 ha lấy từ đất trồng lúa 150,87 ha, đất cây lâu năm 1,60 ha và đất văn hóa 0,10 ha.

↳ Đất xây dựng công trình sự nghiệp

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Đến năm 2030, có diện tích 5 ha, chiếm 0,08%



đất phi nông nghiệp, tăng 2,45 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Điều chỉnh quy hoạch tăng 3,15 ha được lấy từ đất trồng lúa 1,50 ha và nội bộ đất phi nông nghiệp 1,65 ha.

+ Điều chỉnh quy hoạch giảm 0,70 ha do chuyển sang đất an ninh 0,10 ha và đất trụ sở cơ quan 0,60 ha.

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 1,85 ha.

- *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:*

Đến năm 2030, có diện tích 4,98 ha, chiếm 0,08% đất phi nông nghiệp, tăng 2,40 ha so với năm 2023, được lấy từ đất trồng lúa.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế:* Đến năm 2030, có diện tích 10,43 ha, chiếm 0,16% đất phi nông nghiệp, tăng 3,07 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Điều chỉnh quy hoạch tăng 3,67 ha được lấy từ đất trồng lúa 2,90 ha và cây lâu năm 0,37 ha, và nội bộ đất phi nông nghiệp 0,40 ha.

+ Điều chỉnh quy hoạch giảm 0,60 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,22 ha, các loại đất hạ tầng 0,31 ha và đất ở nông thôn 0,07 ha.

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch: 6,76 ha.

- *Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo:*

Đến năm 2030, có diện tích 70 ha, chiếm 1,07% đất phi nông nghiệp, tăng 14,12 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Điều chỉnh quy hoạch tăng 16,82 ha được lấy từ đất trồng lúa 10,08 ha, đất cây lâu năm 1,30 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,28 ha và nội bộ đất phi nông nghiệp 5,16 ha.

+ Điều chỉnh quy hoạch giảm 2,70 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,76 ha, đất sản xuất kinh doanh 0,59 ha, đất hạ tầng 0,57 ha, đất ở nông thôn 0,59 ha, đất trụ sở cơ quan 0,07 ha và đất công trình sự nghiệp 0,12 ha.

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 53,18 ha.

- *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:*

Đến năm 2030, có diện tích 6 ha, chiếm 0,09% đất phi nông nghiệp, tăng 0,96 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Điều chỉnh quy hoạch tăng 2,61 ha được lấy từ đất trồng lúa.

+ Điều chỉnh quy hoạch giảm 1,65 ha do chuyển sang đất di tích 1,25 ha và đất ở nông thôn 0,40 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao không thay đổi mục đích sử

dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 3,39 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:

Đến năm 2030, có diện tích 0,47 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,27 ha so với năm 2023, được lấy từ nội bộ các loại đất phi nông nghiệp.

↳ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

- Đất khu công nghiệp:

Đến năm 2030, đất khu công nghiệp có diện tích là 155 ha, chiếm 2,37% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó lấy từ:

+ Đất trồng lúa 150 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm 30 ha.

- Đất cụm công nghiệp:

Đến năm 2030, đất cụm công nghiệp có diện tích 101,00 ha, chiếm 1,49% đất phi nông nghiệp. Trong đó Điều chỉnh quy hoạch tăng 71,80 ha. Cụ thể:

\* Đất cụm công nghiệp tăng 89,62 ha, từ:

+ Đất trồng lúa: 69,62 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 10 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 10 ha.

\* Đất cụm công nghiệp giảm 17,82 ha sang đất ở nông thôn, do chuyển cụm công nghiệp Tân Thành (cũ) tại xã Vọng Thê.

Diện tích đất cụm công nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 11,38 ha.

- Đất thương mại - dịch vụ:

Đến năm 2030, đất thương mại - dịch vụ có diện tích 65 ha, chiếm 0,99% đất phi nông nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch tăng 46,29 ha được lấy từ:

+ Đất trồng lúa: 12,14 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 15,14 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 1,85 ha;

+ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 17,16 ha.

Diện tích đất thương mại dịch vụ không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 18,71 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Để phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, đến năm 2030, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 143 ha, chiếm 2,12%

đất phi nông nghiệp, thực tăng 54,52 ha. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng 64,70 ha được lấy từ:

+ Đất trồng lúa: 27,44 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,13 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 26,40 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,22 ha;

+ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 10,51 ha.

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 10,18 ha để chuyển sang đất thương mại dịch vụ 6,75 ha, các loại đất hạ tầng 0,71 ha, đất ở nông thôn 0,97 ha, đất ở đô thị 1,74 ha và đất trụ sở cơ quan 0,01 ha.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 78,30 ha.

↳ Đất sử dụng mục đích công cộng:

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao, văn hóa, giao thông, thủy lợi, ... trên địa bàn huyện. Đến năm 2030, Đất sử dụng mục đích công cộng có diện tích 3.199,95 ha, chiếm 49,58% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 192,80 ha so với năm 2023. Cụ thể:

- *Đất giao thông:*

Đến năm 2030, đất giao thông có diện tích 1.622 ha, chiếm 24,79% đất phi nông nghiệp, tăng 163,93 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Điều chỉnh quy hoạch tăng 170,41 ha được lấy từ:

✓ Đất trồng lúa: 34,23 ha;

✓ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,27 ha;

✓ Đất trồng cây lâu năm: 18,13 ha;

✓ Đất nuôi trồng thủy sản: 1,85 ha;

✓ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 115,93 ha.

+ Điều chỉnh quy hoạch giảm 6,48 ha để chuyển sang các loại đất hạ tầng 0,26 ha, đất khi vui chơi 0,20 ha, đất ở nông thôn 1,58 ha và đất ở đô thị 4,44 ha.

Diện tích đất giao thông không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 1.451,59 ha.

- *Đất thủy lợi:*

Đến năm 2030, có diện tích 1.524 ha, chiếm 23,29% đất phi nông nghiệp, tăng 6,82 ha so với năm 2023.

+ Điều chỉnh quy hoạch tăng 17,33 ha được lấy từ:

✓ Đất trồng lúa: 7,63 ha;

- ✓ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,03 ha;
  - ✓ Đất trồng cây lâu năm: 1,66 ha;
  - ✓ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,31 ha;
  - ✓ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 7,70 ha.
- + Điều chỉnh quy hoạch giảm 10,51 ha để chuyển sang các loại đất:
- ✓ Đất sản xuất kinh doanh: 0,05 ha;
  - ✓ Đất hạ tầng: 6,80 ha;
  - ✓ Đất ở nông thôn: 2,63 ha;
  - ✓ Đất ở đô thị: 1,03 ha.

Diện tích đất thủy lợi không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch: 1.506,67 ha.

*- Đất công trình cấp nước, thoát nước*

Đến năm 2030, có diện tích 5,12 ha, chiếm 0,02% đất phi nông nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch tăng 2,93 ha được lấy từ đất trồng lúa 2,32 ha, cây lâu năm 0,02 ha, nuôi trồng thủy sản 0,22 ha và nội bộ đất phi nông nghiệp 0,18 ha.

*- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:*

Đến năm 2030, có diện tích 29 ha, chiếm 0,44% diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó Điều chỉnh quy hoạch tăng 14,84 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,01 ha, đất cây lâu năm 13,26 ha và nội bộ đất phi nông nghiệp 1,57 ha.

Diện tích Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 14,16 ha.

*- Đất bãi thải, xử lý chất thải:*

Đến năm 2030, có diện tích 4 ha, chiếm 0,06% đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng 3,64 ha được lấy từ đất trồng lúa.
- Điều chỉnh quy hoạch giảm 2,22 ha sang đất ở đô thị.

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 0,36 ha.

*- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng :*

Đến năm 2030, có diện tích 1,10 ha, chiếm 0,02% đất phi nông nghiệp.

Điều chỉnh quy hoạch tăng 0,32 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,30 ha và nội bộ đất phi nông nghiệp 0,02 ha.

*- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối :*

Đến năm 2030, có diện tích 7,79 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó Điều chỉnh quy hoạch tăng 1,59 ha được lấy từ đất trồng lúa.

*- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:*

Đến năm 2030, có diện tích 11,66 ha, chiếm 0,17% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 3,87 ha. Trong đó:

- Điều chỉnh quy hoạch tăng 4 ha được lấy từ đất trồng lúa.

+ Đất trồng lúa: 3,42 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,06 ha;

+ Nội bộ đất phi nông nghiệp: 0,52 ha;

- Điều chỉnh quy hoạch giảm 0,13 ha do chuyển sang đất giáo dục – đào tạo.

- Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch 7,79 ha.

- *Đất cơ sở tôn giáo:*

Đến năm 2030, có diện tích 30,13 ha, chiếm 0,46% diện tích đất hạ tầng, tăng 4,33 ha so với năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 3,33 ha, đất trồng cây lâu năm 0,44 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha và nội bộ đất phi nông nghiệp 0,52 ha.

Diện tích đất tôn giáo không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 25,80 ha.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng:*

Đến năm 2030, có diện tích 5,47 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,90 ha so với năm 2023, được lấy từ đất trồng lúa.

- *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:*

Đến năm 2030, có diện tích 18 ha, chiếm 0,28% đất phi nông nghiệp, tăng 1,49 ha so với năm 2023, được lấy từ đất trồng lúa.

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch: 16,51 ha.

\* Các loại đất phi nông nghiệp còn lại không thay đổi diện tích so với năm 2023, gồm Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 0,90 ha, Đất công trình bưu chính viễn thông 0,39 ha, Đất có mặt nước chuyên dùng 20,03 ha và Đất phi nông nghiệp khác 1,97 ha.

### **2.2.3.3. Đất chưa sử dụng**

Đến năm 2030, trên địa bàn huyện Thoại Sơn không còn diện tích đất chưa sử dụng do huyện sẽ đưa vào khai thác toàn bộ 36,14 ha đất chưa sử dụng nằm ở các xã An Bình, Vọng Đông và thị trấn Óc Eo vào mục đích thương mại dịch vụ phục vụ cảnh quan du lịch.

### **2.2.4. Phân kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện**

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

**Bảng 35. Phân kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm trong Điều chỉnh QHSDD**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2025		Kỳ cuối, đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	41.245,49	87,56	40.925,49	86,88	40.559,77	86,11
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.763,11	82,29	38.485,18	81,70	38.189,78	81,08
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.763,11	82,29	38.485,18	81,70	38.189,78	81,08
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,37	0,28	119,47	0,25	123,94	0,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.542,43	3,27	1.512,45	3,21	1.411,01	3,01
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	0,28	130,98	0,28	130,98	0,28
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	0,11	51,89	0,11	51,89	0,11
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	513,42	1,09	512,60	1,09	525,27	1,12
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,74	0,23	108,74	0,23	108,74	0,23
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	0,01	4,17	0,01	18,17	0,04
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	5.822,15	12,36	6.142,16	13,04	6.544,01	13,89
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.081,75	2,30	1.112,71	2,36	1.097,01	2,33
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	243,54	0,52	251,16	0,53	324,01	0,69
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	0,04	18,74	0,04	23,01	0,05
2.1	Đất quốc phòng	CQP	134,62	0,29	134,62	0,29	280,01	0,59

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kỳ đầu, đến năm 2025		Kỳ cuối, đến năm 2030	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	0,03	15,43	0,03	181,01	0,38
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,60	0,16	77,58	0,16	96,87	0,21
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,01	2,55	0,01	5,01	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	0,01	2,58	0,01	4,98	0,01
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	0,02	7,66	0,02	10,43	0,02
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,88	0,12	59,56	0,13	70,01	0,15
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,04	0,01	5,04	0,01	6,01	0,01
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,20	0,01	0,20	0,01	0,47	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	137,29	0,29	169,51	0,36	465,01	0,99
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	155,01	0,33
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	0,06	11,88	0,03	101,01	0,21
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,71	0,04	42,99	0,09	65,01	0,14
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,48	0,19	113,18	0,24	143,01	0,30
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,01	0,90	0,01	1,01	0,01
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.007,16	6,38	3.255,51	6,91	3.199,95	6,79

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2025		Kỳ cuối, đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.458,07	3,10	1.708,94	3,63	1.622,01	3,44
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.514,99	3,22	1.511,42	3,21	1.518,88	3,22
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	2,19	0,01	-	-	5,12	0,01
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	0,03	14,36	0,03	29,01	0,06
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,58	0,01	2,63	0,01	4,01	0,01
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	0,01	1,50	0,01	1,10	0,01
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	0,01	0,39	0,01	0,39	0,01
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,20	0,01	6,20	0,01	7,79	0,02
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	7,79	0,02	7,99	0,02	11,66	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,80	0,05	25,80	0,05	28,01	0,06
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	0,01	4,57	0,01	5,47	0,01
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,51	0,04	17,25	0,04	18,01	0,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.061,13	2,25	1.059,94	2,25	1.061,13	2,25
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	0,04	20,03	0,04	20,03	0,04
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	2,21	1.039,91	2,21	1.041,11	2,21
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	0,01	1,97	0,01	1,97	0,01



**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thọ Sơn - tỉnh An Giang**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kỳ đầu, đến năm 2025		Kỳ cuối, đến năm 2030	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	36,14	0,08	36,14	0,08	-	-
	Trong đó:		-	-	-	-	-	-
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	36,14	0,08	36,14	0,08	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*</b>		-	-	-	-	-	-

### III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

#### 3.1. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Phương án đã phân bổ hợp lý tiềm năng từng loại đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, qua đó tạo ra giá trị gia tăng về kinh tế từ đất thông qua nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nên mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sử dụng đất và xã hội. Trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch (2024-2030), ngân sách của huyện dự kiến sẽ thu được khoảng 626 tỷ đồng, trung bình 89 tỷ đồng/năm (đã trừ đi các khoản bồi thường, hỗ trợ và các chi phí hợp lý theo quy định). Đây là nguồn thu lớn cho ngân sách của huyện để đầu tư cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Đã gián tiếp tạo ra một khoản bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khoảng 727 tỷ đồng, trung bình 103 tỷ đồng/năm. Đây là nguồn nội lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, cá nhân nói riêng và kinh tế - xã hội của huyện nói chung.

#### 3.2. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

Phương án đã đề xuất, đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa là 38.190 ha; cây hàng năm khác là 124 ha; cây lâu năm là 1.411 ha; đất nuôi trồng thủy sản là

525 ha. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng cao do ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hình thành vùng sản xuất tập trung cây ăn trái chất lượng cao và nuôi trồng thủy sản công nghiệp, qua đó sẽ góp phần gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

### **3.3. Đánh tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.**

Về việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở. Phương án Điều chỉnh Quy hoạch đã bố trí đủ đất cho nhu cầu về đất ở tăng thêm do tăng dân số và tách hộ tại khu vực đô thị và nông thôn; nhu cầu tái định cư của các dự án có thu hồi đất, với diện tích tăng thêm so với năm 2020 đất ở tại đô thị là 108,63 ha, đất ở tại nông thôn là 108,07 ha, nên đã giải quyết được quỹ đất ở, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân phải di dời chỗ ở.

Với số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. Trong phương án, đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng (từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp) là 729 ha, gồm: đất trồng lúa 513 ha, đất trồng cây lâu năm 210 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1 ha, đất nuôi trồng thủy sản 5 ha. Trên cơ sở hạn mức giao đất tối đa đối với trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản là 3 ha/hộ, đất trồng cây lâu năm là 10 ha/hộ; với dự kiến số lao động bình quân của 01 hộ có từ 1-2 người, nên khi chuyển mục đích sử dụng của 729 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tương ứng có khoảng 300 - 650 hộ lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp. Để giải quyết vấn đề này, phương án đã bố trí đất cho phát triển khu, cụm dân cư, thương mại - dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp. Do đó, đã tạo điều kiện thuận lợi về chỗ ở và việc làm cho số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn.

### **3.4. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.**

Đối với phát triển hạ tầng. Phương án đã bố trí tăng thêm 233 ha so với năm 2023 để đáp ứng cho nhu cầu phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm của tỉnh và huyện, cụ thể:

- Đất dành cho phát triển hạ tầng kỹ thuật được tính toán đầy đủ, hợp lý góp phần phát triển hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hóa trên địa bàn.

- Đất dành cho phát triển hạ tầng xã hội được bố trí đầy đủ để phát triển các ngành giáo dục, văn hoá, thể thao,... góp phần nâng cao dân trí, thu hút đầu tư, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, ngành nghề và tăng thu nhập cho người lao động trên địa bàn.

**3.5. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.**

Đã bố trí quỹ đất tăng gần 15 ha so với năm 2023, trong thời gian tới huyện chủ yếu đầu tư mở rộng và nâng cấp, cải tạo các công trình di tích lịch sử - văn hóa, theo hướng đồng bộ, đa dạng đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với việc tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, qua đó góp phần khai thác có hiệu quả các khu di tích lịch sử - văn hóa; đảm bảo, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, cũng như đáp ứng tốt nhu cầu về hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân trên địa bàn và khách du lịch.

**3.6. Đánh giá tác động của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.**

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng đất đai, phương án đã bố trí diện tích đất sản xuất nông nghiệp gần 40 ngàn ha để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng, áp dụng các biện pháp sinh học trong canh tác, hình thành vùng sản xuất tập trung chuyên canh lúa, cây ăn trái chất lượng cao và nuôi trồng thủy sản công nghiệp. Do đó, đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, cải tạo, bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên đất đai.

Đã bố trí đất phục vụ cho phát triển hạ tầng kỹ thuật – xã hội, trong đó diện tích đất phân bổ cho từng hạng mục công trình, dự án được tính toán cụ thể đúng định mức quy định, nên đã góp phần duy trì, bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên nhân văn và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Đến năm 2030, phương án đã xác định diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.411 ha, đất lâm nghiệp là 182 ha và các cây xanh phân tán trong các khu đô thị, nông thôn, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, tuyến giao thông,... Phấn đấu tỷ lệ cây xanh che phủ đạt 15%, góp phần tạo cảnh quan đô thị, nông thôn, tăng độ che phủ đất và bảo vệ môi trường.

### **Phần III**

## **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất**

- Kết hợp trồng cây xanh, xây kè bao ở những nơi đất có cao trình thấp chịu ảnh hưởng của lũ lụt.

- Quy hoạch, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống các trung tâm, các trạm bảo vệ thực vật đảm bảo khả năng kiểm soát đầu vào và đầu ra trong hoạt động sử dụng phân bón và các hóa chất bảo vệ thực vật.

- Trong thâm canh năng suất cây trồng cần gắn kết với các biện pháp sinh học theo hướng canh tác sạch, sử dụng phân bón hữu cơ.

#### **1.2. Giải pháp về môi trường**

- Sử dụng đất trong các dự án phải có phương án bảo vệ môi trường, hoàn trả hiện trạng mặt đất sau khi kết thúc dự án.

- Đến năm 2030, huyện Thoại Sơn tập trung phát triển các ngành công nghiệp sạch không gây ô nhiễm môi trường, đẩy mạnh sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp và nông dân ứng dụng nhanh những thành tựu khoa học - công nghệ. Thường xuyên mở những khóa tập huấn, các hội thảo chuyên đề nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho lực lượng khoa học, công nghệ và quản lý môi trường của huyện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong các khu dân cư; thúc đẩy khuyến khích các cơ sở sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trang bị hệ thống xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn nhằm bảo đảm môi trường trong lành xung quanh các khu dân cư tập trung.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao đi đôi với phát triển bền vững.

- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường; giữa sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng đất.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở khu công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị đảm bảo chất thải được xử lý đủ tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Đảm bảo hệ thống bảo vệ thủy hải sản bên cạnh hệ thống thú y, hệ thống bảo vệ gia súc, gia cầm, thủy cầm đảm bảo khả năng kiểm soát đầu vào, đầu ra thức ăn, các loại vacxin và các loại thuốc chữa bệnh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường để có thông tin kiểm soát, đánh giá chính xác và kịp thời mức độ ô nhiễm môi trường.
- Tăng cường công tác quản lý môi trường trong chăn nuôi heo, cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

## **II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Tỉnh, huyện giảm hoặc miễn thuế trong thời gian nhất định nhằm thu hút đầu tư và tăng khả năng cạnh tranh của khu công nghiệp, các cơ sở kinh tế, lĩnh vực kinh tế trọng điểm của huyện. Khuyến khích, ưu đãi trong phát triển các khu đô thị mới, giảm thuế và hỗ trợ tài chính đối với các nhà đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, khuyến khích áp dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp nhằm tăng sản lượng và sức cạnh tranh trên thị trường.

- Có kế hoạch sắp xếp ưu tiên đầu tư thực hiện những dự án, công trình trọng điểm, các công trình về cơ sở hạ tầng, nhà ở phải được đầu tư trước một bước, kế hoạch phát triển giao thông phải đầu tư tập trung và gắn với phát triển đô thị hoá.

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu nhằm thực hiện đúng tiến độ và bảo đảm được hiệu quả của dự án, đặc biệt rút ngắn thời gian giải phóng mặt bằng. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra giám sát của chủ đầu tư, của các cơ quan quản lý nhà nước để chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, tạo niềm tin cho nhân dân khi tham gia vốn và đầu tư.

- Huy động tối đa các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Áp dụng mọi hình thức khuyến khích để huy động vốn nhân rồi trong nhân dân như: Quỹ tiết kiệm, phát hành tín phiếu, cổ phiếu, trái phiếu công trình.

## **III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để cho các tổ chức, cá nhân được biết.

- Thực hiện nghiêm túc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch và pháp luật. Trong đó chấp nhận các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với các trường hợp đất ở xen kẽ trong đất nông nghiệp và đất ở kết hợp với đất thương mại dịch vụ nhằm giúp người dân ổn định nơi ở và tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, bảo đảm quỹ đất theo kế hoạch cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh công nghiệp và dịch vụ, xây dựng các công trình phục vụ mục đích công cộng.

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC**

### **4.1. Giải pháp về thực hiện các chính sách**

- Công khai, tuyên truyền quy hoạch sử dụng đất và pháp luật về đất đai, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy hoạch.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, thường xuyên những nội dung quản lý của Nhà nước về đất đai trong toàn huyện. Đảm bảo theo đúng phương án kế hoạch sử dụng đất được duyệt phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Đối với các trường hợp vi phạm Luật đất đai, sử dụng không đúng mục đích, không xây dựng đúng tiến độ dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề nghị xử lý nghiêm minh.

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của Trung ương phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.

- Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chính sách đầu tư đồng bộ giữa giao thông và thủy lợi bố trí với việc kết hợp các tuyến dân cư để tiết kiệm đất.

- Chính sách phát triển các điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị hóa tại chỗ, tránh tình trạng tập trung dân cư vào các đô thị.

- Chính sách về khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa bằng cách quy tập nghĩa trang, nghĩa địa.

- Chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường.

### **4.2. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực**

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ QHSDĐ cần thực

hiện đồng bộ về khung pháp lý, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng, đề bạt bổ nhiệm, có chính sách tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ về QHSDĐ đồng thời phải có chế tài giám sát việc lợi dụng các lỗ hổng của pháp luật đất đai trong việc lập, thẩm định, xét duyệt, phê duyệt, điều chỉnh, công bố và thực hiện QHSDĐ.

- Bổ sung nhân lực, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm cho cán bộ địa chính, nhất là trong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

- Tổ chức đào tạo: Đào tạo lại bao gồm cả nâng cao kỹ năng tác nghiệp theo tiêu chuẩn quốc gia đối với cán bộ của các doanh nghiệp và đào tạo kỹ thuật, trình độ quản lý cho các chủ trang trại hay chủ hộ gia đình.

- Mở rộng hệ thống, loại hình đào tạo nghề, đổi mới công tác hướng nghiệp và tập trung đào tạo nghề gắn với các khu công nghiệp, chế biến nông - thủy sản, may mặc... để đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

#### **4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ**

- Bố trí đủ cơ sở vật chất, từng bước ứng dụng khoa học công nghệ trong việc lập, giám sát và thực hiện quy hoạch.

- Cần có sự tham gia tích cực của các nhà khoa học, các nhà quản lý trong và ngoài ngành để nâng cao chất lượng của công tác lập quy hoạch.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ... nhằm sản xuất ra hàng hóa có số lượng nhiều và chất lượng tốt, giá thành rẻ đối với hàng hóa chủ lực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Tập trung xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ, chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn của huyện. Thực hiện xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ theo Luật khoa học và công nghệ.

- Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng liên ngành để tăng hiệu quả đầu tư, sử dụng đất.

- Tăng cường đổi mới cơ chế và hoàn thiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường phù hợp với địa phương, tạo môi trường cho hoạt động khoa học và công nghệ, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

#### **4.4. Giải pháp cải cách hành chính trong quản lý đất đai**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường; đổi mới phương pháp, hình thức tuyên truyền; đảm bảo việc tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của Tỉnh trên mọi phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để mọi người dân được biết.

- Thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, nhất là trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp phát triển kinh doanh.

- Bảo đảm công bố, công khai kịp thời, đầy đủ và chính xác các thủ tục hành chính. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính; xử lý nghiêm các đơn vị, tổ chức tự ý quy định thêm thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ và các cán bộ, công chức nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Tăng cường lắng nghe, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp về các quy định hành chính và thực thi thủ tục hành chính tại các địa phương.

#### **4.5. Giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cập nhật các kịch bản biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng dự báo phát triển KT-XH. Đây là việc hết sức quan trọng để nâng cao hiệu quả QLNN về đất đai nói chung và hoàn thiện QHSDĐ nói riêng. Việc cập nhật các kịch bản BĐKH và nâng cao chất lượng dự báo phát triển KT-XH khi được thực hiện tốt trong thực tế sẽ tạo thuận lợi cho việc tích hợp thích ứng BĐKH vào QHSDĐ, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất, tính toán sát nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, các ngành.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ QLNN về đất đai nói chung và về QHSDĐ theo hướng tích hợp thích ứng BĐKH nói riêng theo hướng tinh gọn, tránh chồng chéo, phân cấp rõ ràng giữa trung ương và địa phương. Chất lượng đội ngũ cán bộ cần phải được đặc biệt chú trọng cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

- Nâng cao hiệu quả lấy ý kiến của nhân dân, các nhà khoa học, các chuyên gia am hiểu về QHSDĐ đóng góp ý kiến, kiến nghị về hoạt động QHSDĐ. Đây là giải pháp hết sức quan trọng để tập hợp, phát huy trí tuệ của nhân dân, của các chuyên gia, các nhà khoa học trong quá trình QHSDĐ theo hướng tích hợp thích ứng với BĐKH.



## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn được xây dựng theo phương pháp luận về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, nên đảm bảo tính toán một cách hệ thống và đầy đủ các loại đất, làm cho sử dụng đất đai của huyện triệt để và có cơ sở để phân bổ quỹ đất cho các ngành quản lý sử dụng.

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn được xây dựng đã dựa trên cơ sở thực trạng sử dụng đất, sự biến động về sử dụng các loại đất trong những năm gần đây. Căn cứ vào những định hướng trong phương án phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thoại Sơn đến năm 2030 và quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và dân cư nông thôn của huyện đến năm 2030... Do đó phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện đảm bảo tính hệ thống phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội.

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn được xây dựng trên cơ sở phát triển đô thị và các điểm dân cư trong tương lai, thực hiện việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các khu chức năng phân vùng sản xuất hợp lý đặc biệt là các khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa vui chơi giải trí góp phần thúc đẩy kinh tế trong huyện phát triển ngày càng cao.

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn đã nghiên cứu đề xuất quy hoạch đất ở mới cho từng đối tượng có nhu cầu và đã chỉ rõ địa điểm, quy mô cho từng khu vực. Đây là một trong những kết quả phục vụ thiết thực cho việc thực hiện quy hoạch xây dựng của huyện Thoại Sơn, nhằm sử dụng đất tiết kiệm và tránh sự xáo trộn lớn trong sử dụng đất.

Phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn được lựa chọn đưa vào trình bày trong báo cáo đã được bàn bạc trao đổi với các ngành có nhu cầu sử dụng đất và các cơ quan quản lý kinh tế của huyện và đã được lãnh đạo huyện xem xét, cân nhắc đến việc bố trí đất đai cho từng hạng mục công trình cả về địa điểm và quy mô đất đai. Do đó phương án mang tính thực tiễn khá cao và có điều kiện thực hiện.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần được tiến hành đúng theo thời gian quy định để việc triển khai và thực hiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả cao.

**Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030  
của huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang**

---

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất của huyện và quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện; cũng như cập nhật và xử lý các thông tin về định hướng phát triển. Từ đó tính toán xây dựng kế hoạch đến từng loại đất, cho từng mục đích sử dụng, tránh chồng chéo và có tính hiện thực.

UBND huyện Thoại Sơn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt, trên cơ sở này đề nghị các ban, ngành tỉnh quan tâm, tạo điều kiện để huyện hoàn thành công tác lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn, tạo tiền đề cho việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân./.